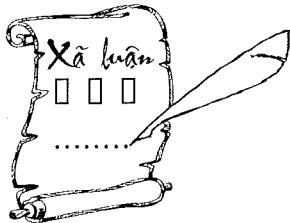


THÔNG LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 - Số 204 - Năm thứ 19, tháng 06.2006

THỜI ĐIỂM QUAN TRỌNG CHO ĐỔI LẬP DÂN CHỦ

Chưa bao giờ đổi lập dân chủ Việt Nam cần đặt cho mình nhiều câu hỏi bằng lúc này.

Đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam đã kết thúc, ban lãnh đạo mới sẽ có chính sách nào và những biện pháp nào đối với người dân chủ? Câu hỏi này dĩ nhiên phải được đặt ra nếu người ta nhớ lại rằng ngày sau đại hội 9 (tháng 4-2001), một đợt đàn áp đã bắt đầu với các vụ sách nhiễu, khám nhà, hỏi cung, tố khố tại khu phố và đạt cao điểm trong năm 2002 với một loạt các vụ án chính trị thô bạo. Câu hỏi càng cần được đặt ra khi đảng cộng sản tăng cường bộ máy an ninh tình báo và đưa Lê Hồng Anh lên làm nhân vật quyền lực nhất trong đảng. Ban lãnh đạo cộng sản mới muốn gì, có thể làm gì?

Một câu hỏi quan trọng hơn là đổi lập dân chủ Việt Nam có thể làm gì và phải làm gì trong những ngày sắp tới, khi hầu hết những gì cần nói đã được nói rồi qua những phỏng vấn, đóng góp, tham luận và nhất là gần đây qua những tuyên ngôn đòi tự do dân chủ?

Ý đồ đàn áp tuy đã rõ rệt nhưng đảng cộng sản sẽ phải liên tục trì hoãn. Hội nghị APEC và cuộc công du Việt Nam của tổng thống Mỹ sẽ buộc đảng cộng sản phải nương tay với đổi lập dân chủ ít nhất cho tới cuối năm 2006, nhất là lần này họ muốn và phải gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Họ cũng sẽ bị trói tay trong năm 2007 vì đó là giai đoạn chờ đợi để được chính thức kết nạp vào WTO. Giai đoạn sắp tới cũng sẽ là giai đoạn mà Hà Nội phải quản lý một quan hệ phức tạp với Liên Hiệp Châu Âu sau khi Hội Đồng Châu Âu đã biểu quyết nghị quyết 1481 lên án chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản.

Tình hình trong nước cũng không cho phép ban lãnh

đạo cộng sản thi hành chính sách đàn áp, trừ khi hành động liều lĩnh với nguy cơ làm tan vỡ chính đảng cộng sản và làm sụp đổ chế độ. Căng thẳng trong xã hội đang gia tăng nhanh chóng vì vật giá leo thang trong khi thu nhập không thay đổi làm đời sống nhân dân sa sút, tham nhũng cũng đã khiến toàn dân và đa số đảng viên cộng sản căm thù những người lãnh đạo.

Tình thế đang rất thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ, nếu được thúc đẩy trong tinh thần bao dung và hòa giải dân tộc. Vấn đề cốt lõi là những người dân chủ Việt Nam cần ý thức rằng dù chế độ cộng sản có chao đảo tới đâu đi nữa dân chủ cũng không thể thắng nếu thiếu một kết hợp dân chủ mạnh. Tiến tới đấu tranh có tổ chức là điều bắt buộc nhưng rất khó khăn, đòi hỏi rất nhiều thận trọng, phương pháp và khiêm tốn. Chúng ta đều biết là người Việt Nam rất thiếu văn hóa tổ chức, chúng ta cũng đều đã thấy hậu quả tai hại của những hành động áp đặt nóng vội qua những xung đột đáng tiếc vừa xảy ra cho phong trào dân chủ trong nước. Ngược lại, chúng ta cũng có mọi lý do để lạc quan. Thời gian đã làm nhiệm vụ sàng lọc của nó, những người dân chủ đứng đắn đã được nhận diện và giữa họ sự gắn bó ngày càng tăng; tuổi trẻ chuyển mình và bắt đầu tiếp nối thế hệ cha anh. Một kết hợp dân chủ rộng lớn có thể thực hiện được.

Cũng đừng quên một yếu tố rất quan trọng: ban chấp hành trung ương mới của đảng cộng sản gồm đa số những người trưởng thành sau năm 1975, không có công mà cũng chẳng có tội trong việc thiết lập chế độ cộng sản. Họ tiêu biểu cho đại bộ phận đảng viên cộng sản ngày nay, và rất có thể nhiều người trong họ cũng muốn là tác nhân thay vì nạn nhân của cuộc chuyển hóa bắt buộc của đất nước về dân chủ.

Thông Luận

Chính sách an ninh quốc phòng của Thái Lan

Nguyễn Minh

Ám ảnh lớn nhất đối với người Thái là sợ mất độc lập. Thật vậy, từ sau khi đánh bại đế quốc Angkor (1431) và giành lại độc lập, ưu tư chính của các vương triều Xiêm La là giữ gìn độc lập bằng mọi giá. Do đó trước những đòn thù hùng mạnh hơn thì người Thái chọn phe mạnh nhất để được bảo vệ mà không bị mất độc lập. Chính nhờ sự đu dây này mà từ thế kỷ 16 đến giữa thế kỷ 20, trong khi các quốc gia Đông Nam Á khác lần lượt bị các thế lực thực dân châu Âu chiếm đóng, vương triều Xiêm La vẫn duy trì được độc lập. Sau 1945, Xiêm La đổi tên thành Thái Lan (đất của người Thái) và áp dụng thể chế quân chủ lập hiến, nhưng chính sách quốc phòng của quốc gia mới này vẫn không thay đổi, nghĩa là chọn cường quốc mạnh nhất để hợp tác : Hoa Kỳ.

Chính sách đu dây của các chính quyền Thái

Từ sau 1945 đến nay, cho dù các chính quyền quân sự và dân sự cứ tiếp nối thay nhau nhưng đồng minh quân sự chính của Thái Lan vẫn là Hoa Kỳ. Năm giữa một vùng đất đầy tranh chấp với các quốc gia lân bang và giữa hai thế giới đang bành trướng thế lực : Trung Quốc và Ấn Độ, tiếp tục là đồng minh quân sự với Hoa Kỳ. Đây là một thái độ khôn ngoan. Nhất là gần đây, Thái Lan rất cần Hoa Kỳ hỗ trợ về kỹ thuật tác chiến để chống khủng bố Hồi giáo quá khích đang xâm nhập vào lãnh thổ phía Nam.

Trong suốt thời gian từ 1956 đến 1992, quân đội Thái Lan luôn luôn ở trong tình trạng báo động thường xuyên, vì Thái Lan là hậu cần của quân đội Hoa Kỳ trong suốt cuộc chiến Việt Nam (1956-1975) và là hậu cứ của lực lượng Khmer Đỏ (1979-1992). Sự duy trì một lực lượng quân sự khổng lồ để đối đầu với sự bành trướng của quân đội cộng sản Việt Nam tuy rất tốn kém nhưng không thể thiếu được. Nhưng từ 1992 trở lại đây, sau khi ba nước Đông Duuơng (Việt Nam, Campuchia và Lào) gia nhập vào khối ASEAN, căng thẳng quân sự giảm hẳn và biến mất vào đầu thiên niên kỷ thứ ba. Hiện nay bộ binh Thái Lan có khoảng 280.000 người, trong đó lực lượng tác chiến là 190.000 người.

Nét đặc trưng của giới tướng lãnh Thái Lan, từ khi lên cầm quyền trong thập niên 1960 đến cuối thập niên 1990, là làm kinh doanh. Chính quyền quân phiệt đã kết hợp với giới tư sản để trở thành lực lượng lãnh đạo độc quyền. Khi chấp nhận cho quân đội Mỹ sử dụng căn cứ Udon-Thani làm hậu cứ tiếp tế chiến trường Việt Nam và Lào trong hai thập niên 1960 và 1970, cả vùng rừng núi phía Tây của Thái Lan cũng nhờ đó phát triển theo : hệ thống đường sá và điện nước đã đến tận những vùng nông thôn xa xôi nhất. Quân đội Thái là chủ hệ thống ngân hàng lớn nhất nước.

Tuy nắm giữ rất nhiều quyền lực trong tay nhưng phe cầm quyền không biết chia đều quyền lợi cho những phe

khác nên đã xảy ra nhiều cuộc đảo chính từ 1960 đến cuối thập niên 1980. Sau những cuộc tranh đấu của giới sinh viên và học sinh, chính quyền quân phiệt nhường chỗ cho chính quyền dân sự tháng 9-1991, 557 tướng tá đã bị cách chức, quân đội trở về lại với vai trò chính của mình là bảo vệ an ninh nội địa và khu vực biên giới. Từ sau ngày đó, sinh hoạt kinh tế của Thái Lan phát triển mạnh, tăng 33% năm 1993, chính phủ dồn mọi nỗ lực (8 tỷ USD) để nâng cao hạ tầng cơ sở với tốc độ phát triển trung bình 6%/năm, nhưng cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 đã làm khụng lại mọi dự án phát triển.

Nhờ có phát triển, chính quyền dân sự đã dành một ngân sách lớn để hiện đại hóa quân đội. Mặc dù vẫn nhận nhận Hoa Kỳ là đồng minh chính, nhưng giới lãnh đạo Thái vẫn không quên tập quán cố hữu là duy trì nền độc lập bằng mọi giá. Không muốn lệ thuộc vào Hoa Kỳ về quân sự, Thái Lan đã mua vũ khí từ 11 nước khác trên thế giới. Biết rõ tập quán của quân đội Thái, giới buôn bán vũ khí thường mua chuộc những cấp lớn trong quân đội để ký những hợp đồng béo bở. Trước đó quân đội Thái đã gián tiếp cung cấp vũ khí và tiếp tay với giới buôn lậu vào việc vận chuyển thuốc phiện từ khu Tam Giác Vàng đi khắp thế giới. Tình trạng này chỉ chấm dứt vào năm 2003 khi chính quyền Thái Lan bị thế giới làm áp lực chống buôn bán thuốc phiện tại khu Tam Giác Vàng.

Vừa chấm dứt xong nạn chuyên chở thuốc phiện vùng biên giới phía Bắc, quân đội Thái liền đổi đầu với những xung đột về tôn giáo, sắc tộc và buôn bán thuốc phiện tại vùng biên giới phía Nam. Từ đầu năm 2004, quân du kích khủng bố Hồi giáo gốc Mã Lai đã liên tục tấn công các đồn cảnh sát, trường học và cả doanh trại quân đội ở ba tỉnh cực nam Thái Lan. Những cuộc xung đột giữa quân chính phủ và quân Hồi giáo quá khích đã làm hàng ngàn người thiệt mạng, đa số là thường dân ; bộ trưởng quốc phòng Thái bị cách chức ngày 6-10-2004. Tình trạng bất ổn tại vùng này vẫn còn kéo dài cho tới ngày nay.

Thái xem trọng các cuộc diễn tập quân sự với Mỹ

Tuy chưa bao giờ biết đến chiến tranh, Thái Lan vẫn duy trì chế độ quân dịch. Người thanh niên đến tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự (18 tuổi) sau khi được huấn luyện xong, gọi là quân trừ bị, sẽ được bắt thăm để bố trí vào các binh chủng hải, lục, không quân trong vòng hai năm, hoặc được miễn dịch. Hiện nay Thái Lan có khoảng 200.000 quân trừ bị.

Nhờ có phát triển kinh tế đều đặn từ 1991 đến 1996, từ 7 đến 8% mỗi năm, hải quân Thái đã được trang bị một hàng không mẫu hạm cỡ nhỏ Chaklinalevet do Tây Ban Nha nhượng lại, trọng tải 11.485 tấn, vận tốc 26 knot. Đây

là hàng không mău hạm đầu tiên của các quốc gia trong khối ASEAN. Để hỗ trợ hàng không mău hạm này, hải quân Thái được trang bị thêm ba tàu tiếp tế nhiên liệu mua của Trung Quốc và sáu hộ tống hạm Knock mua của Mỹ. Hàng không mău hạm này có nhiệm vụ gìn giữ bầu trời và vùng biển trong vịnh Thái Lan, vùng biên giới giữa Thái Lan và Miến Điện dọc bán đảo Mã Lai và eo biển Malacca. Với hạm đội này, Thái Lan đã tham dự các cuộc diễn tập trên biển ngang hàng với các cường quốc hàng hải khác như Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản, Đại Hàn và hơn hẳn các quốc gia lân bang như Philippines, Singapore, Mã Lai và Indonesia.

Về khong quân, chủ lực tấn công chính của Thái Lan là phi đội chiến đấu cơ F16 mua của Hoa Kỳ. Ngoài số lượng trực thăng do quân đội Mỹ nhượng lại, khong quân Thái vừa được trang bị thêm 10 trực thăng chiến đấu Alpha Jet do Đức nhượng lại dùng để truy kích và bảo trừ lực lượng phiến quân dọc hai vùng biên giới Mã Lai và Miến Điện.

Ngoài số lượng súng cá nhân mua của Hoa Kỳ, bộ binh Thái chưa được cấp ngân sách lớn để trang bị những loại vũ khí mới. Hiện tại binh chủng thiết giáp vẫn còn sử dụng các loại chiến xa đời cũ mua của Mỹ như M60, M48 và xe bọc thép Hammer. Binh chủng pháo binh cũng thế, vẫn tiếp tục sử dụng các đại bác 105 mm và 155 mm. Binh chủng truyền tin được trang bị tối tân hơn với những máy truyền tin mua của châu Âu nhưng đa số quân cự truyền tin vẫn là của Mỹ.

Chính vì thế, bộ tham mưu quân đội Thái đã rất buồn phiền vì chưa dè bẹp được lực lượng phiến quân tại các khu vực biên giới, được trang bị bằng các loại vũ khí nhẹ tối tân hơn do lợi tức từ buôn bán thuốc phiện mang lại. Hơn nữa quân đội Thái vẫn còn sống xa cách với quần chúng nông thôn, trong khi lực lượng phiến quân bám trụ vào dân chúng để tồn tại. Cuộc chiến chống buôn lậu thuốc phiện do đó sẽ còn kéo dài chừng nào khoảng cách giàu nghèo giữa thị thành và nông thôn chưa thu ngắn lại.

Hiện nay việc giữ gìn an ninh tại hai khu vực biên giới Mã Lai và Miến Điện được giao cho lực lượng đặc biệt Thái, được chuyên viên biệt kích Mỹ huấn luyện, đảm nhiệm. Mỗi năm đều có diễn tập quân sự giữa hai lực lượng biệt kích Thái-Mỹ, dưới tên gọi "Rắn Hổ Mang Vàng" (Golden Cobra), trên các vùng biên giới để trao đổi kinh nghiệm.

Về thực lực, quân đội Thái Lan hiện nay chưa đủ mạnh để đương đầu với những biến chuyển quân sự lớn trong vùng vì thiếu trang bị. Lo ngại lớn nhất của các chính quyền Thái là sự hiện diện ngày càng công khai của hải quân Trung Quốc trên vùng biển Andaman, nhất là quyền sử dụng các căn cứ quân sự của Miến Điện trên quần đảo Coco.Thêm vào đó, hải quân Trung Quốc còn được Indonesia cho ghé vào ba quân cảng để nhận tiếp tế (trong đó có một căn cứ dành riêng cho tàu ngầm Trung Quốc) để bảo vệ nguồn cung cấp dầu. Thái cũng có mối lo tương tự với Ấn Độ vì sự hiện diện hùng hậu của lực lượng hải quân Ấn trên quần đảo Andaman, cửa ngõ vào Malacca.

Trước những nguy cơ chiến lược vừa kể đối với các lân

bang hùng mạnh, năng lực phòng thủ của Thái tuy thuộc vào sự ổn vững của chế độ dân chủ vừa được thiết lập.

Hiện nay quân lực Thái còn rất lao đao trong việc giữ gìn an ninh dọc vùng biên giới giữa Miến Điện và Mã Lai. Mỗi năm vào mùa khô, tháng 5 và tháng 6, quân đội Miến Điện tấn công vào lãnh thổ của người thiểu số Karen dọc vùng biên giới Thái để làm chủ đường vận chuyển thuốc phiện, dân quân Karen chạy vào lãnh thổ Thái lánh nạn và lập căn cứ chống lại. Sự kiện này buộc quân đội Thái phải hiện diện thường xuyên để gìn giữ an ninh, nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề.

Thêm vào đó, việc duy trì một hàng không mău hạm cùng những tàu hộ tống và tiếp tế quá tốn kém mà khả năng tài chánh của Thái Lan không còn đảm nhiệm nổi. Hiện nay đang có những thương thảo giữa Bangkok và Bắc Kinh để nhượng lại toàn bộ hệ thống hàng không mău hạm cho Trung Quốc với giá phải chăng. Nếu mua được, Bắc Kinh sẽ duy trì hạm đội này tại vùng biển Andaman để bảo vệ đường tiếp tế nhiên liệu của Trung Quốc, trong khi vẫn tiếp tục trang bị cho mình một hàng không mău hạm khác, Wariya (60.000 tấn) mua lại của Nga, để tăng cường sự hiện diện trên Biển Đông, căn cứ đặt tại quân cảng Tam Á, đảo Hải Nam. Với hai hạm đội này, Trung Quốc đủ khả năng uy hiếp lực lượng hải quân của các quốc gia Đông Nam Á trên quần đảo Trường Sa, trong quyết tâm chiếm thêm các đảo khác, để mở rộng khả năng dò tìm dầu hỏa trên vùng Biển Đông trước sự bất lực của các quốc gia Đông Á (Nhật Bản và Đại Hàn).

Nguyễn Minh (Tokyo)

Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : Vietnam Fraternité.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : Thanh Luong Nguyen, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hà Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của Stichting mensenrechten voor VietNam (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : Vietnamese Centre (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : Nguyen Van Hiep (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : Thu S. Duong (báo Thông Luận).

*** lửa dối thành quốc sách * quốc nạn không lời giải * đảng đè đầu quốc hội ***
*** xã hội dân sự lùng lùng bất dậy * thế đảng tụt dốc ***

1. Lãnh đạo đảng cộng sản thu được những kết quả gì ?

- Thông qua được những văn kiện rất bảo thủ với tỷ lệ cao ở đại hội 10 ; không có ý kiến phản đối, bổ sung, thay đổi gì đáng kể. Những tham luận hầu hết đều xuôi chiều ; trong đại hội chỉ có vài ý kiến khá mạnh dạn về tệ bao biện của đảng và về nạn tham nhũng dai dẳng, nghiêm trọng; vẫn theo lối cũ, có mặt còn tệ hơn, như việc chỉ định "tứ trụ", ngang nhiên khinh thường quốc hội.

- Thông qua được nhân sự 160 ủy viên trung ương, 21 ủy viên dự khuyết và 14 ủy viên bộ chính trị, ban bí thư trung ương, ban kiểm tra trung ương như đã định trước.

- Duy trì ông Nông Đức Mạnh ở chức tổng bí thư thêm một nhiệm kỳ nữa ; đây là một thắng lợi của nhóm siêu bảo thủ do Mười+Anh cầm đầu, được Bắc Kinh yểm trợ ; chúng rắp tâm duy trì Mạnh để dễ dàng giật dây, chặn đứng quá trình dân chủ hóa, đa đảng hóa, nhanh chóng hòa nhập toàn diện với thế giới, mặc dù uy tín Mạnh giảm rất rõ rệt cả trong đảng và ngoài xã hội.

- Tránh được vụ Tổng Cục 2 và T4 nổ ra giữa đại hội thành một cuộc tranh luận công khai ; họ đã khoanh lại, im đi, viện cớ chuyện quá cũ, không có tình tiết mới.

- Cũng khoanh được vụ các hiệp định Việt - Trung, bị mất đất, mất biển, không gây nên tranh luận trong dịp Đại hội.

- Sau đại hội, cuộc đàm phán Việt-Mỹ để vào WTO tuy gay go, căng thẳng đã đạt kết quả, mở ra thuận lợi và thách thức mới, tạo nên tâm lý phấn chấn tự tin trong xã hội ; việc khả năng gỡ bỏ mủ CPC và thông qua PNTR cũng làm họ nhẹ nhõm.

- Cuộc họp quốc hội lần 9 khóa 11, đổi mới nhân sự cấp cao, thông qua một số Luật, thảo luận khá nhiều về quốc nạn tham nhũng... cũng tạo nên tâm lý xả hơi, ổn định.

- Một số cuộc họp quốc tế ở Việt Nam chuẩn bị cho Hội nghị APEC tháng 11-2006 ở Hà Nội, việc đón tiếp tổng thư ký Liên Hiệp Quốc gần đây, việc chuẩn bị đón tổng thống Bush cũng góp phần tạo thêm tâm lý ổn định.

2. Những thất bại và khó khăn mới của nhóm lãnh đạo bảo thủ

- Nhóm siêu bảo thủ từng có dự định đưa Nguyễn Chí Vịnh vào trung ương để sẽ vào bộ chính trị và nếu thuận sau này sẽ dành vị trí tổng bí thư, nhưng đã thất bại trong âm mưu này. Sau khi đắc cử Vịnh lên trung tướng chúng định đưa lên thứ trưởng quốc phòng, còn dự định phong là "anh hùng lực lượng vũ trang", nhưng không được đa số bộ chính trị đồng tình. Hiện lực lượng đấu tranh vẫn còn ý định đòi đưa Vịnh ra khỏi chức thủ trưởng Tổng Cục 2.

- Nhóm này còn muốn cố giữ lại một số ủy viên bộ chính trị chúng đã sai bảo được là Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm và cả Phan Diên thêm một nhiệm kỳ, nhưng đã không đạt nổi vì tuổi một phần, chủ yếu là vì ba tay này mất hết tín nhiệm.

- Việc ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Phú Trọng và Phan Diên kêu gọi toàn dân góp ý vào các văn kiện, hứa sẽ coi trọng các ý kiến xác đáng để bổ sung hoàn thiện các văn kiện, rồi sau đó bỏ đi cả - lại còn chụp mũ nhiều ý kiến là phản động, phá hoại - nên đã tự lộ mặt giả dối, độc đoán, khiêu khích những người có thiện chí. Giả dối là quốc sách của đảng !

- Về nhân sự, tất cả những người trúng cử đều do một nhóm người của khóa 9 chọn lựa (do ban tổ chức trung ương mà trưởng ban là Trần Đình Hoan và tiểu ban nhân sự của đại hội 10 do tổng bí thư Mạnh cầm đầu lựa chọn, theo tiêu chuẩn riêng của họ), tất cả số người do đại hội đề cử hay tự ra ứng cử đều trượt, chứng tỏ sự áp đặt thô bạo, ban chấp hành trung ương mới không mang tính đại diện cho đảng, chỉ là kiểu "nghị gật" của một nhóm nhỏ trong đảng. Đảng ngang ngược đè đầu quốc hội !

- Trong việc cử nhân sự mới tại quốc hội cũng biểu hiện sự áp đặt thô bạo của nhóm lãnh đạo, từ vị trí của "tứ trụ triều đình" (tổng bí thư, thủ tướng, chủ tịch nước và chủ tịch quốc hội) đến các chức phó thủ tướng, các bộ trưởng cũng do bộ chính trị mới áp đặt, chia chác nhau và quyết định, việc quốc hội thảo luận bỏ phiếu chỉ hoàn toàn là hình thức không có chút thực chất nào. Lần đầu tiên tại quốc hội Hà Nội đã có đại biểu phản nàn về cách cử nhân sự độc đoán lô liễu, nhất là trong việc cử "tứ trụ" và các phó thủ tướng, bộ trưởng... quốc hội bị tiếm quyền hoàn toàn bởi bộ chính trị (không hề được nhân dân bầu ra!).

- Trước và trong thời gian đại hội, nhiều vụ tham nhũng lớn xảy ra, đặc biệt là vụ PMU18, do một số lớn quan chức cấp cao của đảng cộng sản bòn rút hàng triệu đôla công quỹ, cờ bạc, ăn chơi trụy lạc, gây nên phản ứng gay gắt toàn xã hội, giáng vào uy tín vốn đã xuống thấp của đảng. Đã vậy, vấn đề "cướp đất" của dân do bọn cường hào mới cũng là quan chức các cấp của đảng gây nên, nhân dân gọi là "quốc nạn địa tặc" gây nên phong trào khiếu kiện đòi lại đất, có người tự thiêu.

- Vấn đề đòn áp tôn giáo, đặc biệt là đòn áp đạo Tin Lành ở Tây nguyên, Bắc Giang, đòn áp đạo Hòa Hảo và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, cũng như cái mủ CPC gây nên phản ứng rất xấu cho chế độ tàn bạo, vi phạm cam kết quốc tế và đối trả.

- Đã vậy, các cuộc bãi công ngày càng đông đảo của công nhân làm thuê từ Nam ra Bắc đòi tăng lương, đòi lập

công đoàn tự do, chống bọn chủ nước ngoài liên kết với chính quyền bóc lột, đàn áp công nhân lật trần thêm bản chất phản dân của chế độ. Việc buôn bán trẻ em và phụ nữ qua biên giới với sự tham gia đồng lõa của quan chức cộng sản địa phương phơi bày rõ thêm bản chất thối nát bất nhân của chế độ.

3. Những điều nhóm lãnh đạo e sợ nhất hiện nay ?

- Họ vẫn còn sợ vụ Tổng Cục 2 và T4 vỡ ra công khai. Vừa qua họ rất lo không bị nổi, không khoanh hoàn toàn nỗi vụ án siêu nghiêm trọng này. Anh em dân chủ trong và ngoài nước đã kiên trì đưa các vụ này ra ánh sáng, làm thất bại việc đưa tên Vịnh vào trung ương và lên thứ trưởng quốc phòng để sẽ còn lên cao nữa, theo ý đồ thâm độc của Bắc Kinh. Tướng Giáp già yếu đành thúc thủ nhưng bộ hạ ông ta vẫn còn cay và tìm cách đấu tranh tiếp, trước mắt là đòi gạt hẳn Vịnh ra khỏi quyền lực.

- Họ cố tạo uy tín mới cho ông Mạnh, cho 14 ủy viên bộ chính trị mới, cũng như cho "tứ trụ" mới, được coi là tiêu biểu cho nhiệm kỳ 5 năm tới. Vừa sắp xếp nhân sự xong, ông Mạnh vẫn bị chê trách là người không đủ đức và tài để cầm đầu đảng và chế độ, nhu nhược trong chống tham nhũng, gia đình còn dính vào tham nhũng ; ông Trọng siêu bảo thủ không thể đưa quốc hội nhích lên theo hướng dân chủ hóa. Bộ máy lại phình lên quá đáng (6 triệu công chức ăn lương, trong khi Thái Lan chỉ có hơn 2 triệu), bộ máy đảng công kềnh, nặng nề mà vô hiệu cho sự phát triển của đất nước (tiêu biểu là sự phát phì quá đáng của các bộ máy an ninh, cảnh sát, quản lý nhận thức, lý luận, kềm kẹp tư tưởng và văn hóa như : ban tư tưởng-văn hóa trung ương, học viện chính trị quốc gia mà các trí thức Hà Nội quen gọi là viện u mê hóa quốc dân).

- Cuộc đấu tranh chống tham nhũng đậm chất tại chỗ, vụ PMU18 xử không nghiêm, quốc nạn sẽ phát triển thêm, gây phẫn nộ trong xã hội, uy tín của đảng cộng sản vẫn ngày càng giảm sút, vì chính độc quyền đảng trị là gốc sinh ra và nuôi dưỡng tham nhũng.

- Cuộc góp ý và đấu tranh của các tầng lớp nhân dân và các chiến sĩ dân chủ ngày càng tập trung vào mủi nhọn của yêu sách : đòi đa nguyên - đa đảng, đòi bầu cử tự do như hiến pháp hiện hành ghi rõ, không bị pháp luật hạn chế và xóa bỏ một cách phi lý, đòi loại bỏ điều 4 của hiến pháp, nhân cuộc bầu cử quốc hội dự định vào giữa năm 2007.

- Cuộc đấu tranh về nhận thức tư tưởng phát triển ngày càng sâu rộng hơn, đi đến hình thành một số tổ chức sơ khai, điều mà giới cầm quyền cũng lo sợ bậc nhất như : đảng Dân Chủ Nhân Dân, báo Tự Do Ngôn Luận, Phong Trào Dân Chủ Việt Nam cùng với báo điện tử Tiếng Nói Dân Chủ Việt Nam, Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 8406 với số người tham gia từ 118 lên đến 557, rồi vọt lên đến 1.250, tổ chức Tập Hợp Thanh Niên Dân Chủ Việt Nam, và đặc biệt là sự phục hoạt của Đảng Dân Chủ Việt Nam từ 1-6-2006. Một xã hội dân sự đang nghiêm nhiên hình thành, ngày một lớn thêm.

- Các chiến sĩ dân chủ trong nước đông thêm, dấn thân

bên bỉ, phong trào khiếu kiện đòi công bằng, nhất là chống "địa tặc" cướp đất diễn ra dai dẳng, các cuộc bão công của lao động lan rộng, cuộc đấu tranh bảo vệ phụ nữ và trẻ em bị mua bán như nô lệ đều đang có chiều hướng phát triển là kết quả của sự phối hợp trong - ngoài chặt chẽ, kịp thời, về cả tinh thần, vật chất và vận động quốc tế; lực lượng công an rất cay cú, lăm le ngăn chặn để hòng chặt đứt mối quan hệ máu thịt có ý nghĩa quyết định này.

- Thanh niên, sinh viên học sinh, trí thức của chế độ ngày càng tham gia phong trào đòi cải cách giáo dục, đòi dân chủ, cuộc sống bình đẳng, tiến bộ trong nhân phẩm, theo pháp luật, công khai, trong sáng và minh bạch (như đảng cộng sản đã ghi vào nghị quyết nhưng không thực hiện, để thực tế diễn ra ngược lại), đang làm nhức đầu giới cầm quyền (*).

- Trong và sau đại hội 10, giới báo chí đã có một nét mới : các báo *Thanh Niên*, *Tiền Phong*, *Tuổi Trẻ*, *Pháp Luật*, *Tia Sáng*, *VN Net*... đã đăng một số bài góp ý, phỏng vấn, tiểu luận với nội dung tiến bộ, mới mẻ, mang tính đột phá, như nêu lên "thời cơ vàng hay thảm họa đen", thúc đẩy công khai hóa vụ án PMU18, trong khi báo *Nhân Dân* đứng riêng khi đăng bài của ông Đỗ Mười đòi duy trì vị trí chủ đạo của quốc doanh và bài của ông Nguyễn Đức Bình muốn hạn chế quyền tự do kinh doanh của đảng viên, là hai nhân vật siêu bảo thủ. Nhà xuất bản Trí Thức cũng in ngay 22 luận văn đặc sắc góp ý với đảng cộng sản : "Tranh luận để đồng thuận" bị bộ thông tin-văn hóa cấm lưu hành một cách trống trơn và thô bạo. Đảng cộng sản sợ sự thật, sợ mất uy tín, nhưng chính vì vậy mà thế của đảng càng them tut dốc.

Kết luận

Có thể kết luận theo nhận xét sắc sảo của nhà văn Nguyễn Ngọc, nhân vật có tư duy đổi mới sâu sắc từ những năm 1980, gắn bó một thời với ông Trần Độ để đòi tự do trong sáng tác của văn nghệ sĩ. Ông nhận định rằng : "đại hội 10 thấp hơn đời sống", "lạc hậu hơn đời sống", "hình như tự đại hội cũng tự biết điều ấy, nhưng vẫn cứ làm như vậy" (!). Ông kết luận : "với kết quả vừa rồi, tôi e đại hội sẽ kèm hầm chứa không thúc đẩy cuộc sống. Cuộc sống đang đi tới, lững lờ đi tới, phía kia là một nhóm lãnh đạo vẫn đầy quyền lực nhưng trì trệ !".

Sức sống mãnh liệt của dân tộc gắn bó với những giá trị của thời đại đang lững lờ đi tới, đẩy lùi sự trì trệ tệ hại và nguy hiểm ấy.

Bùi Tín (Paris)

(*) Phụ lục :

Gần đây nhiều nhân vật đấu tranh tiêu biểu mới xuất hiện như :

- Dược sĩ Trần Thị Hồng Sương ở Cần Thơ với gần chục bài tiểu luận, lý lẽ xác đáng lên án chế độ độc quyền chân lý và đàn áp công dân.

- Nhà báo Phan Thế Hải của báo điện tử *VN Net* chỉ rõ chế độ đảng trị phản dân chủ bám chặt chủ nghĩa Marx-Lenin đã thất bại ở tại nơi nó sinh ra ; kiến nghị 5 điểm của

ông nhằm xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên tiến bộ có sức thuyết phục với tuổi trẻ và những nhà báo tâm huyết với đất nước.

- Nhà văn Trần Mạnh Hảo với 8 bài tranh luận bác bỏ lý luận Marx-Lenin và chủ nghĩa xã hội kiểu Stalin bằng lập luận dân gian dễ hiểu mà chặt chẽ ; ông đang bị một số nhà báo công an đồi đưa ra "đấu tố" trước công luận và trong Hội nhà văn mà anh là một thành viên.

- Luật sư Đặng Dũng hành nghề tại Sài Gòn nêu rõ "trò chơi dân chủ" là chính đáng và chỉ có lợi cho đất nước và nhân dân, chỉ có kẻ không ngay thật mới sợ hãi dân chủ.

- Tiến sĩ Đặng Ngọc Dĩnh ở Sài Gòn cũng nêu bật sự cấp bách xây dựng xã hội dân sự ở nước ta, dựa vào các quyền tự do được hiến pháp và các văn kiện quốc tế đề xướng ; xã hội dân sự sẽ huy động mọi tiềm năng của đất nước, chấm dứt sự phi lý kinh khủng hiện tại "nhà nước của đảng, do đảng và vì đảng".

- Kỹ sư hóa chất trẻ Nguyễn Phương Anh chứng minh chế độ dân chủ đa đảng trong luật pháp và trật tự là một chế độ tiên tiến đã được tuyệt đại đa số nước trên thế giới tự do lựa chọn, tất cả các nước giàu mạnh, ổn định, văn minh đều chọn chế độ dân chủ đa đảng ; anh còn công bố sáng lập đảng dân chủ Bách Việt như một tín hiệu báo trước nguyễn vọng và ý định thực hiện đa đảng của anh cùng các bạn trẻ yêu nước hiện nay, anh cũng lý sự rằng đảng của anh khi lập ra không dành quyền lãnh đạo, chỉ hoạt động như cơ quan vận động, tư vấn xã hội thì không ai có thể cấm được.

- Luật sư trẻ ở Hà Nội Nguyễn Văn Đài từng cùng nhiều đồng nghiệp đòi thành lập Tổ chức Luật sư Vì Công lý chứng minh rằng chiếu theo Hiến pháp, là đạo luật cao nhất hiện nay - tuy khẳng định vị trí lãnh đạo của đảng cộng sản nhưng không có điều khoản nào coi đảng cộng sản là đảng duy nhất được hoạt động - do đó công dân Việt Nam có quyền cùng nhau lập đảng, chiếu theo điều khoản về quyền tự do lập tổ chức được ghi trong hiến pháp.

- Kỹ sư xây dựng Bạch Ngọc Dương làm việc tại Hà Nội đã trình bày tại Trung tâm thông tin của Sứ quán Hoa Kỳ IRC (Information Resource Center) về tệ nạn tham nhũng ở Việt Nam, sau đó, anh bị công an thẩm vấn, quấy nhiễu, đe dọa một cách hèn hạ, anh vẫn viết tiểu luận cho mạng điện tử *Tiếng nói Thanh niên Dân chủ* nêu rõ con đường dân chủ đa đảng là lối thoát duy nhất cho những bế tắc, tụt hậu và tình trạng tham nhũng tệ hại của nước ta.

- Cô Dương Thị Xuân (Ngọc Hà, Hà Nội), gia đình có nhiều người thân trong ngành công an đã dũng cảm tham gia ủng hộ bà con khiếu kiện ở vườn hoa Mai Xuân Thuởng bất chấp sự đe dọa nạt và ngăn chặn vũ phu của công an.

- Các bạn trẻ Trần Hiền Thảo, Hà Thị Đông Xuân và nhóm sinh viên sống giữa Hà Nội liên tiếp gửi 6 bài tiểu luận cho mạng *Tiếng nói Thanh niên Dân chủ*, nêu bật nền giáo dục nhồi sọ ngu dân của chế độ xã hội chủ nghĩa kiểu Stalin ở nước ta, bác bỏ chủ nghĩa xã hội thực tế với những bằng chứng xác đáng, nhiệt liệt hưởng ứng sáng kiến của 6 bạn trẻ trong và ngoài nước vừa lập nên Tập hợp Thanh niên Dân Chủ : Nguyễn Tiến Trung (Pháp), Nguyễn

Tho'

Mourn not the dead

Mourn not the dead that in the cool earth lie -
Dust unto dust -

The calm sweet earth that mothers all who die
As all men must ,

Mourn not your captive comrades who must dwell -
Too strong to strive -
Each in his steel-bound coffin of a cell,
Buried alive ,

But rather mourn the apathetic throng -
The cowed and the meek -
Who see the world's great anguish and its wrong
And dare not speak !

Ralph Chaplin

Khóc lâm chí cho người đã chết

Xin đừng khóc người nằm trong đất lạnh -
Cát bụi tìm cát bụi trở về -

Đất bình yên ngọt ngào lòng mẹ bao che
Người đã chết như mọi người rồi phải chết ,

Xin đừng khóc cho đồng chí trong tù,
Đang ở trong quan tài sắt, chiếc xà lim,
Bị chôn sống, không còn đường vùng vẫy ,

Mà hãy khóc cho đám đông ù lì vô cảm-
Những người nhu nhược, những kẻ cúi đầu-
Thấy nỗi lâm than, thấy điều sai trái,
Của cuộc đời không dám nói một câu !

(Trần Ngọc Cư chuyển ngữ)

Hoàng Lan (Pháp), Nguyễn Việt Quốc (Pháp), Nguyễn Đăng Quang (Hoa Kỳ), Trần Chiêu Việt (Hoa Kỳ), và Đỗ Thế Kỷ (Việt Nam), cùng với báo điện tử *Tiếng nói Thanh niên Dân chủ* trên mạng.

- Từ đầu năm xuất hiện trên mạng internet một loạt bài của "Nhóm bạn trẻ trí thức Hải Hà" nêu lên nhiều vấn đề của thanh niên nước ta, như cần có tư duy tự lập và sáng tạo, quan tâm đến các vấn đề của đất nước, từ bỏ thái độ bàng quan, chạy theo vật chất hưởng thụ.

- Nhà báo nữ trẻ Trần Khải Thành Thúy ở Hà Nội lặng lẽ dấn thân từ hơn hai năm nay bám chặt đồng bào các nơi về thủ đô khiếu kiện để giúp đỡ bà con bất chấp sự đe dọa và hành hung của công an Gia Lâm.

- Nhóm nhà báo trẻ của VNNews với bút danh Nguyễn Thái Bình viết nhiều bài phỏng sự và tin tức về dân oan khiếu kiện ở vườn hoa Mai Xuân Thuởng, Hà Nội, bất chấp sự ngăn chặn, bao vây, đe dọa của công an.

Tương lai nào cho cộng đồng người Việt hải ngoại ?

Nguyễn Gia Kiêng

Muốn nói về tương lai của một cộng đồng thì trước hết cộng đồng đó phải tương đối ổn định. Vì vậy lúc này chưa thể nói đến khối người Việt tại Nga và phần lớn các nước Đông Âu. Cũng chưa thể nói tới những người đi lao động tại các nước châu Á và Trung Đông mà đại bộ phận sẽ về nước. Vào giờ này (và trong bài này) cụm từ "cộng đồng người Việt hải ngoại" được hiểu là khối người Việt ở các nước phương Tây, nghĩa là Mỹ, Úc và Tây Âu.

Cộng đồng người Việt hải ngoại hiểu theo nghĩa giới hạn này được ước lượng vào khoảng ba triệu người, khoảng một phần ba sinh ra tại nước ngoài và khoảng một nửa dưới tuổi 30. Người Việt hội nhập nhanh chóng và trong nhiều trường hợp đã vượt quá mức trung bình của các nước tiếp cư, mà GDP (tổng sản lượng nội địa) trung bình là 25.000 USD mỗi năm cho mỗi đầu người. Nếu ước lượng một cách khiêm tốn rằng GDP trung bình cho một người Việt là 15.000 USD mỗi năm (bằng 60% người bản xứ) thì GDP của khối người Việt này là 45 tỷ USD, tương đương với tổng sản lượng nội địa của Việt Nam. Cộng đồng này có khả năng tiết kiệm khoảng 5 tỷ USD mỗi năm.

Người ta thường hay nói tới số lượng tiền chuyển về Việt Nam trên 3 tỷ USD mỗi năm. Số tiền này một phần đáng kể do những người đi lao động nước ngoài chuyển về cho gia đình, nhưng đóng góp của cộng đồng người Việt hải ngoại hiểu theo nghĩa hẹp trong bài này là rất lớn, trên 2 tỷ USD (riêng thành phố Sài Gòn năm 2005 nhận được 2,2 tỷ USD, trong đó 1,5 tỷ từ Mỹ). Đây là một đóng góp rất lớn cho kinh tế Việt Nam, cao hơn bất cứ một siêu cường nào. Đó là chưa kể số ngoại tệ tiêu xài tại chỗ hoặc cho thân nhân của người Việt hải ngoại khi về thăm nhà. Đó là lý do tại sao chính quyền cộng sản ngày càng tỏ ra đặc biệt quan tâm đến những "khúc ruột ngàn dặm của tổ quốc".

Nhưng đóng góp tài chính không phải là điều quan trọng nhất. Có những điều chợt nhìn thấy và bỗng dung khiến ta hiểu nhiều vấn đề dưới ánh sáng mới. Khi đi du học Pháp trong thập niên 1960 tôi khám phá ra là Việt Nam không có cộng đồng hải ngoại, trong khi các nước tiến bộ khác đều có. Và đó là nguyên nhân của thảm kịch Việt Nam. Cộng đồng hải ngoại là con mắt của một dân tộc để quan sát và học hỏi thế giới. Một dân tộc không có cộng đồng hải ngoại không khác gì một người mù, khó tránh khỏi những bước đi dại dột. Cộng đồng hải ngoại cũng là những cánh tay nối dài của đất nước để nắm bắt những cơ hội và phát triển. Như vậy vai trò chiến lược của cộng đồng người Việt hải ngoại không phải là số tiền nó có thể gởi về nước mà là vai trò của con mắt, của những cánh tay nối dài, những đầu cầu tư tưởng, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, thương mại giúp chúng ta học hỏi và tranh đua với thế giới, hội nhập vào thế giới và tỏa rộng sự hiện diện của Việt Nam trên thế giới.

Từ đó, một nhận định quan trọng : cộng đồng người Việt hải ngoại cần được tăng cường. Chúng ta cần thêm nhiều người Việt sinh sống tại nước ngoài hơn là cần những người từ nước ngoài về nước. Với một dân số 84 triệu người, trong một thập kỷ nữa sẽ đạt tới con số 100 triệu trước khi ổn định. Chúng ta sẽ rất may mắn nếu có được một cộng đồng người Việt hải ngoại từ 8 đến 10 triệu người. Cần vận dụng mọi sáng kiến để đạt mục tiêu này.

Có ít nhất hai lý do khiến nên và cần gia tăng khối người Việt sinh sống ở nước ngoài. Một người ở nước ngoài (với điều kiện là còn gắn bó với Việt Nam) đóng góp cho đất nước nhiều hơn về mặt tài chính ; Việt Nam cũng cần ý kiến và sáng kiến hơn là cần những công nhân ; và lại trong thời đại Internet này khoảng cách không còn là vấn đề nữa, người ta có thể làm việc cho một cơ quan hay xí nghiệp cách xa nửa vòng trái đất ; người ta vẫn có thể ở Mỹ và làm việc cho Việt Nam và cũng có thể ở Việt Nam và làm việc cho Mỹ. Lý do thứ hai là cộng đồng người Việt cần đồng đảo để có thể tiếp tục cản cước Việt Nam.

Nói đến cản cước Việt Nam cũng là nói đến một mối nguy lớn của cộng đồng người Việt hải ngoại. Phải nhìn nhận một sự thực : cộng đồng người Việt hải ngoại mất cản cước Việt Nam một cách rất nhanh chóng, có thể nói quá nhanh chóng. Ngoại trừ trường hợp đặc biệt tại Úc, đại bộ phận thanh niên trưởng thành tại hải ngoại, những người mà ta có thể gọi là thế hệ người Việt hải ngoại thứ 2, không còn biết gì về lịch sử và văn hóa Việt Nam và cũng không còn sử dụng được tiếng Việt nữa. Trên thực tế họ không còn là người Việt nữa. Cũng chưa có lý do gì để hy vọng ở "hiệu ứng thế hệ thứ ba", theo đó đứa cháu sẽ cố gắng tìm lại cái cản cước mà đứa con đã quên đi. Có nhiều khả năng chúng ta đang đi theo một kịch bản mà ông Hoàng Xuân Hãn từng mô tả về những người Việt sang Trung Quốc trước đây : thế hệ đầu thương nhớ quê hương, thế hệ thứ hai không nói được tiếng Việt và thế hệ thứ ba quên mình là người Việt. Người Việt hải ngoại thường tự hào là đã hội nhập nhanh chóng và thành công vào các nước định cư, nhưng phải cảnh giác. Giữa hội nhập và đồng hóa sự khác biệt có thể chỉ là thời gian.

Nhưng trước khi nói đến cản cước cộng đồng người Việt hải ngoại phải đồng ý về sự cần thiết của nó đã. Cộng đồng người Việt hải ngoại không chỉ cần cho đất nước, nó cũng cần cho chính người Việt hải ngoại. Người Do Thái, người Ba Lan, người Hy Lạp đã thành công lớn tại nước ngoài, đạt được những địa vị quan trọng trong mọi sinh hoạt kinh tế, văn hóa, khoa học cũng như chính trị vì họ có một cộng đồng mạnh, liên đới với nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Những người di dân chỉ dựa vào cố gắng của mình, may l้า chỉ kiếm được những việc làm tốt, hay cùng l้า chỉ đạt được những thành quả nhỏ.

Nguyên nhân dễ nhìn thấy nhất của tình trạng mất cắp cước Việt Nam nhanh chóng này là sự thiếu vắng một quan hệ tốt đối với đất nước, thay vào đó là một quan hệ xung đột và thù hận giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và chính quyền cộng sản, trong khi một cộng đồng hải ngoại chỉ có thể tồn tại được nếu gắn bó chặt chẽ với quốc gia gốc và cùng theo đuổi một dự định tương lai nào đó cho quê hương cũ. Và nếu cộng đồng này không còn thì các thanh niên Việt Nam lớn lên ở nước ngoài sẽ mất đi một khối liên đới quý giá để thành công và khối lượng 2,5 tỷ USD mỗi năm gửi về nước cũng sẽ mất đi khi các mối liên hệ với trong nước không còn thấm thiết nữa. Phải bình thường hóa quan hệ giữa trong và ngoài nước, và phải bình thường hóa nhanh chóng, khi thế hệ những người đã trưởng thành trước 1975 còn đó để làm gạch nối giữa đất nước và thế hệ vừa lớn lên tại hải ngoại.

Nhưng muốn ngăn chặn tình trạng mất cắp cước Việt Nam, và cứu vãn cộng đồng người Việt hải ngoại, thì cũng phải nhìn một cách thấu đáo hơn về những nguyên nhân khách quan và chủ quan của nó.

Trước hết, người Việt hải ngoại hội nhập vào những quốc gia tiên tiến và khám phá ra những văn hóa phong phú hơn và cao hơn văn hóa Việt Nam. Chúng ta không có những tác giả và tác phẩm lớn để có thể tự hào. Chính tiếng Việt của chúng ta, dù đã có từ hàng ngàn năm, vẫn còn rất nghèo và còn trong giai đoạn chuyển hóa trước khi thực sự trở thành một ngôn ngữ đủ khả năng để chuyên chở những kiến thức triết học, tâm lý, khoa học, kỹ thuật. Do di sản lịch sử, chúng ta lại rất thiếu văn hóa tổ chức nên rất khó sinh hoạt tập thể với nhau, chúng ta dễ nhìn thấy những lý do để chê nhau hơn là để khen nhau, để đoạn tuyệt với nhau hơn là gắn bó với nhau. Chúng ta cũng là một cộng đồng mới thành hình ; người Việt từ trước chỉ sống ở trong nước vì thế chưa biết cách tổ chức sinh hoạt cộng đồng tại nước ngoài như các dân tộc khác.

Cộng đồng người Việt hải ngoại cũng có những giới hạn tâm lý của nó. Người Việt đã bỏ nước ra đi để chạy trốn chế độ cộng sản trong kinh hoàng và tủi nhục sau những mất mát to lớn về cả vật chất lẫn tinh cảm. Chính cuộc hành trình ra đi cũng là một kinh hoàng. Hàng trăm nghìn người đã ra đi mà không bao giờ đến. Thời gian sống trong các trại tập trung trước khi được nhận vào một nước thứ ba cũng đầy rẫy nhục nhàn. Quê hương là một kỷ niệm đau buồn cần quên đi. Tuy không nói ra nhưng đa số người Việt đã ra đi với tâm lý vĩnh viễn từ bỏ quê hương cũ. Trong hoàn cảnh đó người ta không còn coi việc giữ cẩn cước dân tộc cho con cái mình như một ưu tiên hàng đầu. Tôi biết một tổ chức thiện nguyện mở các lớp dạy tiếng Việt cho thanh thiếu niên tại Pháp để lấy tiền tài trợ cho các trường học tại Việt Nam. Phần lớn những người cho con cái theo học các lớp Việt ngữ này là những người Pháp nhân con nuôi Việt Nam ; họ sợ con nuôi họ mất cắp cước Việt Nam hơn là những cha mẹ Việt Nam. Chúng ta thường tự hào là người Việt có lòng yêu nước và tinh thần dân tộc mạnh, nhưng đó chỉ là một ngô nhặng. Đó chỉ là tâm lý của một dân tộc sống co cụm với nhau, ít tiếp xúc với thế giới

bên ngoài mà thôi. Thực ra chúng ta rất thiếu tinh thần cộng đồng, tập quán dân tộc của chúng ta là đèn nhà ai nấy sáng, mỗi người lo giải quyết các vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân. Mặt khác, người Việt cũng muốn con cái thành công thật nhanh chóng và chỉ đòn đốc chúng học cho thật giỏi, đậu bằng cấp cao, tìm được một việc làm tốt. Về điểm này thì chúng ta khá thành công, nhưng bù lại con cái chúng ta mất gốc.

Nhưng cũng có những nguyên nhân chủ quan.

Người Việt hải ngoại nói chung đã ra đi như một đám tàn quân thua trận và rã hàng, không còn một trật tự và giềng mối nào cả. Hơn thế nữa, mỗi người lại bị chấn thương tâm lý rất nặng. Tình trạng hỗn độn này đã để ra vô số những hoạt động nông nổi vô trách nhiệm gây nhầm chán, nó cũng là cơ hội cho một số người làm ồn ào để cố giành lấy một chút hư danh. Do di sản văn hóa chính trị của miền Nam trước 1975, chúng ta cũng vừa thiếu văn hóa chính trị vừa thiếu những người có viễn kiến để dẫn dắt nên cũng đã lạc hướng ngay từ đầu. Trong những ngày đầu ngơ ngác nơi quê người, sự gắn bó với quê hương còn mạnh, người ta hoang mang tự hỏi phải làm gì thì đã có ngay những người và những tổ chức trả lời là cứ tiếp tục phất cao cờ Vàng ba sọc đỏ, cứ ca vang quốc ca Việt Nam Cộng Hòa, cứ coi như chế độ Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn và cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục. Tiếp theo đó là những lời kêu gọi lập chiến khu, đừng gửi tiền về giúp thân nhân trong nước vì như thế là tiếp máu cho cộng sản, tẩy chay kinh tài cộng sản, tẩy chay du lịch cộng sản, vận động để cô lập Việt Nam, v.v, nói chung là cắt bỏ mọi quan hệ với Việt Nam, dù trong thâm tâm ít ai thực sự nghĩ là làm như thế có thể đánh đổ được chế độ cộng sản. Đó chỉ là một cách để đánh lừa chính mình. Lập trường này ngày nay đã phá sản, nó đã làm mất đi giai đoạn thuận lợi nhất để đặt những viên đá đầu tiên cho một cộng đồng Việt Nam hải ngoại là lành mạnh.

Nó cũng là nguyên nhân của sự mất cắp cước của thế hệ vừa lớn lên vì tuổi trẻ không thể chấp nhận gắn bó mình với một quá khứ không có gì là vể vang và một chế độ bê bối đã thất bại và đầu hàng. Mặt khác, họ không chấp nhận chế độ hiện nay và không nhìn thấy một tương lai nào khác. Hậu quả tự nhiên là bỏ cuộc. Cũng phải nói họ được giáo dục trong văn hóa phương Tây và không thể tán thành những tranh cãi gay gắt, hằn học trên những vấn đề mà họ không thấy một tầm quan trọng nào. Sự lãnh đạo với các vấn đề Việt Nam của họ phần nào cũng phản ánh sự chán nản đối với phong cách của thế hệ cha anh.

Nhưng trách nhiệm nặng nhất vẫn thuộc về chính quyền cộng sản. Họ đã tạo ra căm thù và tiếp tục nuôi dưỡng sự căm thù bằng thái độ huênh hoang đắc thắng về một cuộc chiến mà người Việt hải ngoại hoàn toàn có lý khi cho là phi nghĩa.

Sự căm thù chế độ cộng sản của người Việt hải ngoại là rất chính đáng. Những đợt cải cách ruộng đất, chính sách phân biệt đối xử, bỏ tù và hạ nhục tập thể, tịch thu tài sản, cưỡng bách đi các vùng kinh tế mới đối với miền Nam sau

1975 quả nhiên là những tội ác đối với loài người theo công pháp quốc tế. (Công pháp quốc tế định nghĩa tội ác đối với loài người là toàn bộ các biện pháp bách hại, tàn sát, bỏ tù hay ngược đãi một thành phần dân chúng không phải vì những gì họ đã làm ra mà vì họ bị coi là thuộc một thành phần nào đó theo tiêu chuẩn chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, giai cấp, v.v.).

Và cũng có đợt tổ chức vượt biên bán chính thức trong đó, sau khi đã bắt nộp vàng, chính quyền cộng sản dồn cả ngàn người trên những chiếc thuyền mỏng manh để làm mồi cho hải tặc và biển cả.

Với tất cả những mất mát, nhục nhã và gian nan mà người Việt hải ngoại đã phải chịu đựng trước và trong khi ra nước ngoài, ngay cả một chính sách hòa giải rất thành thực cũng khó hàn gắn được. Nhưng những người lãnh đạo cộng sản, ngay cả những người có văn hóa nhất, hoàn toàn không nghĩ như thế. Họ không hề cảm thấy một sai phạm nào cả. Vẫn trịch thượng và thách thức. Vẫn đòi đậm phá các đài kỷ niệm những thuyền nhân đã bỏ mình trên đường tị nạn, vẫn gạn lọc lý lịch trước khi cho phép về thăm nhà, vẫn sách nhiễu và hạch sách những người về thăm quê hương nếu tình nghi là có liên hệ với các "tổ chức phản động", và vẫn coi là "phản động" tất cả những tổ chức có ít nhiều hành động chính trị, ngay cả các tổ chức ôn hòa và bao dung nhất. Tôi được nghe thuật lại rằng bà Tôn Nữ Thị Ninh, một người có trình độ văn hóa cao, trong một buổi tiếp xúc với người Việt tại Mỹ đã nói một câu mỉa mai : "Sao các anh thù dai thế ?". Tôi cũng muốn nói với bà Ninh : "Sao chị vô ý thức thế !".

Cũng cần nhấn mạnh rằng chính quyền cộng sản có trách nhiệm trực tiếp trong sự phân hóa của cộng đồng người Việt hải ngoại. Họ đã gửi đi trong các đợt vượt biên hàng ngàn công an với nhiệm vụ đội lốt chống cộng quá khích để xâm nhập các tổ chức và làm tan nát các sinh hoạt của người Việt hải ngoại bằng các biện pháp vu cáo, chụp mũ, bôi bẩn. Đây là một sự thực đã được xác nhận bởi chính những người đã từng tham gia vào kế hoạch này.

Khách quan mà nói, thời gian gần đây chính quyền cộng sản cũng có một số biện pháp để tranh thủ cộng đồng người Việt hải ngoại, nghị quyết 36 là một thí dụ. Nhưng về cơ bản họ vẫn không thay đổi, vẫn có thái độ ngờ vực và thù địch. Cái nhìn cơ bản của họ đối với người Việt hải ngoại vẫn là cái nhìn vào túi tiền thay vì vào trái tim.

Không thể chờ đợi gì ở chính quyền cộng sản cả. Nếu chúng ta nhìn thấy sự cần thiết phải duy trì cẩn cước Việt Nam cho cộng đồng người Việt hải ngoại để cộng đồng này có thể tiếp tục tồn tại thì chúng ta phải làm những cố gắng đơn phương, coi chính quyền cộng sản như một dữ kiện của vấn đề chứ không phải là một đối tác trong một giải đáp.

Trước hết là cần một tinh thần đúng đắn cho cộng đồng. Tinh thần này phải là tinh đồng bào, và chỉ là tinh đồng bào mà thôi. Điều này có nghĩa là chúng ta phải chấp nhận như là một thành viên của cộng đồng ngay cả những người vì một lý do nào đó có liên hệ hoặc có cảm tình với chế độ cộng sản. Các hội đoàn có tính cộng đồng và ái hữu phải

mở cửa cho mọi người, kể cả những du học sinh, thực tập sinh và những người ra nước ngoài vì lý do nghề nghiệp. Họ có vào hay không là một vấn đề khác nhưng cánh cửa phải mở, vì nó tiêu biểu cho một tinh thần phải có cửa cộng đồng (sẽ có rất ít người vào vì chính quyền cộng sản sẽ ngăn cấm).

Phải tăng cường những sợi dây liên lạc gắn bó cộng đồng, bằng cách khuyến khích những công trình văn hóa nghệ thuật cao có khả năng đem lại những niềm hân diện ; bằng cách phát hiện và trân trọng những người tài đức và thiện chí để có những tiếng nói uy tín trong cộng đồng ; bằng cách động viên nhau trong một cố gắng chung giữ gìn, cập nhật và cải tiến tiếng Việt, động viên nhau học tiếng Việt và dạy tiếng Việt, nói tiếng Việt ; bằng cách mở rộng giao lưu với các hội đoàn trong nước để mở tung cánh cửa bưng bí của nhà cầm quyền cộng sản.

Quan trọng hơn hết, phải hiểu rằng không có một tập thể nào có thể sống được nếu chỉ dựa vào một quá khứ và những kỷ niệm. Một cộng đồng chỉ có thể tồn tại được nếu được xây dựng trên một dự án tương lai chung. Dự án tương lai chung đó chúng ta có, và không thể khác : *đó là một tương lai dân chủ cho Việt Nam*. Chúng ta chỉ có thể là một cộng đồng người Việt hải ngoại nếu quan tâm tới đất nước Việt Nam, và chúng ta không thể quan tâm tới Việt Nam mà lại bỏ qua nhu cầu trọng đại và cấp bách nhất của nó : dân chủ. Các hội ái hữu cựu học sinh, sinh viên, cựu quân nhân, cựu viên chức không đủ vì không sẽ không có tiếp nối ; các tổ chức tôn giáo cũng không đủ vì người ta vẫn có thể là người Công giáo hay Phật giáo mà không cần là người Việt. Cộng đồng người Việt hải ngoại phải đoàn kết trong cuộc vận động dân chủ hóa đất nước, bởi vì đó là mẫu số chung chính đáng nhất trong lúc này. Đó cũng là điều mà đồng bào trong nước chờ đợi.

Và cũng phải tự trang bị tinh thần bằng một niềm tin lạc quan : trong tình trạng hiện nay, cộng đồng người Việt hải ngoại có khả năng đánh bại chế độ cộng sản, nghĩa là tác động bất buộc đảng cộng sản phải nhượng bộ, chấp nhận dân chủ và chấp nhận để tương lai mình tùy thuộc quyết định của nhân dân qua bầu cử tự do. Niềm tin này không phải chủ quan. Nó là một khả năng thực sự. Xã hội Việt Nam đã tự cởi trói nhiều rồi, dân chủ đã là một đồng thuận dân tộc chỉ chờ cơ hội để trở thành một thực tại. Chế độ này đã phân hóa và chao đảo lắm rồi ; ngay trong đảng cộng sản, và ở bất cứ cấp bậc nào, chúng ta cũng có thể tìm thấy những đồng minh cùng chia sẻ nguyện vọng dân chủ.

Cộng đồng người Do Thái đã mất nước và lưu lạc trong gần hai nghìn năm nhưng họ vẫn giữ được bản sắc dân tộc bởi vì họ có một tôn giáo chung, nhưng cũng vì họ cùng theo đuổi một giấc mơ chung là thành lập lại quốc gia Do Thái trên đất cũ ; mỗi năm họ nâng ly hẹn nhau : "Năm tới gặp nhau tại Jerusalem !". Cũng như người Do Thái, chúng ta có thể chúc nhau : "Năm tới hẹn nhau ở Hà Nội trong một nước Việt Nam dân chủ !". Nếu chúng ta thực sự quyết tâm thì năm tới có thể đúng là năm sau.

Nguyễn Gia Kiêng

Xúc tiến sự hình thành một mặt trận dân chủ

Võ Xuân Minh

Để cứu đất nước Việt Nam khỏi nạn độc tài và nguy cơ thua kém vĩnh viễn chúng ta không có một chọn lựa nào khác hơn là xây dựng một mặt trận dân chủ có tầm vóc. Nhưng làm sao để xây dựng ? Đây là một câu hỏi đã được đặt ra từ nhiều năm qua nhưng hiện nay vẫn còn rất thời sự, và cũng là một câu hỏi bao hàm nhiều câu hỏi khác : Thế nào là một mặt trận dân chủ có tầm vóc ? Những yếu tố cơ bản nào cần phải có để xây dựng mặt trận này ? Tại sao trong ba mươi năm qua đối lập dân chủ chưa xây dựng được ? Đối lập dân chủ đã đi được quãng đường nào trong tiến trình xây dựng mặt trận này ? Và, cuối cùng, làm sao để xây dựng một mặt trận dân chủ có tầm vóc ?

1. Một mặt trận dân chủ có tầm vóc được hiểu một cách nôm na là một lực lượng chính trị - được hình thành do sự kết hợp của nhiều tổ chức đấu tranh cho dân chủ - có khả năng đánh đổ chế độ độc tài hiện nay cũng như có khả năng xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh trong tương lai. Đó là một lực lượng chính trị quy tụ được nhiều tổ chức đối lập dân chủ, có hậu thuẫn của đồng đảo quần chúng và biết phối hợp hành động một cách hiệu quả.

2. Một mặt trận như vậy chỉ có thể thành hình, tồn tại và phát triển nếu hội đủ một số yếu tố cơ bản. Trước tiên là phải có một đồng thuận về lập trường đấu tranh. Đây là một điều bắt buộc. Trong một mặt trận, nếu những tổ chức thành viên có những lập trường đấu tranh khác nhau hay đối chọi nhau, thì mặt trận này sẽ tan rã. Thử lấy một vài thí dụ : một kết hợp chính trị gồm nhiều tổ chức, trong đó có một số tổ chức chủ trương đấu tranh bằng những phương thức bất bạo động nhưng cũng có một số tổ chức khác chủ trương dùng bạo lực - hay có một số tổ chức đề cao tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc nhưng cũng có một số tổ chức chống đối tinh thần này - thì kết hợp chính trị đó sẽ ra sao ? Chắc chắn sẽ thất bại. Làm sao có thể vận động được sự ủng hộ của quần chúng với những lập trường đấu tranh khác nhau. Ai có thể tin tưởng vào một lực lượng chính trị như vậy ? Chưa kể đến những xung khắc nội bộ trong mặt trận sẽ làm tê liệt các tổ chức thành viên. Nói một cách khác : điều kiện tiên quyết để hình thành một mặt trận dân chủ có tầm vóc là phải đạt được một đồng thuận về lập trường đấu tranh.

Kế đến là cần có một đồng thuận về những chọn lựa cơ bản cho tương lai của đất nước, về những vấn đề cấp bách phải giải quyết và những phương cách giải quyết những vấn đề đó. Mục đích của công cuộc đấu tranh của chúng ta là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh chứ không phải chỉ nhắm đến việc đánh đổ chế độ độc tài hiện nay, dù đó là một việc bắt buộc phải thực hiện. Một lực lượng chính trị đúng nghĩa không thể không có ý kiến về những vấn đề lớn của đất nước. Một mặt trận, dù trong một trường hợp may mắn nào đó, quy tụ được nhiều

Không một người dân chủ nào không nhận thức được sự cần thiết của một mặt trận dân chủ có tầm vóc. Đây là một việc phải thực hiện bởi vì ngay cả trong trường hợp đảng cộng sản chấp nhận bầu cử tự do phe dân chủ sẽ thất bại nếu phân tán lực lượng. Đây cũng là một công việc có thể thực hiện được vì thời gian đã gạn lọc những ý kiến và ngày nay chỉ còn rất ít những khác biệt về quan điểm. (Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đà Nẵng 2001, Thành Công Thể Ký 21, trang 96).

người nhưng nếu không có một dự án chính trị có giá trị thì sẽ không thực hiện được mục tiêu xây dựng một quốc gia tiến bộ và giàu mạnh. Trong trường hợp này, mặt trận khó có thể vận động được đại khối quần chúng và khó có thể thắng trong một cuộc bầu cử tự do. Một mặt trận như vậy không thể là một lực lượng chính trị lớn.

Yếu tố thứ ba là văn hóa tổ chức. Văn hóa tổ chức ở đây được hiểu là toàn bộ những kiến thức, tập quán, phản xạ, cách suy nghĩ và hành động cần thiết để hiểu, giữ gìn và phát triển tổ chức. Một kết hợp nhiều tổ chức cũng là một tổ chức, và do đó, muôn tồn tại và phát triển cần phải có văn hóa tổ chức. Văn hóa tổ chức đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của tổ chức. Nó quyết định phần lớn sự tồn vong cũng như mức độ phát triển của tổ chức. Trong các tổ chức chính trị dân chủ, vai trò của văn hóa tổ chức lại càng quan trọng. Chính nhờ có văn hóa tổ chức mà các tổ chức này có thể hoạt động một cách nhịp nhàng và tránh được những xung đột nội bộ trầm trọng làm tổ chức tan rã. Không chú trọng đến văn hóa tổ chức, mặt trận dân chủ khó có thể hoạt động một cách hữu hiệu để trở thành một lực lượng chính trị vững mạnh.

Thứ tư là thực lực của các tổ chức thành viên. Mặt trận là một kết hợp của các tổ chức thành viên, do đó sức mạnh của mặt trận tùy thuộc rất nhiều vào thực lực của các tổ chức thành viên. Nên chú trọng đến sức khỏe hơn là sức vóc. Một mặt trận chỉ gồm vài ba tổ chức có lực lượng thật sự mạnh hơn rất nhiều so với một mặt trận gồm hàng chục tổ chức nhưng thực lực không có bao nhiêu. Một tổ chức chính trị có thực lực ở đây được hiểu là một tổ chức có lập trường rõ ràng, có dự án chính trị, có đội ngũ cán bộ nòng cốt, có số thành viên khá đồng đảo và được người dân đánh giá là một tổ chức đứng đắn, lương thiện và yêu nước. Một liên minh chính trị gồm vài ba tổ chức như vậy là một lực lượng có tầm vóc. Số tổ chức thành viên trong một mặt trận không phải là chỉ số đo lường sức mạnh của mặt trận. Với ý thức rằng sức mạnh của mỗi tổ chức thành viên là sức mạnh chung, sự giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển giữa các tổ chức thành viên phải là mục tiêu của mặt trận.

Thứ năm, một yếu tố quan trọng hơn cả, là tấm lòng đối với đất nước. Đây chính là động cơ của công cuộc đấu tranh cho dân chủ. Không có động cơ này thì tất cả những

lý thuyết, đề nghị, dự án đều không mang lại một kết quả cụ thể nào đáng kể. Công cuộc đấu tranh của chúng ta là một cuộc đấu tranh cách mạng, trong hòa bình, để thay đổi lịch sử quốc gia Việt Nam : thay đổi một quốc gia nghèo nàn, chậm tiến, độc tài thành một quốc gia dân chủ, tiến bộ và giàu mạnh. Thay đổi lịch sử của một quốc gia nào cũng đòi hỏi nhiều thời gian và nhiều cố gắng. Nếu thiếu một tấm lòng thiết tha với đất nước thì khó có đủ ý chí và kiên nhẫn để đạt được thắng lợi cuối cùng. Lá bài chủ của công cuộc đấu tranh hiện nay là tấm lòng, niềm tin và hành động, trong đó tấm lòng quan trọng hơn cả.

3. Sau ba mươi năm chống độc tài để xây dựng dân chủ, đổi lập chính trị Việt Nam vẫn chưa xây dựng được một lực lượng chính trị vững mạnh. Nguyên nhân chính là do di sản văn hóa và lịch sử. Đấu tranh của chúng ta hiện nay là đấu tranh chính trị. Cuộc đấu tranh này chỉ có thể thành công nếu có một lập trường đấu tranh đứng đắn, phù hợp với bối cảnh của đất nước và trào lưu của thời đại. Đó là lập trường "đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc và bằng phương thức bất bạo động". Nhưng với tập quán của một quốc gia nhiều chiến tranh, thường giải quyết những vấn đề quốc gia bằng bạo lực, phương thức đấu tranh hòa bình là một phương thức mới lạ đối với nhiều người. Cuộc nội chiến tàn khốc vừa qua đã để lại những vết thương trầm trọng trong lòng người nên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc đã gặp nhiều chống đối trước khi được chấp nhận một cách thành thực và trọn vẹn. Một lập trường đấu tranh cần có và phải có cho Việt Nam đã phải trải qua một thời gian vận động lâu dài để đạt tới một đồng thuận rộng rãi.

Kế đến, công cuộc đấu tranh chính trị nào cũng cần có một dự án chính trị tốt để thành công. Nhưng điều này, đối với một quốc gia chưa thấm nhuần nề nếp sinh hoạt dân chủ, không phải là một hiển nhiên. Kết quả là ít tổ chức đầu tư suy nghĩ về những vấn đề lớn của đất nước và ngay cả việc phổ biến một dự án cũng đòi hỏi nhiều thời gian, dù đó là một dự án có giá trị.

Vì chưa quen lề lối sinh hoạt dân chủ nên nhiều người, nhiều tổ chức đã không chú ý đến văn hóa tổ chức. Hầu hết cho rằng chỉ cần có ý chí "ngồi lại với nhau" là có thể xây dựng được một lực lượng chính trị vững mạnh. Ý chí "ngồi lại với nhau" chỉ là bước đầu cần thiết nhưng không đủ để duy trì và phát triển tổ chức. Những tổ chức hay những liên minh, do đó, chỉ có thể tồn tại và phát triển trong một khoảng thời gian ngắn để rồi phải chấp nhận sự rã hàng.

Thêm vào đó, những đổ vỡ trầm trọng của đất nước sau một cuộc chiến dài với nhiều hy sinh đã làm cho người dân thất vọng và không còn tin tưởng vào đất nước. Lòng yêu nước hao mòn, niềm tin suy sụp là những trở ngại lớn trong việc xây dựng một lực lượng chính trị.

4. Tuy nhiên nhìn vào chiều sâu, đổi lập dân chủ đã được một quãng đường quan trọng. Trước hết là đã có được đồng thuận về lập trường 3 điểm : *thể chế dân chủ đa*

nguyên, tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, phương thức đấu tranh bất bạo động. Đây không phải chỉ là một thắng lợi của đổi lập dân chủ mà còn là một thắng lợi của đất nước Việt Nam vì nó mở đường cho sự thành công bền vững sau này. Đổi lập dân chủ cũng đã dần dần ý thức về tầm quan trọng của một dự án chính trị và cũng đã có ít nhất một dự án đã được thử thách với thời gian và đã được nhiều người biết đến. Sinh hoạt chính trị trong ba mươi năm qua cũng đã mang lại cho đổi lập dân chủ một số kinh nghiệm : những cuộc đấu tranh ôn ào, bê ngoài chỉ là một phí phạm thì giờ và không đem lại một kết quả nào đáng kể. Những liên minh tạm bợ với những tổ chức không có thực chất đều tan rã sau một thời gian ôn ào ngắn ngủi. Những hoạt động chính trị theo lối "nhân sĩ" đã đi vào lăng quên và thực tế chứng tỏ là muốn có lực lượng thì bắt buộc phải có tổ chức. Những lảng cảng nội bộ trong tổ chức cho thấy văn hóa tổ chức rất cần thiết để duy trì và phát triển lực lượng. Nói chung, đổi lập dân chủ đã có đủ kinh nghiệm và kiến thức để xúc tiến hình thành một mặt trận dân chủ có tầm vóc.

5. Để xúc tiến hình thành một mặt trận dân chủ có tầm vóc, như đã trình bày ở trên, trước hết là phải đạt được một đồng thuận về lập trường đấu tranh. Đồng thuận này đã có và nó phải là nền tảng của mọi kết hợp. Chúng ta cần khẳng định rằng một mặt trận có tương lai là một mặt trận gồm những tổ chức có cùng một lập trường, và lập trường đó là : *"Đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc và bằng phương thức bất bạo động"*.

Ngoài ra, song song với việc tìm cách giải thể chế độ hiện tại, đổi lập dân chủ cần phải đẩy mạnh hơn những cuộc thảo luận bộc trực, trong tinh thần tương kính, về bối cảnh quốc tế, về hiện tình đất nước, về những chọn lựa cơ bản cho tương lai, về những vấn đề cấp bách phải giải quyết và hướng giải quyết cho những vấn đề đó. Chính qua những thảo luận này mà một đồng thuận có thể đạt tới và những con người cần có có thể tìm ra.

Đồng thời xúc tiến việc nghiên cứu và trao đổi, trong tinh thần học hỏi lẫn nhau, về văn hóa tổ chức, ở trong các tổ chức thành viên cũng như giữa các tổ chức thành viên với nhau. Đây là một cố gắng rất cần thiết để xây dựng tổ chức cũng như để xây dựng mặt trận.

Vì sức mạnh và tiềm năng của mặt trận tùy thuộc vào thực lực của mỗi tổ chức thành viên và vào sự gắn bó giữa các tổ chức thành viên. Các tổ chức thành viên do đó một mặt cần cố gắng phát triển tổ chức của mình và mặt khác giúp các tổ chức bạn phát triển thêm.

Nhưng quan trọng hơn cả vẫn là tấm lòng đối với đất nước. Chúng ta có nhiều hy vọng thành công nhưng những khó khăn còn lại vẫn rất nhiều. Chỉ có một tấm lòng thiết tha với tương lai của đất nước mới có thể giúp chúng ta giữ vững ý chí và luôn cố gắng vượt qua những trở ngại để đạt được mục tiêu chung : xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh. Và tấm lòng này tùy thuộc vào chính mỗi chúng ta.

Võ Xuân Minh (Paris)

Phải đấu tranh có tổ chức

Nguyễn Văn Hiệp

Trước hết cần nhìn lại giai đoạn lịch sử 1945. Đã có vô số tài liệu viết về vai trò của đảng cộng sản trong Cách mạng mùa thu này. Nhưng hầu hết các phân tích đều rơi vào quỹ đạo của hai kết luận quen thuộc của hai khuynh hướng chính trị cộng sản và quốc gia sẵn có. Tổ Hữu là người được giao trọng trách phát ngôn cho Bộ chính trị bằng thơ văn thì đã công khai xác nhận hành động cướp chính quyền của đảng cộng sản ở thời điểm xảy ra khoảng trống quyền lực ở Việt Nam, ngay trước khi quân đồng minh đổ bộ giải giáp quân đội Nhật. Còn tài liệu của các đảng quốc gia thì đều cho đó là một sự tiếm công, được chứng minh bằng những chi tiết là đã có những cán bộ cộng sản mang sẵn cờ búa liềm và súng lục trong người, khi đúng thời điểm thì phất cờ và bắn vài phát súng thi uy trong các đoàn tuần hành của toàn dân để giành thành quả. Nhưng các lập luận này đều tránh né một nguyên nhân mấu chốt có tính kỹ thuật đã đưa đến thế thượng phong của bên này hay sự thất bại của bên kia trong Cách mạng tháng 8, đó là vấn đề tổ chức.

Cho đến thời điểm 1945, những kết hợp của phe quốc gia có thể nói là đã thể hiện sự bồng bột của tinh thần kháng Pháp trên phương diện tổ chức. Mô hình non trẻ của Quốc Dân Đảng Tưởng Giới Thạch là khuôn mẫu duy nhất để các đảng phái quốc gia tham khảo về công tác và cơ cấu tổ chức. Trong lúc đó đảng cộng sản đã có sẵn mô hình tổ chức phương Tây của một đảng cách mạng bạo động và khủng bố, nhân sự lãnh đạo được huấn luyện một cách chính quy. Lenin là cha đẻ của hệ thống tổ chức đảng cộng sản thế giới, là người xuất thân từ môi trường tôn giáo nhưng đã từ bỏ sau khi liên tiếp chứng kiến nhiều thảm kịch gia đình (cha chết vì bạo bệnh, anh bị treo cổ sau vụ ám sát hụt Nga hoàng Alexander III), nhưng ông vẫn đã áp dụng mô hình tổ chức chặt chẽ của Giáo Hội Công Giáo La Mã cho tổ chức cộng sản. Điểm khác biệt lớn với Công Giáo, lấy đức tin hướng thượng và lòng bác ái, làm sợi dây gắn kết, Lenin sử dụng bạo lực khủng bố để áp đặt sự tuân thủ của đảng viên trong tổ chức đảng cộng sản. Đảng cộng sản Việt Nam đã thừa hưởng về mặt tổ chức như thế từ đảng cộng sản Nga. Tháng 8-1945, đảng cộng sản cướp được chính quyền là điều không ngạc nhiên bởi họ hành động có kỹ thuật và kỷ luật tổ chức.

Dù biết vấn đề tổ chức có vai trò quyết định nhưng nếu các đảng quốc gia đem ra mổ xẻ bài học năm 1945 một cách rộng rãi thì chẳng khác nào tự phơi bày sự yếu kém của mình. Vì vậy khái niệm tổ chức vẫn còn hoàn toàn xa lạ đối với khối quần chúng vốn mang bản năng thiếu văn hóa tổ chức. Trong lúc đó đảng cộng sản cũng giấu bí quyết thành công của mình, làm như mình đã thành công chỉ vì có chính nghĩa. Đảng cộng sản vì hiểu rõ hiệu năng của đấu tranh có tổ chức nên luôn ra tay bóp chết từ trong trứng nước mọi mầm mống đối kháng có kết hợp. Điều này góp

phần trả lời cho một câu hỏi lớn là tại sao đến nay chúng ta không có những tổ chức trong ngoài có tầm vóc để có thể đánh bại chế độ chuyên chính này. Bên cạnh những phân tích xác đáng về các yếu tố văn hóa đã trì kéo khả năng kết hợp nghiêm chỉnh của người Việt, chính sách đàn áp và khủng bố đối lập của Đảng cộng sản cũng chính là một yếu tố ngăn cản sự hình thành những đấu tranh chính trị có tổ chức.

Nhưng thời đại truyền thông và hội nhập toàn cầu này không còn cho phép đảng cộng sản muôn làm gì thì làm. Họ không còn khả năng đàn áp các kết hợp đối kháng như trước nữa. Đối với các kết hợp đấu tranh chính trị, có một vấn đề được đặt ra là phương pháp tổ chức nào sẽ phù hợp trong thời đại chính trị dân chủ hiện nay, đặc biệt cho các tổ chức chính trị trải rộng từ trong nước ra đến khắp nơi trên thế giới ? Dĩ nhiên lối tổ chức kỷ luật sắt, dùng bạo lực khủng bố như của đảng cộng sản phải bị khước từ dưới khoát bởi những tổ chức dân chủ thực sự. Vấn đề phương pháp tổ chức phải là một ưu tư lớn không chỉ cho ban lãnh đạo mà cho tất cả các thành viên của các tổ chức chính trị, nhưng là một đề tài thuộc một phạm vi khác. Ở khuôn khổ bài viết này, hãy sơ lược vai trò của đấu tranh có tổ chức trong phong trào dân chủ Việt Nam.

Cho đến nay chức năng của phong trào dân chủ Việt Nam vẫn chỉ được nhìn một cách phiến diện là chấm dứt độc tài. Thực ra phong trào dân chủ Việt Nam còn có vai trò quan trọng hơn nữa trong giai đoạn hậu cộng sản, tức là thời kỳ xây dựng dân chủ cho Việt Nam. Sẽ rất sai lầm khi cho rằng chấm dứt chế độ độc tài cộng sản là phủi tay xong xuôi, không gì bảo đảm rằng một hình thức độc tài quân phiệt, tài phiệt hay cực hữu khác sẽ không diễn ra ở Việt Nam trong tương lai, đặc biệt khi các thế lực tư bản lưu manh đang kiểm soát các huyết mạch tài chính của quốc gia. Nếu mục tiêu chỉ là "chống cộng" thì cuộc đấu tranh không có ý nghĩa nào, bởi vì chế độ này trên thực tế chỉ là một chế độ mafia. Cả hai giai đoạn chấm dứt độc tài và xây dựng dân chủ do đó đều quan trọng như nhau và đòi hỏi một tổ chức dân chủ mạnh.

Trong giai đoạn đấu tranh chấm dứt độc tài, đấu tranh có tổ chức không những sẽ nhân lên được sức mạnh nhiều mặt mà còn được hướng dẫn dưới những quyết định đã được sàng lọc bởi trí tuệ tập thể. Những ai theo dõi sinh hoạt hàn lâm về *teamwork* (làm việc có đội ngũ) chắc đều biết đến một nghiên cứu của đại học Stanford về những quyết định của Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ. Sự đúng đắn và hiệu năng của những quyết định bởi tập thể không còn khó hiểu, điều khó hiểu là đến nay vẫn còn có nhiều người Việt Nam tiếp tục biện luận cho cách làm chính trị nhân sỹ. Phải thành thực thú nhận rằng không có tổ chức thì không thể đóng góp tốt cho đất nước, mà còn có hại trong nhiều trường hợp. Một người đã lập gia đình có những quyết định cân nhắc hơn một người độc thân. Sinh hoạt tổ chức giúp các cá nhân trưởng thành hơn trong nhận thức và trách nhiệm hơn trong hành xử. Cần phải chọn đứng trong một tổ chức, ngay cả đứng trong một tổ chức của xã hội dân

sự. Đó phải là một đòi hỏi tối thiểu trong giai đoạn này. Ở trong nước, sự mở rộng của Khối 8406 là một minh chứng cụ thể về sự phát triển của ý thức công dân của xã hội dân sự, nó đang đặt đảng cộng sản vào thế tiến thoái lưỡng nan.

Muốn đóng góp vào tiến trình dân chủ hóa một cách hữu hiệu thì tham gia vào một tổ chức chính trị phải là một chọn lựa bắt buộc. Những tổ chức chính trị nghiêm túc và có tương lai không những là môi trường bồi dưỡng kỹ thuật tranh đấu cho thành viên mà phải còn là những trường đại học đào tạo nhân sự cho chính trường dân chủ Việt Nam sau này. Một chuyên viên cũng cần phải được đào tạo chính quy từ bốn đến năm năm, sau mười hai năm học phổ thông. Những người tham gia vào việc quản trị đất nước tất nhiên cần phải được đào luyện gấp bội với những tiêu chuẩn khắt khe hơn nhiều để đáp ứng những công việc ở tầm vóc quốc gia. Không có đại học đào tạo chính khách thì sinh hoạt tổ chức chính là môi trường đào tạo. Đây phải là một thái độ mới cần có.

Có nhiều chính khách miền Nam trước đây chỉ là những cá nhân tình cờ đi lạc vào môi trường chính trị, như Nguyễn Hữu Chung cũng có xác nhận về trường hợp của ông trong một dịp tiếp xúc riêng ở Canada trước đây. Ông Ngô Đình Diệm đã ở ẩn để đi tu, nhưng vận mệnh đưa đẩy ông lên làm tổng thống. Các người cầm quyền của thời Đệ nhị Cộng hòa ở miền Nam đều xuất thân từ quân nhân, không có kinh nghiệm và bản lãnh chính trường. Lịch sử còn cho thấy một bài học quá đắt giá cho dân tộc, khi thành quả của những công lao đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân rơi vào cảnh "giao trứng cho ác", miễn cưỡng chỉ vì không có tổ chức và do đó bất lực, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản là gương tài liếp cho những người trẻ có ý định hoạt động chính trị, về tổ chức. Tổ chức bạo lực khủng bố như đảng cộng sản chỉ tạo ra những nhân sự đứng đầu như Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ... với các đặc tính đậm đặc là ma giáo, mưu mô, phản trắc. Nó đã là mầm mống cho tai họa của đất nước. Ngược lại những tổ chức có dự án chính trị đúng đắn, có chương trình hoạt động phù hợp thì sẽ đào tạo được nhiều thành viên có những đức tính trái lại với tổ chức xuẩn động như đảng cộng sản đó là thành thực, mưu lược, thủy chung. Và đây là những hạt mầm cần thiết cho người hoạt động chính trị, cho đất nước.

Trong lần tiếp xúc với những người lãnh đạo của Công Đoàn Đoàn Kết Ba Lan vào mùa hè 2004, họ đã thành thực chia sẻ với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên bài học đấu tranh cho dân chủ nhưng thiếu sự chuẩn bị của họ. Kinh nghiệm từ thực tiễn bao giờ cũng quý giá. Vào thời kỳ xây dựng dân chủ, phong trào dân chủ Việt Nam cũng sẽ phải chuyển mình để thực hiện vai trò quan trọng khác trong một bối cảnh mới. Các thành tố của xã hội dân sự sẽ năng động hơn ở môi trường dân chủ, trong đó các cơ quan truyền thông nghiêm túc sẽ tự nhiên có trách nhiệm lớn trong việc thông tin khách quan đến dư luận trên các vấn đề chính trị xã hội, nhưng chính những hằng thông tấn này cũng sẽ đối diện với quy luật đào thải rất khắc nghiệt. Các đảng chính trị cũng sẽ không ngừng đấu tranh với nhau, với

đảng hoặc liên đảng cầm quyền trong chính trường dân chủ, đấu tranh hòa bình trong khuôn khổ hiến pháp và luật pháp quốc gia để luôn có thể chỉ ra những điều bất cập. Các đảng chính trị do đó cũng sẽ đối diện với quy luật đào thải còn khắc nghiệt hơn. Cường độ của sự đấu tranh vào đào thải là một thước đo khác của sự phát triển xã hội, hay nói cách khác thì sức tiến của xã hội tỷ lệ thuận với quá trình vận động đào thải. Muốn tồn tại và có khả năng đóng góp tốt cho đất nước, không thể khác hơn là bắt buộc phải đấu tranh trong tổ chức, và môi trường tổ chức phải cần được cải tiến không ngừng để đáp ứng với tình hình chung qua từng thời kỳ. Thời thế đổi thay, đảng cộng sản không thể một mình một chợ để đàn áp các tổ chức đối lập được nữa.

Trên bình diện sinh hoạt chính trị quốc gia, quan sát các chế độ chính trị trên thế giới cho thấy chỉ có Hoa Kỳ là nước duy nhất thành công đối với chế độ tổng thống, vì Hoa Kỳ có được một nền tảng xã hội dân sự quá vững mạnh. Trong chế độ tổng thống, một người có thể đắc cử không vì có chính sách tốt mà vì có vợ là hoa hậu, và điều này không chấp nhận được với một nước còn bỡ ngỡ với dân chủ như Việt Nam. Hầu hết các quốc gia còn lại đều thực hiện chế độ đại nghị, một chế độ chính trị đã chứng tỏ tính khoa học và hiệu năng của nó. Trường hợp điển hình Việt Nam là một đất nước mà do di sản văn hóa, do chủ trương lãnh đạo xã hội toàn diện của đảng cộng sản trên cả nước trong vòng hơn ba mươi năm qua, xã hội dân sự cho đến nay vẫn đang ở giai đoạn phôi thai. Áp dụng chế độ đại nghị cho một Việt Nam dân chủ trong tương lai không chỉ là một chọn lựa thông minh mà là một bắt buộc của tiến trình lịch sử dân tộc. Người dân sẽ bỏ phiếu trên các chính sách đúng đắn cho quốc gia của các đảng ra tranh cử, thay vì sự hào nhoáng mị dân của những cá nhân.

Dự Án Chính Trị Thành Công Thế Kỷ 21 có đề nghị : "Thể chế đại nghị là thể chế dân chủ nhất và cũng là thể chế đúng đắn nhất, với điều kiện là không dẫn tới tình trạng lạm phát chính đảng và một quốc hội tê liệt vì bị phân hóa giữa nhiều khuynh hướng đối nghịch. Điều kiện này, như kinh nghiệm đã chứng minh, có thể thỏa mãn được bằng cách bầu tất cả hoặc phần lớn các dân biểu quốc hội theo phương thức bầu cử đơn danh và một vòng". Sinh hoạt chính đảng trong các chế độ đại nghị đều phải có tổ chức khoa học để tranh đấu mới bảo đảm được sự thành công, đảng Dân Chủ Tự Do của Nhật Bản cầm quyền liên tiếp trong 38 năm là một ví dụ rất thực tiễn.

Đấu tranh có tổ chức trong cả hai giai đoạn chấm dứt độc tài và xây dựng dân chủ phải được xem là một nhiệm vụ trọng yếu của mọi người có khả năng đóng góp tích cực cho tiến trình dân chủ Việt Nam. Đấu tranh cho dân chủ và chuẩn bị xây dựng dân chủ là hai nhiệm vụ lịch sử có liên hệ khăng khít với nhau. Nhưng đối với những ai chỉ quan tâm đến giai đoạn đấu tranh cho thắng lợi của dân chủ thì vẫn có một sự thật : muốn giành thắng lợi cho dân chủ thì bắt buộc phải có một tổ chức dân chủ mạnh.

Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte, NC)

Ông Hoàng Minh Chính phục hoạt đảng Dân Chủ

Ngày 30-5-2006 vừa qua, Phong Trào Dân Chủ, một liên minh giữa nhóm các ông Hoàng Minh Chính, Trần Khuê và đảng Nhân Dân Hành Động, đã tổ chức một buổi họp báo tại Palo Alto (California) để công bố quyết định của ông Hoàng Minh Chính : phục hồi sinh hoạt đảng Dân Chủ Việt Nam. Buổi họp báo này do hai ông Nguyễn Sỹ Bình, chủ tịch đảng Nhân Dân Hành Động, và Nguyễn Xuân Ngãi, phó chủ tịch đảng Nhân Dân Hành Động đồng thời cũng là đại diện hải ngoại của Phong Trào Dân Chủ Việt Nam, cùng làm chủ tọa.

Phần chính của buổi họp báo là công bố bản tuyên bố phục hồi sinh hoạt đảng Dân Chủ Việt Nam của ông Hoàng Minh Chính. Trong bản tuyên bố này, ông Hoàng Minh Chính nhắc lại đảng Dân Chủ được thành lập ngày 30-6-1944, tham gia cuộc bầu cử ngày 6-1-1946, tham gia chính phủ liên hiệp sau đó và liên kết với đảng cộng sản trong suốt cuộc chiến đấu chống Pháp, để rồi bị đảng cộng sản ép buộc phải tuyên bố tự giải thể năm 1988 với lý do "đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử", sau khi đã mua chuộc được tổng thư ký Nghiêm Xuân Yêm và một số thành viên lãnh đạo. Ông Hoàng Minh Chính "trịnh trọng tuyên bố" (nguyên văn) khôi phục sinh hoạt đảng Dân Chủ Việt Nam từ ngày 1-6-2006. Ông Chính coi đây là "một sự kiện trọng đại của đất nước".

Việc ông Hoàng Minh Chính khôi phục sinh hoạt của đảng Dân Chủ Việt Nam không khỏi khiến những người dân chủ chân chính phẫn nộ.

Đảng Dân Chủ chưa bao giờ là một đảng đúng nghĩa. Nó chỉ là một dụng cụ của đảng cộng sản, nhằm mục đích làm đồ trang sức cho đảng cộng sản, đem lại cho mặt trận Việt Minh, hoàn toàn do đảng cộng sản khống chế, một bộ mặt cởi mở. Tất cả những người lãnh đạo của nó, kể cả ông Hoàng Minh Chính, đều là đảng viên đảng cộng sản và được trao trách nhiệm "lãnh đạo" đảng Dân Chủ như là một công tác do đảng cộng sản giao phó. Đảng Dân Chủ, cũng như đứa anh em song thai của nó là đảng Xã Hội và nhiều hội đoàn hữu danh vô thực khác, đều do đảng cộng sản lập ra và thuộc sự điều động của Ủy Ban Dân Vận và Mặt Trận của đảng cộng sản. Tất cả những đại hội của nó đều do đảng cộng sản quyết định về ngày giờ, địa điểm, nghị trình, những diễn văn và những biểu quyết. Thực chất nó chỉ là một tay sai ngoan ngoãn của đảng cộng sản. Cuối cùng khi nó làm xong công việc của nó, nó đã vâng lệnh đảng cộng sản để tự khai tử. Một đảng bíp bợm như vậy có gì đáng để được phục hồi ? Việc ông Hoàng Minh Chính từng là tổng thư ký của đảng Dân Chủ đáng lẽ phải là một sự kiện đáng quên đi thay vì nhắc lại. Ngày nay ông Hoàng Minh Chính đã tuyên bố đứng hẳn về phe dân chủ, đảng lẽ ông phải thành lập một tổ chức dân chủ hoàn toàn mới.

Điều nghiêm trọng cần được nhắc lại là đảng Dân Chủ đã là một lớp son phấn trang điểm cho bộ mặt "đoàn kết dân tộc" của đảng cộng sản vào thời điểm đảng cộng sản tàn sát những người không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản,

một chủ nghĩa mà ngày nay chính ông Hoàng Minh Chính cũng nhìn nhận là một tội ác đối với loài người ngay trong bản tuyên bố này. Hàng trăm ngàn đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt đã bị thủ tiêu trong đợt khủng bố này. Tôi là một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, tôi thành thực muốn quên đi quá khứ để hòa giải với những người đã từng đứng trong hàng ngũ cộng sản như ông Hoàng Minh Chính để cùng bắt tay nhau tranh đấu cho một tương lai dân chủ cho đất nước. Nhưng không thể đòi các nạn nhân quên đi chuyện cũ trong khi những người ở một mức độ nào đó đã tiếp tay cho tội ác lại tiếp tục khoa trương thành tích.

Một điểm cũng làm tôi thắc mắc là ông Hoàng Minh Chính đã chọn đảng Nhân Dân Hành Động làm đồng minh vì chính đảng này công bố quyết định phục hồi đảng Dân Chủ của ông tại hải ngoại. Đảng Nhân Dân Hành Động đã được ông Võ Văn Kiệt thành lập năm 1991 như là một dụng cụ vừa để giúp đảng cộng sản vừa tiếp tục hiện diện tại Campuchia sau hiệp định Paris, vừa để xâm nhập vào hàng ngũ đối lập dân chủ hải ngoại ; 3/4 đảng viên của nó là đảng viên đảng cộng sản, đa số là công an, nhiều trí thức trong nước cũng đã được đảng cộng sản khuyến khích gia nhập đảng này với những hứa hẹn về quyền lợi. Một trong những người công khai gia nhập là ông Hoàng Ngọc Hiển đã được chính quyền cộng sản đặc biệt đãi ngộ, đã được xuất ngoại nhiều lần, kể cả được giới thiệu để tham gia vào một chương trình nghiên cứu của Trung Tâm William Joiner Center tại Hoa Kỳ ; trong khi nhiều người vô tình gia nhập đảng Nhân Dân Hành Động tại Campuchia vì tưởng đảng này là một đảng đối lập thực sự đã bị bắt giải về Việt Nam và bị xử những bản án rất nặng. Ngày nay đã có rất nhiều người rời bỏ hàng ngũ cộng sản để gia nhập hàng ngũ dân chủ, những bí mật của đảng cộng sản không còn giữ kín được nữa.

Việc ông Hoàng Minh Chính liên minh với đảng Nhân Dân Hành Động và phục hồi lại đảng Dân Chủ đặt ra một dấu hỏi lớn về ông Hoàng Minh Chính, ít nhất về sự sáng suốt của ông.

Tuy nhiên tôi không coi việc ông Hoàng Minh Chính phục hồi đảng Dân Chủ là có hại. Trước đó, tôi tin đó là một điều có ích cho cuộc vận động dân chủ. Nếu đảng cộng sản đã để cho đảng Dân Chủ hoạt động trở lại thì họ cũng không còn lý do gì để cấm đoán việc thành lập các tổ chức chính trị khác, và đó sẽ là một khai thông quan trọng. Tôi chỉ viết ra đây những suy nghĩ trung thực vì tôi nghĩ rằng sự thực là sức mạnh của những người dân chủ Việt Nam. Tôi kính trọng ông Hoàng Minh Chính nhưng tôi tôn trọng sự thật trước hết. Nếu ông Hoàng Minh Chính lập một đảng mới thì tôi sẽ rất hoan nghênh, nhưng nếu ông phục hồi lại đảng Dân Chủ thì tôi không thể tán thành, nhất là ông lại bắt tay với đảng Nhân Dân Hành Động và xem chừng bị đảng này chi phối.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

Sân chơi bình đẳng

Trương Minh Trí

Bước vào mùa World Cup 2006, ai nhắc đến "sân chơi" rất có thể là nói đến những cuộc thi đấu bóng đá đầy hào hứng sắp diễn ra trong giải thi vô địch quốc tế này. Bóng đá tuy rất có "truyền thống" tại Việt Nam, từ tham gia chơi, theo dõi và bình luận, cho đến cả cá độ, nhưng Việt Nam hiện nay đang sống trong một cơn sốt xung quanh một trò chơi và sân chơi khác.

Từ đầu tuần lễ 14-5, dư luận trong và ngoài nước xôn xao về sự kiện Việt Nam và Mỹ đã đi đến thỏa thuận trong cuộc đàm phán song phương gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Báo Tuổi Trẻ điện tử ngày 15-5 đã đăng bài phỏng vấn chuyên viên kinh tế tiến sĩ Lê Đăng Doanh về những gì Việt Nam có thể trông đợi trong giai đoạn cuối gia nhập WTO và một khi đã gia nhập. Ông Lê Đăng Doanh, vốn là một cố vấn kinh tế cao cấp cho giới lãnh đạo Việt Nam, nêu ra lợi điểm về thương mại hàng hóa Việt Nam có thể xuất khẩu được nhiều hơn vào các thị trường thế giới mà không phải chịu thuế cao, nếu như hàng hóa Việt Nam có tính cạnh tranh mạnh, vì gia nhập WTO là vào một "sân chơi bình đẳng", trong đó cạnh tranh thương mại giữa các thành viên căn cứ trên pháp lý và chất lượng hàng hóa. Tuy lạc quan về những cơ hội mới cho các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng ông Lê Đăng Doanh cũng nêu một số thử thách và rủi ro.

Nói cách khác, tiến trình đi vào một "sân chơi bình đẳng" có thể xem là một dao hai lưỡi, vì nếu muốn hưởng những quyền lợi của một thành viên "sân chơi", thì Việt Nam phải thực thi những cam kết cải tổ sâu rộng hơn nữa về hành chính và pháp lý, và thật sự tiến hành giải tư khu vực quốc doanh để nền kinh tế trở thành một nền kinh tế thị trường đúng nghĩa. Trong cuộc đàm phán, Mỹ đã chưa nhin nhận kinh tế Việt Nam là đúng nghĩa kinh tế thị trường và hai bên đã đồng ý gia hạn cho Việt Nam 12 năm nữa để đạt đến mục tiêu này. Có lẽ vì vậy mà ông Lê Đăng Doanh mới tỏ ra lạc quan, không phải vì đoạn đường còn lại dễ dàng, mà vì Việt Nam đã tự đặt vào một tình thế phải "theo luật chơi" và phải thực hiện những thay đổi khó khăn nhất, như ông Doanh đã lên tiếng kêu gọi từ trước.

Vào tháng 11-2005, ông Lê Đăng Doanh đã được dư luận hải ngoại chú ý đến nhiều qua bài thuyết trình thẳng thắn trước Bộ Chính Trị về đường hướng kinh tế và xã hội Việt Nam trong bối cảnh gia nhập WTO. Trong bài thuyết trình này, có đoạn khuyến cáo rõ ràng về điểm cần bản của một xã hội theo kinh tế thị trường :

"Thế chúng ta thấy ngay rằng kinh tế thị trường, cái ưu việt của kinh tế thị trường là gì, ở chỗ tiền vốn được tự động điều tiết vào những nơi nào có năng lực nhất... Đó là một điều hết sức là quan trọng. Tức là cuộc đời mọi người đều phải phấn đấu. Anh phấn đấu, anh phát tài, anh phát triển lên lúc bấy giờ anh sẽ được. Và quá trình sàng lọc đó, đào thải diễn ra theo nguyên tắc thủ và sai và hiệu quả. Tức là anh học của thắng bên cạnh, thấy nó mở hiệu phở, anh

mở hiệu phở, đắt quá, thế thì mình đừng mở hiệu phở nữa, mình mở miến lươn.

Thằng kia nó làm món này mình phải làm món khác. Như vậy tức là xã hội nó vô cùng phong phú và nó cứ tiếp tục nó phát triển lên. Thế nhưng nếu mà thấy rằng nhiều phở quá, giá nó bắt đầu rẻ thì lúc bấy giờ phải nghĩ đến món gì khác. Tiêu chuẩn của nó là hiệu quả.

Thứ ba nữa là, mọi quan hệ trong xã hội được tiến hành thông qua hợp đồng. Bởi vì mọi người là chủ thể, mọi người tự quyết định, nên quan hệ giữa mọi người phải thông qua hợp đồng. Xã hội là một xã hội được ràng buộc bằng hợp đồng. Bây giờ ta mới hiểu được tại sao người ta lại nói đến hợp đồng xã hội, khế ước xã hội, bởi vì mọi quan hệ đều được xử lý bằng hợp đồng, và phải có một cơ quan tài phán không thiên vị để tuân thủ pháp luật".

Những điểm nêu trên tưởng chừng như hoàn toàn nằm trong lãnh vực quan hệ kinh tế và xã hội trong nước. Nhưng đồng thời, đó cũng là những điều kiện cần thiết để Việt Nam hội nhập thành công vào thị trường quốc tế. Tức là luật chơi chung, một khi áp dụng bình đẳng, phải áp dụng bình đẳng với đối tác trong nước cũng như ngoài nước. Có lẽ vì vậy mà Việt Nam đã "đổi mới" 20 năm rồi mà còn cần thêm 12 năm nữa mới đạt tới kinh tế thị trường !

Trong một bài trên báo *Financial Times* đăng ngày 1-5-2006, và được báo *Los Angeles Times* đăng lại, ký giả Amy Kazmin nhận định rằng giới lãnh đạo Việt Nam vẫn chủ trương thiên vị khu vực quốc doanh. Một kinh tế gia của Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) Jonathan Pincus nói rằng "việc duy trì ưu thế cho các xí nghiệp quốc doanh vẫn là một mục tiêu công khai của đảng cầm quyền và chính quyền ; nhưng gần như không ai nhận thấy. Ông Jonathan Pincus nói tiếp : "sau 20 năm cải cách, nếu không có chương ngai gì lớn thì phải thấy xuất hiện những công ty tư nhân lớn".

Trong một cuộc phỏng vấn với đài Á Châu Tự Do cũng vào thời điểm sau khi Việt Nam và Mỹ đạt được thỏa thuận song phương về việc gia nhập WTO, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, một nhà tranh đấu dân chủ đã từng bị giam giữ tại Việt Nam trong vòng 20 năm, cũng tỏ vẻ lạc quan là tiến trình trở thành thành viên WTO sẽ giúp phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam và tạo điều kiện tự do cạnh tranh giữa hàng nội địa và hàng quốc tế. Trong khung khổ cuộc cạnh tranh này, người dân Việt Nam, tức là giới tiêu thụ Việt Nam sẽ có ngày một nhiều tự do lựa chọn sản phẩm mà tiêu chuẩn chính sẽ là chất lượng sản phẩm, dù đó là hàng nội hay ngoại.

Cuộc phỏng vấn cũng nêu một khía cạnh ít được các truyền thông khác chú trọng, đó là đòi hỏi của Mỹ về việc lưu hành văn hóa phẩm một cách tự do giữa hai nước. Đòi hỏi này có thể tạo điều kiện sản phẩm văn hóa như âm nhạc và sách báo của người Mỹ gốc Việt được tự do nhập cảng vào Việt Nam. Hiện nay, văn hóa phẩm từ Việt Nam đã xuất hiện đáng kể trên các thị trường hải ngoại, nhưng văn hóa phẩm hải ngoại nhập vào Việt Nam thì chưa đạt mức độ tương xứng. Một điều không rõ là thỏa thuận giữa hai nước đã quyết định như thế nào về điều khoản văn hóa

hai chiều này của phía Mỹ đưa ra. Văn bản thỏa thuận chính thức sẽ được hoàn tất và ký kết chính thức vào tuần lễ cuối tháng 5.

Riêng về khía cạnh những thử thách đối với Việt Nam, giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã nhận định vấn đề một cách rõ ràng hơn tiến sĩ Lê Đăng Doanh. Không khác với báo *Financial Times*, ông Đoàn Viết Hoạt đã nói kinh tế Việt Nam hiện nay vẫn giành ưu thế quá đáng cho khu vực quốc doanh, tức là kinh tế Việt Nam vẫn chưa thật sự là kinh tế thị trường, và điều này thì người dân ai cũng biết, không cần phải là nhà kinh tế mới nhận thấy. Vấn đề trở ngại đối với Việt Nam trong việc bảo đảm thế cạnh tranh cho kinh tế tư nhân là "cái đuôi xã hội chủ nghĩa", mà theo ông Đoàn Viết Hoạt, chính một số thành phần tiến bộ trong nước đã nêu trong khung khổ góp ý trước đại hội đảng cộng sản kỳ 10, rằng chính quyền Việt Nam cần phải dứt khoát bỏ cái đuôi xã hội chủ nghĩa này.

Chúng ta có thể liên tưởng đến kiến nghị của phóng viên báo *VietnamNet* Phan Thế Hải được phổ biến trên trang mạng đài Á Châu Tự Do vào tháng 2 năm nay, mà một trong những điểm chính là "nút cổ chai" hành chính, kinh tế và chính trị tạo ra bởi khái niệm "nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", khiến người dân không rõ là nhà nước theo pháp quyền hay đảng quyền. Ông Phan Thế Hải nói :

"...Từ chính sách Đảng lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện đã để ra một bộ máy khổng lồ song trùng với chính quyền. 64 tỉnh thành có 64 ông chủ tịch, 64 ông bí thư, 64 bộ máy tỉnh uỷ. Hơn 600 huyện cũng vậy. Chúng ta có một hệ thống chính quyền kép. Chính quyền lồng trong chính quyền ở cả bốn cấp, rất cồng kềnh nhưng không ai chịu trách nhiệm chính. Một doanh nhân nói với tôi : khi dự án của ông đã được Ủy Ban Nhân Dân (UBND) tỉnh thông qua, nhưng theo lời khuyên của một chuyên viên, ông buộc phải sang xin ý kiến của tỉnh ủy. Nếu ông bí thư tỉnh ủy chưa có bút phê thì đừng hòng triển khai nỗi..."

Chính vì cách thức tổ chức bộ máy này, hiện nay Việt Nam có 6 triệu người ăn lương. Con số này của Thái Lan là 2 triệu. Thế nhưng bộ máy của chúng ta không phải vì thế mà hoạt động có hiệu quả hơn. Không những thế, bộ máy song trùng còn tạo thêm một cửa buộc các nhà đầu tư phải đi qua. Khi dự án đã được duyệt ở UBND tỉnh, nhưng tỉnh uỷ không đồng ý, dự án đó nghiêm nhiên bị ách lại. Muốn qua được cửa này buộc phải thoả hiệp, phải "đi đêm", nếu không đừng hòng triển khai. Khi xác định được nhà nước ta là pháp quyền, các cơ quan Đảng sẽ tự động thu hẹp lại và chỉ là một bộ phận kiêm nhiệm trong hệ thống chính quyền...".

Theo như đoạn vừa trích, cái đuôi xã hội chủ nghĩa, không phải tình cờ mà chính quyền Việt Nam muốn duy trì. Chẳng qua, mục đích của cơ chế "cái đuôi" này là để tạo và duy trì điều kiện cho hàng ngũ đảng viên không những ăn lương, mà quan trọng hơn là tham nhũng. Cách đây 6 năm, nhà báo Nguyễn Vũ Bình của *Tạp Chí Cộng Sản* đã trình bày vấn đề một cách mạch lạc trong bài "Việt Nam và con đường phục hưng đất nước" :

"...Chúng ta đều biết, kinh tế tư nhân là động lực phát triển của tất cả các nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới. Khu vực kinh tế này không phát triển được thì nền kinh tế cũng không thể phát triển.

Có ba nguyên nhân quan trọng làm cho khu vực kinh tế tư nhân không phát triển. Một là, không thừa nhận sở hữu tư nhân dẫn tới việc tư nhân kinh doanh không được bảo đảm và bảo vệ bằng pháp luật. Hai là, kinh tế thị trường chưa chín muồi (chưa tạo lập đầy đủ và đồng bộ các thị trường), chưa có hệ thống pháp luật cho kinh tế thị trường phát triển, dư luận xã hội đối với kinh tế tư nhân còn nhiều nặng nề, định kiến. Ba là, sự méo mó của hoạt động sản xuất kinh doanh do việc ưu tiên quá mức cho các DNNN (doanh nghiệp nhà nước)...

...Tất cả sự lựa chọn và thay đổi khó khăn nhất của đảng cộng sản tập trung vào hai điểm mấu chốt là DNNN và chống tham nhũng. Nếu từ bỏ được quan điểm DNNN giữ vai trò chủ đạo, đồng nghĩa với việc phát triển kinh tế tư nhân, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế của đất nước và chống được tham nhũng, đồng nghĩa với việc làm trong sạch Đảng và lấy lại được uy tín trước nhân dân thì đảng cộng sản vẫn ung dung một mình lãnh đạo đất nước tiến vào thế kỷ 21. Nhưng than ôi ! Điều đó nằm ngoài khả năng hiện thực. Bởi vì loại bỏ DNNN cũng chính là từ bỏ lợi ích sống còn của tầng lớp lãnh đạo, lợi ích được bao phủ bởi vẻ đẹp huyền ảo (không ai hiểu được) của định hướng xã hội chủ nghĩa, của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Còn chống tham nhũng ư ? Tham nhũng ở Việt Nam là phương thức tự tồn tại của tất cả những người có điều kiện tham nhũng do mức lương khổn khổ cộng với tình trạng mua quan, bán tước nở rộ hiện nay. Liệu đảng cộng sản có thể chống được tham nhũng không ???".

Nhận thức về kinh tế của ký giả Nguyễn Vũ Bình vào năm 2000 song song với những nhận xét về xã hội và chính trị vẫn có giá trị cho đến hôm nay, nhất là sau vụ thất thoát 7 triệu USD tiền tài trợ quốc tế tại Bộ Giao Thông Vận Tải khiến Ngân Hàng Thế Giới phải xúc tiến điều tra, và trong bối cảnh Mỹ vẫn đánh giá kinh tế Việt Nam vẫn chưa đúng tiêu chuẩn kinh tế thị trường. Nhưng đối với những đối tác quốc tế như Mỹ thì chính quyền Việt Nam nỗ lực đàm phán và đi đến thỏa thuận, trong khi đối với những tiếng nói trong nước thì chính quyền lờ đi hoặc trù dập, như trường hợp kết án 7 năm tù ký giả Nguyễn Vũ Bình.

Trong một cuộc phỏng vấn với báo *Tuổi Trẻ* điện tử ngày 23-5, bộ trưởng thương mại Việt Nam Trương Đình Tuyển đã than phiền rằng Việt Nam "phải chịu bị áp đặt điều kiện cao hơn" vì gia nhập WTO vào một thời điểm trễ so với nhiều quốc gia khác. Ông bộ trưởng lại nói thêm rằng về mặt tích cực, "WTO tạo tiền đề cho một hệ thống chính sách ổn định, minh bạch và dễ tiên đoán". Phát biểu như thế về lợi ích của WTO thì chính xác, nhưng ông Trương Đình Tuyển không giải thích vì sao, nếu lợi ích rõ ràng như vậy, Việt Nam vướng mắc gì mà lại chậm trễ nhiều năm trong việc gia nhập WTO.

Trương Minh Trí (Canada)

NGƯỜI ĐI, NGƯỜI Ở... NGƯỜI VỀ

Nguyễn Huỳnh Đức

"Hoy marchamos ; Mañana votamos" ("Hôm nay chúng tôi xuống đường ; Mai đây chúng tôi sẽ bỏ phiếu").

Với những biểu ngữ tương tự, ngày 1-5-2006, cộng đồng người gốc Châu Mỹ La Tinh đã ngưng mọi sinh hoạt để rầm rộ xuống đường biểu tình tại nhiều thành phố lớn khắp Hoa Kỳ. Mục đích của những cuộc xuống đường này nhằm phản đối đạo luật nhập cư đang được bàn cãi tại Hạ Nghị Viện. Nếu đạo luật này được ban hành, Hoa Thịnh Đốn sẽ hạn chế số lượng di dân vào Hoa Kỳ, nhất là số người đến từ các quốc gia Châu Mỹ La Tinh. Thêm vào đó, những người nhập cư bất hợp pháp và những người giúp đỡ hay bao che nếu bị bắt sẽ bị xét xử như tội phạm hình sự. Mặc dù vẫn giữ nguyên sự cứng rắn này, một cách tích cực hơn, Thượng Nghị Viện đang hoàn chỉnh một chương trình hội nhập cho những di dân đã vào đất Mỹ một cách bất hợp pháp trong quá khứ. Mục đích của chương trình này là tạo một môi trường thuận lợi để những di dân bất hợp pháp trở thành công dân Mỹ (với một số điều kiện như chấp nhận trả thuế, trau dồi anh ngữ...).

Nói tóm lại, Hiệp Chủng Quốc đang tìm cách quản lý một cách có hiệu năng hơn làn sóng nhập cư vào Hoa Kỳ. Nhưng đây không phải là một hành động đơn độc của Mỹ, nhiều quốc gia Châu Âu như Anh, Hòa Lan, Thụy Sĩ và Đức cũng đã ban hành những đạo luật khắc khe hơn đối với di dân. Gần đây hơn, Pháp cũng đã hoàn chỉnh một đạo luật tương tự, có thể tóm tắt như sau : mỗi năm, chính phủ quyết định số lượng và thành phần được vào đất Pháp. Những người được chấp thuận nhập cư phải nói thông thạo tiếng Pháp, am tường luật pháp và bốn phần công dân, có đủ tài sản để sinh sống tại Pháp và nhất là phải có trình độ học vấn hoặc kỹ năng cao. Có thể nói mà không sợ sai lầm là nội dung khai niêm di dân đang được các quốc gia tiên tiến thẩm xét lại. Ngày nay, chỉ có những người hội đủ một số điều kiện về kiến thức, khả năng kỹ thuật mới hy vọng được chọn vào vùng đất hứa để tiến thân.

Trước chính sách chiêu hiền đãi sĩ mới của một số quốc gia công nghiệp giàu có, mối lo ngại lớn của các quốc gia chậm tiến là làm sao đương đầu trước hiện tượng *tuôn chảy chất xám*, nghĩa là làm sao ngăn chặn làn sóng những thành phần ưu tú nhất của đất nước tìm đủ mọi cách nhập cư vào các quốc gia giàu có hơn để lập nghiệp.

Hiện tượng tuôn chảy chất xám đang trở thành mối áu lo chung của các quốc gia nghèo khó vì, theo trực giác, rất nhiều người quan niệm rằng những người có trình độ học vấn hay có tay nghề cao bỏ ra nước ngoài sinh sống là một thiệt thòi lớn cho quốc gia. Đối với một quốc gia chậm tiến đây còn là một mất mát lớn vì xã hội đã dành hết những phương tiện ít ỏi của mình để đào tạo ra một nhân tài, đến khi thành đạt thì nhân tài đó tìm mọi cách để ra đi phục vụ một đất nước không bở công bỏ sức đào tạo ra họ.

Rất nhiều chuyên gia về phát triển kinh tế còn kết luận

rằng sự đóng góp của giới trí thức cho quê hương chậm tiến của họ có lợi hơn, nghĩa là tạo được năng suất cao hơn, là khi xuất ngoại phục vụ trong một quốc gia tiên tiến, vốn đã quy tụ nhiều anh tài rồi. Do đó, vể mặt vĩ mô, bỏ một quốc gia nghèo để cống hiến tài năng của mình cho một quốc gia có trình độ kỹ nghệ hóa cao không phải là một hành động tối ưu.

Tuy nhiên thực tế đã không diễn ra đúng với những dự đoán, và cũng có nhiều kết luận sai. Và đây là một thí dụ.

Thứ nhất, nhiều cuộc khảo sát gần đây cho thấy một cá nhân có kỹ năng cao chưa chắc đã đạt được năng xuất cao nếu môi trường nghề nghiệp không thuận lợi (trang bị lỗi thời, phương tiện bất cập, đồng nghiệp không có tay nghề cao). Nói tóm lại, hiệu năng của một cá nhân tùy thuộc vào khả năng của cộng đồng mà cá nhân này chỉ là một thành tố. Dựa vào những khảo sát trên, người ta có thể quả quyết rằng việc xuất ngoại làm việc tại một nơi có môi trường thuận lợi hơn sẽ giúp cho cá nhân đạt được năng suất cao hơn.

Thứ nhì, khi đề cập đến vấn đề đầu tư vào con người tại một quốc gia chậm tiến, người ta thường quên rằng chính sự phấn đấu cá nhân đã đem lại cho người đó sự thành đạt. Tất cả thành quả của học tập đều là sở hữu của cá nhân đó vì trong quá trình học tập người đó đã làm những cố gắng cần thiết để đạt đến những thành quả mong muốn. Bằng cấp, kiến thức hay kinh nghiệm nghề nghiệp không thuộc về một cộng đồng hay một quốc gia nào cả. Vì vậy, không thể vội vã kết luận rằng quốc gia chậm tiến sẽ bị mất mát lớn nếu giới khoa bảng xuất ngoại lập thân. Quan trọng hơn nữa, nếu chấp nhận nguyên tắc tự do cá nhân (trong đó quyền chọn lựa một cuộc sống mà mình mong muốn là một quyền bất khả xâm phạm) thì quốc gia dù đã đầu tư một cách tốn kém bao nhiêu vào việc đào tạo nhân tài cũng khó đòi hỏi cá nhân đó trả nợ cho mình sau khi đã thành tài. Đây là một vấn đề ý thức cá nhân.

Nhiều người còn cho rằng hiện tượng lo sợ nạn tuôn chảy chất xám là không có căn cứ, trái lại nó có thể đem lại nhiều lợi ích cho các quốc gia chậm tiến.

Theo một cuộc nghiên cứu gần đây của Trung Tâm Nghiên Cứu về Phát Triển (Center for Development Research) thì hiện tượng những thành phần ưu tú bỏ làng bỏ xã để đi lập nghiệp nơi khác là động cơ thúc đẩy giới trẻ quyết tâm học hỏi nhiều hơn với hy vọng sẽ thay thế giới có học thức vừa bỏ xứ ra đi. Và cứ như vậy, tác động dây chuyền sẽ nâng cao trình độ học thức của toàn xã hội. Cuộc nghiên cứu này đã được thực hiện tại Mĩ Tây Cơ và đã chứng minh rằng trình độ học vấn của giới học sinh Mĩ tăng theo tốc độ rời bỏ sở của những thành phần ưu tú nhất của xã hội. Vì đại đa số dân cư bỏ làng ra đi đều đã định cư hay lập nghiệp tại các tỉnh lỵ sát biên giới với Hoa Kỳ nên những kết luận được rút tóm từ hiện tượng di dân nội địa của Mĩ Tây Cơ vẫn có giá trị để làm nền tảng thảo

luận cho đề tài chảy máu chất xám từ quốc gia chậm tiến sang quốc gia kỹ nghệ hóa.

Ngoài ra, Ngân Hàng Phát Triển Thế Giới (WB) cũng đã đặt nhiều nghi vấn về tệ nạn tuôn chảy chất xám mà một số quốc gia đã rung chuông báo động. Định chế tiền tệ quốc tế này nhìn nhận rằng chưa chắc gì hiện tượng tuôn chảy chất xám có những tác động tiêu cực đối với các quốc gia thuộc đệ tam thế giới. Ngược lại, WB công nhận một quan niệm mới về hiện tượng trên. Trong lời nói đầu của một bài nghiên cứu được công bố vào năm 2003, các chuyên gia của WB đã trình bày rằng tại một quốc gia chậm tiến, vốn liếng kiến thức của con người ít khi được trân trọng đúng mức và hệ lụy tự nhiên của nó là tốc độ phát triển bị kìm hãm ở mức độ thấp kém. Chính vì thế, việc giới khoa bảng được xuất ngoại lập nghiệp có thể sẽ là chất kích thích khiến người dân chú tâm hơn vào học tập. Dĩ nhiên, chỉ có một tỷ lệ nhỏ trong số người thành tài mới có cơ hội xuất ngoại, những người ở lại sẽ cống hiến cho quốc gia một cách hiệu năng hơn nhờ vào hành trang kiến thức mà họ đã gom góp được.

Song song đó, cũng cần đề cập đến số lượng ngoại tệ mà một cá nhân có thể gửi về quê hương để nuôi dưỡng thân nhân. Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc Tế (IMF) thì trong khoảng thời gian từ 1981 đến 2000, những người đã định cư tại Mỹ hay Châu Âu đã gửi về quê hương trung bình là 36 tỷ Mỹ Kim hàng năm. Đó là chưa kể lượng tiền được gửi về bằng những đường dây phi chính thức. Điều đáng chú ý là tỷ lệ tăng trưởng của nguồn ngoại tệ gửi về một quốc gia chậm tiến (trung bình 3,86% hàng năm) vượt hẳn mức độ tăng trưởng của tổng sản lượng nội địa của quốc gia đó (trung bình 1,61% hàng năm). Lẽ dĩ nhiên, những thành phần ưu tú nhất sẽ có nguồn thu nhập cao một khi đã định cư tại một quốc gia tân tiến. Họ cũng là những người gửi tiền nhiều nhất về cho đất nước.

Trên bình diện cá nhân, cũng có thể nhận diện ra rất nhiều khía cạnh tích cực của hiện tượng tuôn chảy chất xám. Thật vậy, đây là cơ hội để một anh tài trau dồi và thi thoát tài năng của mình với những thành phần ưu tú trong lãnh vực chuyên môn của họ tại quốc gia nhập cư. Chỉ có như vậy họ mới khai thác hết tiềm năng của họ thay vì quyết định ở lại quê hương và để tài năng cùn mòn dần với thời gian.

Khi đã có được một địa vị vững chắc trong xã hội mới, cá nhân đó có thể tổ chức những cuộc gặp gỡ với đồng nghiệp tại quê hương để trao đổi kiến thức đã gặt hái được tại xứ người. Họ cũng có thể tạo điều kiện cho những sinh viên đồng hương có thể đến thực tập tại quốc gia mà họ đang định cư. Hơn thế nữa, giới khoa bảng đã định cư tại ngoại quốc có thể dành một khoảng thời gian ngắn để về nước tham gia vào các công trình giảng dạy ngắn hạn để đào tạo những thành phần ưu tú cho đất nước.

Nếu có tính mạo hiểm và ưa thích doanh nghiệp, họ cũng có thể trở về quê hương để khai triển những ngành mà quê hương của họ chưa có được. Giới bác sĩ Do Thái chuyên về ung thư óc não là một thí dụ điển hình. Cũng nên

biết là người Do Thái hay mắc bệnh ung thư não nhất. Tuy nhiên vào thập niên 60, Do Thái không đủ điều kiện để đào tạo những bác sĩ chuyên về căn bệnh này, chính vì thế rất nhiều thanh niên đã xuất ngoại lập nghiệp tại Hoa Kỳ. Nhưng sau khi đã thành đạt, họ đã quyết định trở về nước mở bệnh viện và đầu tư vào những trung tâm nghiên cứu ung thư não. Ngày nay, Do Thái là một quốc gia đứng đầu về việc chữa trị căn bệnh này. Một thí dụ khác là kỹ nghệ tin học của Ấn Độ. Chỉ trong hai thập kỷ, Ấn Độ đã có được một kỹ nghệ tin học phần mềm bậc nhất thế giới. Bí quyết của thành công này hoàn toàn nhờ vào hiện tượng chảy máu chất xám. Sau khi xuất ngoại lập thân và thành công, giới kỹ sư Ấn đã về nước đầu tư và thành lập những công ty chuyên về phần mềm. Hành động này đã tạo ra một nhu cầu mới và khuyến khích giới sinh viên Ấn chọn lựa ngành tin học để dễ dàng tìm được việc làm khi ra trường. Từ đó kỹ nghệ này đã phát triển một cách ngoạn mục.

Có nên lo âu về hiện tượng tuôn chảy chất xám hay chăng ? Câu trả lời dứt khoát là không... nhưng với một điều kiện không có không được là "cá nhân đã xuất ngoại vẫn còn quyền luyến với đất nước và còn gắn bó với những người đồng hương". Muốn như vậy, đất nước phải được quan niệm như một khồng gian liên đới giữa những con người biết thương yêu nhau, biết thông cảm nhau, biết quý trọng nhau và sẵn sàng hợp tác để cùng nhau xây dựng một tương lai chung. Nếu quốc gia được hiểu như thế thì sẽ có thừa khả năng để liên kết người công dân với nhau. Đất nước sẽ trở nên cần thiết cho mọi người vì nó là địa bàn cho mọi phát triển cá nhân và cũng là môi trường thuận lợi để những công dân chia sẻ một tương lai chung. Đất nước sẽ là của mọi người và của mỗi người.

Người đi, người ở hay người về sẽ không còn quan trọng nữa vì ở đâu mỗi người cũng có thể đóng góp cho quê hương.

Một lời cuối và cũng là một lời riêng. Ở một mức độ nhất định (khoảng từ 10% đến 15% số người có bằng đại học hàng năm) và song song với việc gầy dựng một khái niệm mới về đất nước, Việt Nam rất cần chất xám di động. Chúng ta không những cần tiếp thu kiến thức để phát triển mà, hơn thế nữa, phải hấp thụ văn hóa phát triển. Muốn hấp thụ nền văn hóa này, giải pháp duy nhất là xuất ngoại sang các quốc gia phát triển lập nghiệp. Cái may mắn của Việt Nam là đã có sẵn một cộng đồng đồng hương thừa khả năng để đón tiếp những người mới đến.

Vậy thì còn chần chờ gì ? Cần chảy máu chất xám và chảy ngay lập tức để đất nước có cơ hội vươn lên.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

- *Balance of Payments Statistics Yearbook*, International Monetary Funds.

- *Rethinking the Brain Drain*, Center for Development Research, Bonn, June 2003.

- *International Migration, Remittances, and the Brain Drain*, The World Bank, June 2003.

- *A Gain with a Drain ? Evidence from Rural Mexico on the New Economics of the Brain Drain*, Center for Development Research, Bonn, October 2005.

Những thương lượng về biên giới giữa Việt Nam và Lào

Nguyễn Văn Huy

Những thỏa thuận về biên giới ký với Lào tuy không gây ồn ào như những hiệp ước về biên giới ký với Trung Quốc và Campuchia nhưng cũng rất gây go và tốn rất nhiều thời gian để hoàn tất. Như mọi thỏa thuận về biên giới, những cuộc thảo luận về đường biên giới này ít được người biết vì rất bí mật. Phải chờ đến năm 1995, một tài liệu viết bằng tiếng Pháp do Bernard Gay, một chuyên gia của Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học (CNRS) phát hành, nội dung một số thỏa thuận mới được tiết lộ (1). Phần lớn những tài liệu đưa ra trong tài liệu này do phía Lào cung cấp và được phía Việt Nam chấp thuận.

Theo tài liệu này, trong thời gian từ 1976 đến 1990, các cấp lãnh đạo Việt Nam và Lào đã ký với nhau ít nhất năm văn kiện chính thức về biên giới : 1.Thỏa thuận về việc hoạch định lại vùng biên giới ngày 10-2-1976 ; 2. Hiệp ước hoạch định biên giới giữa nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nước Cộng Hòa Nhân Dân Lào ngày 18-7-1977 ; 3. Hiệp ước bổ sung hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước ngày 24-1-1986 ; 4. Hiệp định phân giới và cắm mốc giữa hai nước ngày 24-1-1986 và 5. Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia ngày 1-3-1990. Bên cạnh những văn kiện chính thức đó là hàng trăm biên bản do các ủy ban biên giới báo cáo về những công tác đã thực hiện dọc theo quốc giới, v.v.

Ngay sau chiến thắng của phe cộng sản tại Lào và Việt Nam năm 1975, lãnh đạo đảng cộng sản Lào đã đề nghị lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam xác định lại lằn ranh phân chia hai nước. Lý do là vì trong chiến tranh, sự qua lại thường xuyên và trú đóng của bộ đội Bắc Việt trên lãnh thổ Lào và một số dân cư Lào chạy qua Việt Nam lánh nạn đã làm thay đổi lằn ranh phân chia hai nước trên nhiều vùng đất. Ngày 10-2-1976, đại diện hai nước ký thỏa thuận về việc hoạch định lại khu vực biên giới dựa trên ba điểm chính : 1. Lằn ranh phân chia hai nước dựa theo bản đồ ba nước Đông Dương, tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa Dư Đông Dương phát hành năm 1945 ; 2. Việt Nam chấp nhận hoàn trả lại cho Lào những vùng đất đã dùng làm căn cứ trong cuộc chiến, và 3. giải quyết những khác biệt linh tinh về đo đạc giữa hai bên sau trên thực địa.

Hai bên chấp thuận thương lượng theo nguyên tắc công pháp quốc tế *uti possidetis*, nghĩa là chấp nhận lằn ranh phân chia ranh giới đã có từ thời Pháp thuộc. Dụng cụ làm việc là Bản đồ Đông Dương tỷ lệ 1/100.000, do Sở Địa Dư Đông Dương (Service Géographique de l'Indochine) xuất bản năm 1945 và 48 mảnh bản đồ chi tiết, tỷ lệ 1/100.000, từ khu vực từ tỉnh Lai Châu đến tỉnh Gia Lai-Kontum (phía Việt Nam) và từ tỉnh Phong Saly đến tỉnh Attopeu. Nơi nào không có trong bản đồ thì hai bên sẽ dùng bản đồ có cùng tỷ lệ 1/100.000 phát hành gần năm 1945 nhất.

Cũng nên biết là 48 mảnh bản đồ vừa kể do các đội trắc địa Pháp thiết lập trong suốt thời gian từ 1905 đến 1954,

Sở Địa Dư Đông Dương chỉ công bố 25 bản, 23 bản còn lại không được công bố vì chưa hoàn tất. Để bù túc sự thiếu sót này, cả hai phía sử dụng những họa đồ vẽ theo không ảnh của Sở Địa Dư Đông Dương chụp trong thập niên 1950. Phía Việt Nam sử dụng những mảnh bản đồ đã được dịch ra Việt ngữ, đã đổi chiếu với những ấn bản do Sở Địa Dư Đông Dương Pháp, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cũ và Hoa Kỳ phát hành. Nguyên tắc làm việc là sự nhất trí, nơi nào thấy cần phải điều chỉnh lại đường biên giới hay nơi nào đường biên giới chưa rõ ràng hoặc chưa được vẽ trên bản đồ của Pháp thì phải có sự đồng thuận hoàn toàn giữa hai bên, vì "lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam và Lào", nghĩa là hoàn toàn vì mục tiêu chính trị.

Trong những ngày đầu của tháng 3-1976, ủy ban phân định đường biên giới của hai nước đã so sánh và trao đổi với nhau về những sự khác biệt trên những bản đồ. Khi tìm thấy có những khác biệt, hai bên tiến hành đo đạc trên thực địa. Tiến trình đàm phán diễn ra như sau :

- Từ ngày 12 đến 21-7-1976, hai bên thảo luận về đường biên giới phía Bắc, từ vùng giáp ranh biên giới với Trung Quốc (Lai Châu và Phong Saly) đến phía Bắc Hương Lạp (gần Tchêpone, phía Tây sông Bến Hải, Quảng Trị).

- Cuối tháng 8-1976, hai bên thảo luận thêm về đường biên giới từ Bắc Hương Lạp đến điểm giáp ranh giữa ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, trừ khu vực Đắc Lay, thuộc tỉnh Kontum ngày nay.

- Từ 11-10 đến 11-12-1976, hai phía thảo luận về đường biên giới ở khu vực Đắc Lay.

- Từ tháng 1 đến tháng 3-1977, ủy ban hoạch định đường biên giới hai nước soạn thảo nội dung hiệp ước hoạch định đường biên giới giữa hai nước. Tổng cộng trên một tuyến đường dài 2.067 km, có 4.122 km² đất đai đã được điều chỉnh trên 27 khu vực, phần lớn ở khu vực giáp ranh các tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam) và Hứa Phòn (Lào).

Những khu vực có điều chỉnh như sau : Na Luông : 52 km², Pu Tông : 21 km², Chiêng Khương : 2 km², Pu Tamê : 3 km², Pa Khamnoi : 14 km², Piêng Kay : 3 km², Pha Luông : 42 km², Mường Lát : 68 km², Nòng Tàu : 7 km², Nậm Sim : 48 km², Na Hàm : 53 km², Na Mèo : 116 km², Văng Ang Ng Oscar : 86 km², Pa Hốc : 2 km², Piêng Tân : 3 km², Sopp Pén : 60 km², Huổi Pa : 3 km², Keng Đu : 78 km², Phasong Kaloc : 235 km², Hương Lạp : 461 km², Xa Mơi : 580 km², Tà Ôi : 292 km², Hương Sơn : 758 km², Ba Lê : 75 km², Dak Pre : 50 km², Dak Lay : 725 km² và Dak Tô : 285 km².

Tuy vậy, dựa theo 13 họa đồ điều chỉnh, phái đoàn đo đạc trên thực địa đã làm việc từ đầu tháng 3 đến đầu tháng 7-1977 và phân chia lại 716 km² đất đai như sau : phía Lào được thêm 238 km², Việt Nam : 478 km², khác biệt thiên về phía Việt Nam là 240 km².

Ngày 18-7-1977, đại diện hai nước là các phó thủ tướng

Phoun Sipaseuth (Lào) và Phạm Hùng (Việt Nam) đã chính thức ký hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nước Cộng Hòa Dân Chủ Lào, và có hiệu lực ngày 31-7-1977.

Một ủy ban biên giới hỗn hợp Việt Lào đã được thành lập để cắm mốc đường biên giới. Đường biên giới được chia thành 19 khu vực, mỗi khu vực tương trưng bằng một mẫu tự la-tinh từ A đến U cho phía Việt Nam và các mẫu tự tương đương bằng chữ Lào. Sự phân bổ được tổ chức như sau : đoạn A dài 98 km, giữa Lai Châu và Phong Saly, từ 6 đến 7 mốc ; đoạn B dài 192 km, giữa Lai Châu và Phong Saly, 13 mốc ; đoạn C dài 102 km giữa Lai Châu, Sơn La và Phong Saly, Luang Prabang, 9 mốc ; đoạn D dài 95 km giữa Sơn La và Hứa Phàn, 10 mốc ; đoạn E dài 97 km giữa Sơn La và Hứa Phàn, 9 mốc ; đoạn G dài 131 km giữa Sơn La, Thanh Hóa và Hứa Phàn, 12 mốc ; đoạn H dài 87 km giữa Thanh Hóa và Hứa Phàn, 8 mốc ; đoạn I dài 110 km giữa Thanh Hóa và Hứa Phàn, 8 mốc ; đoạn K dài 74 km giữa Thanh Hóa và Hứa Phàn, Xieng Khoảng, 6 mốc ; đoạn L dài 90 km giữa Nghệ Tĩnh và Xiêng Khoảng, từ 9 đến 10 mốc ; đoạn M dài 180 km giữa Nghệ Tĩnh và Boli Khamsay, 14 mốc ; đoạn N dài 155 km giữa Nghệ Tĩnh, Quảng Bình và Boli Khamsay, Kham Muon, 13 mốc ; đoạn O dài 65 km giữa Quảng Bình và Kham Muon, 4 mốc ; đoạn P dài 56 km giữa Quảng Trị và Kham Muon, 5 mốc ; đoạn Q dài 64 km giữa Quảng Trị và Savan Nakhet, 17 mốc ; đoạn R dài 128 km giữa Quảng Trị và Savan Nakhet, từ 12 đến 14 mốc ; đoạn S dài 78 km giữa Thừa Thiên và Saravan, Sekong, 11 mốc ; đoạn T dài 208 km giữa Quảng Na, Kontum và Sekong, 27 mốc ; đoạn U dài 57 km giữa Kontum và Attopeu, từ 6 đến 7 mốc.

Tổng kết chiều dài của đường biên giới Việt Lào là 2.067 km với 202 cột mốc, trong đó có 199 mốc chính thức, 3 mốc bổ sung. Riêng trong khu vực R, đường biên giới khá phức tạp nên ủy ban phân định dự trù thêm 2 cột mốc khác, nâng tổng số cột mốc lên 204 cột, với 204 biển bản đầy đủ các chi tiết về thay đổi diện tích đất đai sau khi cắm mốc. Tại địa điểm cắm mốc, mặt ghi chữ Lào hướng về lãnh thổ Lào và mặt ghi chữ Việt hướng về lãnh thổ Việt, trên mỗi mặt có ghi thêm số thứ tự của đoạn, số thứ tự của cột từ Bắc xuống Nam và năm cắm mốc.

Địa điểm được chọn làm thí điểm cắm mốc đầu tiên là khu vực biên giới giữa các tỉnh Savan Nakhet, Kham Muon (Lào) và Quảng Bình, Quảng Trị (Việt Nam) từ 25-8-1978 đến 31-3-1979. Việc đo đạc trong khu vực này đã rất khó khăn vì không có đường giao thông, núi non hiểm trở, khí hậu ác nghiệt ; đây là khu vực bị đội bom nhiều nhất vì là đường chuyển vận người và vũ khí vào Nam và cũng là mảnh khu của bộ đội miền Bắc nên số bom mìn còn sót lại rất nhiều. Vì vẫn còn là mảnh khu của bộ đội miền Bắc và thiếu thông tin, lực lượng quân sự bảo vệ căn cứ đã nổ súng vào tổ đo đạc của Lào, cảng thẳng chỉ chấm dứt sau khi đại diện cao cấp của hai nước đứng ra dàn xếp ngày 25-4-1980. Sau 8 tháng thực hiện, tổ cắm mốc hỗn hợp thiết lập một bản đồ chi tiết của khu vực tỷ lệ 1/25.000. Công tác cắm mốc chỉ chính thức bắt đầu ngày 14-7-1979 và dự trù

chấm dứt vào ngày 24-8-1984.

Nhận thấy sự chuyển nhượng đất đai năm 1977 cho phía Việt Nam có phần thiệt thòi cho Lào, ngày 24-1986 lãnh đạo hai nước đã ký hiệp ước bổ sung hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Lào và Việt Nam và có hiệu lực thi hành ngày 19-9-1986, theo đó Lào được thêm 82,5 km² và Việt Nam : 40 km², khác biệt 42,5 km² thiên về Lào.

Như vậy, sau hai hiệp ước về biên giới giữa Lào và Việt Nam 1977 và 1986, Lào được hưởng thêm 320,5 km² đất đai và Việt Nam 518 km², trong đó 197,5 km² thiên về phía Việt Nam. Thật ra những đất đai này đã thuộc về Việt Nam từ lâu trong hai cuộc chiến, vì đó là những mảnh khu của bộ đội cộng sản Việt Nam : khu vực quanh Điện Biên Phủ giữa Sơn La và Phong Saly trong cuộc chiến với Pháp (1945-1954) ; giữa Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Hứa Phàn, giữa Quảng Bình, Quảng Trị và Savan Nakhet và giữa Kontum và Attopeu trong cuộc tiến chiếm miền Nam (1956-1975).

Cùng ngày 24-1-1986, đại diện hai nước ký thêm hiệp định phân giới và cắm mốc giữa hai nước, theo đó mỗi năm đại diện hai nước sẽ cùng nhau họp lại để thẩm định công tác đo đạc và cắm mốc biên giới. Ngày 1-3-1990, bộ trưởng ngoại giao hai nước ký thêm Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia, theo đó hai bên Việt Nam và Lào sẽ cùng nhau giải quyết những tranh chấp về biên giới, nếu có xảy ra, trong hòa bình và tương nhượng.

Trong 5 ngày từ 23 đến 27-12-2005, hai phái đoàn biên giới đã họp nhau tại Hà Nội để kiểm điểm thực hiện Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia giữa hai nước, đây là cuộc họp thứ 15 kể từ 1990. Hiện hai bên chưa "nhất trí" tại hai đoạn biên giới từ mốc U9 đến điểm ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia và tại khu vực ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc.

Nhìn chung, về kỹ thuật, những đo đạc về đường biên giới giữa Việt Nam và Lào tương đối khoa học vì áp dụng đúng những nguyên tắc quốc tế, nghĩa là các địa điểm phân chia ranh giới được ghi bằng tọa độ cùng với tên gọi, độ cao, hướng địa lý và khoảng cách chính xác của nó. Nhưng tất cả vấn kiện này chỉ là những ký kết song phương giữa hai quốc gia, chưa được cộng đồng thế giới công nhận và chưa đệ nạp lên Liên Hiệp Quốc.

Sở dĩ cầm quyền cộng sản Việt Nam và Lào chưa nộp bản lưu cho Liên Hiệp Quốc vì nhiều lý do. Thứ nhất là sự chuyển nhượng những vùng đất lớn cho Việt Nam, hay Lào, không khách quan vì ai cũng biết Lào hiện nay hoàn toàn do Việt Nam khống chế. Thứ hai là sự bí mật, chính quyền cộng sản Việt Nam không muốn thế giới biết địa điểm chính xác những vùng đất mà Lào đã nhượng cho Việt Nam, vì đây là mảnh khu quân sự và đường tiếp tế chiến lược mà không lực Hoa Kỳ đã cố gắng đánh phá, và cũng có thể đây là những nơi giam giữ tù binh Mỹ trong suốt cuộc chiến vừa qua. Thứ ba là cách đối xử của hai chính quyền Việt Lào đối với những sắc tộc thiểu số sinh sống quanh khu vực biên giới, đặc biệt là người Hmong (Mèo), người Thái và người Thượng, cả ba sắc tộc này đã không nhiều thì ít có dính líu tới những nỗ lực đánh phá mảnh khu của bộ đội cộng sản Việt Nam trên đất Lào, đúng

Nam Bộ đã bị đảng cộng sản lừa gạt và "nhuộm đỏ" như thế nào ?

Tôn Thất Thiện

Nói lên "sự thật mèo mó"

Vào khoảng năm 1990-1991, nhân dịp ghé Paris, tôi có gặp một người từng làm đại sứ ở Đông Đức, nhưng sau 1975 đã bỏ cộng sản và tỵ nạn ở Pháp. Trong cuộc nói chuyện, ông này tỏ ra không ưa thích cộng sản, nhưng khi được gợi ý viết hồi ký kể lại những chuyện mà ông đã nghe tận tai, thấy tận mắt trong thời gian ông đi với cộng sản thế nào thì ông này trả lời : "mình đã đi với người ta lâu, không lẽ nay lại nói này nói nọ về họ...".

Thái độ của ông P.N.Thuần là thái độ của rất nhiều người gốc Nam Bộ đã đi với cộng sản. Hậu quả là tuy chúng ta biết rằng người Nam Bộ, cũng như người Việt ở những vùng khác, đã bị đảng cộng sản lừa gạt lợi dụng chiêu bài chống Pháp giành độc lập để thực hiện ý đồ sâu xa của họ là biến nước Việt Nam thành một quốc gia cộng sản, một "tiền đồn của khối xã hội chủ nghĩa" do Liên Xô cầm đầu, nhưng không ai trong chúng ta được biết tường tận, chi tiết Nam Bộ đã bị đảng cộng sản "nhuộm đỏ" thế nào. Nay, nhờ tác phẩm "*Lớn Lên VỚI ĐẤT NƯỚC*", lở hổng lớn về sự thiếu sót này đã được trám. "Miền Nam bị nhuộm đỏ", cụm từ mà Vy Thanh dùng (tr. 43), cũng có thể là tít của tác phẩm có tính cách hồi ức này.

Vy Thanh là một trí thức gốc Nam Bộ đã "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu", "bỏ thành vô bưng", tham gia kháng chiến chống Pháp, đã được chỉ định làm công tác ở Ban tuyên huấn của Khu 9 (vùng từ Cần Thơ đến Rạch Giá và U Minh), và đã được đi học lại để làm công tác trí vận ở vùng (Đặc Khu) Sài Gòn-Chợ Lớn. Sau khi Hiệp Định Genève được ký (1954), anh ta lại được Đảng chấp nhận cho đi Mỹ học để chuẩn bị công tác trí vận chống Mỹ trong tương lai. Nhưng những quan sát của anh trong thời gian "ở trong bưng", rồi "về thành", và ở Mỹ, đã làm anh ta tinh ngộ. Và may cho anh ta, khi học ở Mỹ xong về lại xứ thì tố trí vận Sài Gòn-Chợ Lớn bị vỡ, anh mất liên lạc, và cũng nhờ khi "vô bưng", rồi "về thành" anh đã bị đổi tên nhiều lần nên không còn trong danh sách cán bộ trí vận đó, chẳng ai biết anh còn sống hay chết, ở đâu, làm gì, và nhó đó mà không bị móc nối nữa. Anh cho rằng tinh thần yêu nước "đi kháng chiến...giống như con nít thấy người lớn đi

 hơn là đọc khu vực biên giới giữa hai nước, trong suốt hai cuộc chiến Đông Dương. Thứ tư là sự mập mờ trong việc thi hành, vì chính quyền cộng sản Việt Nam dễ nhúng tay vào nội bộ của Lào, như đánh dẹp các lực lượng vũ trang của người Mèo trong vùng Xiêng Khoảng hay bắt giữ những mục sư Tin Lành truyền bá giáo lý trong khu vực sinh sống của các sắc tộc Mèo, Thái và Thượng.

Nguyễn Văn Huy

(1) Bernard Gay, *La nouvelle frontière lao-vietnamienne - Les accords de 1977-1990*, L'harmattan, Paris, 1995.

coi hát, chạy theo, vô rạp (như hồi đầm ma Trần Văn Ông, 1950) giờ không còn hợp thời nữa". Anh nói với thân phụ anh rằng "ý định của con là không muốn trở vào bưng hay ở ngoài thành hoạt động nữa. Đối với con, mất bao nhiêu năm đó là đủ rồi" (tr.338-339). Sau ngày cộng sản chiếm Sài Gòn, anh ta bị đưa đi học tập một thời gian, sau đó vượt biên cùng với gia đình và định cư tại Mỹ.

Trong *Lớn Lên VỚI ĐẤT NƯỚC*, Vy Thanh đã kể lại cuộc đời của anh từ lúc 12 tuổi, vào lúc Thế Giới Chiến II tiếp diễn và mục kích cảnh người Việt bị hiếp đáp, hành hạ, chà đạp, giết chóc. Trước là bởi người ngoại quốc : Nhụt, chủ mới của Việt Nam sau khi lật đổ Pháp ; rồi đến quân đội Pháp trở lại với lính Lê Dương (Légionnaires), gốc Ả rập, gốc Phi ; rồi người Việt nhân danh độc lập và "cách mạng".

Lớn Lên VỚI ĐẤT NƯỚC gồm 10 chương, dày 753 trang, trong đó 396 trang là bản chính, 352 trang là chú thích. Tác giả đã tham khảo 208 tài liệu, một phần lớn là tài liệu của "bên kia" (cộng sản). Đó là chưa kể báo chí. Một điều đặc biệt, rất hiếm, là có một Danh mục (Index). Có thể nói rằng *Lớn Lên VỚI ĐẤT NƯỚC* là một công cụ nghiên cứu và một kho tàng vô giá cho những nhà sưu khảo về lịch sử, cùng các môn học địa lý, xã hội, tâm lý, canh nông, tôm cua cá, cây trái, của Miền Hậu Giang.

Những chuyện tai nghe, mắt thấy

Tác phẩm hết sức phong phú. Vy Thanh nói về những chuyện "đã nghe, thấy, hiểu biết về đất nước từ ngày lớn lên". Những chuyện ấy "nhiều lắm". Như đã thấy, nó chiếm 396 trang. Ở đây không thể đề cập đến hết những chuyện đó được. Độc giả nào nóng ruột muốn biết ngay Vy Thanh đã đề cập đến những gì, xin lật ngay đến những trang 393-395. Trong đó, Vy Thanh đã tóm tắt những chuyện gì anh đã đề cập đến. Ở đây chỉ có thể trích ra một vài chuyện đáng ghi nhớ.

- "Những chiếc ghe hầu của cán bộ lãnh đạo... Tôi được anh liên lạc chèo ghe cho lãnh đạo mời xuống tam bản (dành riêng cho lãnh đạo) uống cà phê sữa trong khi thủ trưởng của anh đọc leo léo... cần kiệm liêm chính cho cán bộ huyện chép về học".

- "Nửa đêm cô nữ sinh tóc mùng chạy, la hoảng trong rừng" (vì bị một ông cán bộ cấp trung ương lén mò chun vô mùng cô ta để làm chuyện đốn mặt).

- "Hơn một trăm ghe chài chở lúa đầy nhóc bị nhện chìm làm thủy khúc sông cả tháng. Những bà già ngồi bên cạnh hai cái nong đựng đầy vịt mới nở, bóc từng con ở nong này đưa lên xem rồi đặt sang nong kia... chỉ vì Ủy ban Kháng chiến - Hành chánh biểu phải bẻ cổ hết" (theo kế hoạch "nông thôn bao vây thành thị với chính sách ngoại bất nhập nội bất xuất" của các ông cán bộ trung ương phái vô không biết gì về điều kiện địa phương).

- "Chương trình tiểu học 5 năm dạy xong trong 18 tháng..., lên lớp nhứt học trò làm được toán đại số, chứng minh được những định lý hình học phẳng. Nhưng anh học trò giỏi trưởng trại ở Trường trung học kháng chiến chưa học qua hàm số $y = ax^2 + bx + c$. Cô mụ vươn học một khóa 3 tháng...đỗ bằng bác sĩ đê".

- "Ngay từ ngày đầu của Nam bộ kháng chiến "Ta" kêu gọi thầy cô giáo, sinh viên học sinh, văn nhân ký giả đóng góp cho cuộc kháng chiến thần thánh của "Ta". Sự thật đã hiển hiện như thế nào khi nhóm Đệ Tam triệt hết những người yêu nước như, xin kể một vài vị, các ông Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, v.v. Văn nhân như các cụ Phan Khôi, Phùng Cung cùng các bằng hữu đã làm gì đến nỗi bị tù đày ? Báo Nhân Văn có tội với đất nước chẳng bằng việc vác cả bộ *Das Kapital* về rồi ra lệnh cho dân Việt thờ phụng tượng niệm hằng ngày?

"Ta" dạy dân thù ghét thực dân Pháp. Nhưng thầy giáo của "Ta" dạy học trò phải tin yêu Liên Xô, thành trì xã hội chủ nghĩa. "Ta" mắng Lê Tắc cầu vinh phuong Bắc. Nhưng "bác Sáu Lê (Đức Thọ)" với y phục cổ đứng 4 túi kiểu Bắc Kinh, vào chầu "Bác" Mao trước khi tới Paris phó hội.

Cộng tác với Pháp là Việt gian, làm việc với Mỹ là Mỹ ngụy. Nhưng "Bác" Hồ sang Moscou xin Stalin viện trợ đánh Tây, "Bác" qua Bắc Kinh yêu cầu Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản Trung Quốc giúp đánh úp miền Nam là yêu nước.

"Đấy ! Ai Việt gian hơn ai ? Ai ngụy chảng thua ai ?"

Về tư tưởng, đã nói : "Ta" chảng có tư tưởng gì hết. Lạt mềm buộc chặt là phương pháp "Ta" cột cái gì đó với con người. Vợ cả, vợ hai, hai ba vợ đều... là cách giải quyết thỏa đáng từng vấn đề của "Ta". Đạo đức cách mạng là đó" (tr.393-395).

Tức lòn ruột

Tác giả Vy Thanh nói nhiều về TWC (Trung ương cục) vì rất nhiều người tham gia kháng chiến chống Pháp ở vùng Hậu Giang đã là nạn nhân của một số nhân vật của cơ quan này, và trong lúc trò chuyện với nhau đã tiết lộ cho nhau biết những gì đã xảy ra cho bản thân họ. Đoạn sau đây tóm tắt tâm trạng của họ nhân dịp bàn về hai cán bộ cao cấp của TWC.

Câu chuyện xoay quanh vấn đề các ông "lãnh tụ" ở Trung ương được gởi vào công tác ở Khu 9 - vùng Hậu Giang - đã lớn tuổi và đã có vợ rồi, nhưng vào đây lại muốn "xây dựng" với gái sở tại, trước bồng dỗ, rồi đến cách ép buộc các cô làm dưới quyền mình, và ban đêm lén vô nhà và vô mùng các cô định dở trò. Một cô tên là Thanh bị "bác Sáu" chiếu cố, một cô tên là Đào bị "ông Chín Kỳ" chiếu cố. Hai cô này làm việc tại Văn phòng "A" của Ban Tuyên huấn. Cô Thanh bị "anh Sáu" ban đêm lén vô nhà chui vô mùng, cô hô hoán lên. Cô Đào bị "ông Chín Kỳ" biếu xuống ghe tam bản với ông, rồi kéo níu cô, đè cô làm ấu. Cô ta phải phóng xuống kinh lội, leo vô nhà dân trốn, kêu cứu. Kết quả là cô Thanh bị "bác Sáu" ra lệnh đuổi khỏi văn phòng, và cô Đào bị "ông Chín Kỳ" mắng cô về tội "làm nhục cấp trung ương trước mặt dân".

Khi nói đến "bác Sáu" và "ông Chín Kỳ", Vy Thanh viết :

"Tôi cũng rõ "bác Sáu" là ai rồi. ("Bác Sáu" là Lê Đức Thọ, phó bí thư trung ương cục miền Nam, gốc Nam Định). Tôi cũng rõ Lưu Quý Kỳ là người thế nào. (Lưu Quý Kỳ là vụ trưởng Vụ tuyên truyền miền Nam, gốc Quảng Nam). Mấy đứa bạn trai cùng trưởng Nguyễn Văn Tố đã về cơ quan này trước tôi một tháng, bật đèn báo động về một số nhân vật thuộc loại vừa có râu cằm lại có nanh ở đây khi tôi vào Văn phòng "A" (thuộc trung ương cục).

Tại nó nói :

"Đây là đất trung ương cục, đọc theo từng âm cũa mẫu tự thành túc. trung ương cục là chỗ gây ra cái túc, như túc mình vì thấy quá nhiều chuyện trái tai gai mắt, túc hộc gạch vì ức lòng quá mà nói ra không được, máu trong tim muối ộc ra, túc lòn ruột vì đang đứng gặp chuyện ngược đời thành thử đầu động xuống đất cẳng chổng lên trời" (tr.290).

"Túc hộc gạch", "túc lòn ruột" là động lực thúc đẩy Vy Thanh viết *Lớn Lên Với Đất Nước*. Nó là sợi chỉ đỏ xuyên qua suốt tác phẩm này. Như anh giải thích trong "Lời nói đầu" :

"Những trang sau đây là chuyện của bốn thế hệ sống trên hữu ngạn Sông Hậu. Bắt đầu từ khi lửa chiến tranh Thế giới thứ II... Trong số chuyện có cảnh tàn ác, dã man. Tôi không vì tính ác nghiệt, vô nhân đạo ghi nhẹ đi. Vì đó là cảnh thật, động tác chính xác xảy ra trước mắt tôi lúc bấy giờ. Tôi chỉ muốn trình với người đọc những gì tôi thấy nhưng người ta muốn giấu để "thắng" người dân trong nước, để "khoe" chế độ tiến bộ trên thế giới. [...]

Tôi trích dẫn các sự kiện... nhằm giúp người đọc thấy rõ cuộc chiến giữa người trong nhà trên đất nước tôi ở góc cạnh khác, góc cạnh luôn được tô đậm là "sự thật" nhưng là "sự thật méo mó", để cùng tôi, chúng ta hỏi : Có đáng hy sinh cả triệu người - Việt, Pháp, Mỹ - cho cuộc chiến đó ? Có đáng tặng giải "Nobel Hòa bình què" năm 1973 cho hai người đã quàng khăn tang lên đầu các góa phụ và những trẻ Mỹ, Việt mồ côi cha không ? (tr. xiii).

Võ chiến khu

Lớn Lên Với Đất Nước là hồi ức của một thanh niên vùng Hậu Giang của Nam Bộ kể lại hành trình của mình từ lúc "bỏ thành vô bưng" đi kháng chiến đánh Pháp giành độc lập cho đất nước, nhưng sau một thời gian sống trong "bưng" mục kích nhiều cảnh chướng tai gai mắt, thấy mình lầm, bị cộng sản lường gạt và lợi dụng, đã rút mình ra khỏi tình trạng con chốt bị thí. Người thanh niên đó là Vy Thanh, nhưng có thể là một trong hàng ngàn hàng vạn thanh niên Nam Bộ, và có thể nói toàn quốc, đã rơi vào tình trạng đó. Nhưng khác với Vy Thanh, họ đã không gặp một số may mắn giúp họ thoát mạng lưỡi của cộng sản.

Vy Thanh lớn lên giữa lúc tình hình quốc tế và quốc nội chuyển biến dồn dập : chiến tranh Thế giới II bùng nổ, Nhật đưa quân vô Bắc Việt, rồi Nam Việt, đảo chính Pháp làm chủ Việt Nam, rồi bị Đồng Minh đánh bại ; Pháp mang quân định đặt lại chủ quyền trên Việt Nam. Sự kiện này

phát động một phong trào kháng chiến chống Pháp. Đồng thời đảng cộng sản Việt Nam đội lốt Việt Minh, nhân danh tranh đấu dành độc lập, cướp quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Rồi cựu Hoàng Bảo Đại tái xuất hiện và ký hiệp định nhận Việt Nam là thành phần Liên Hiệp Pháp, nghĩa là liên minh với Pháp chống Việt Minh, nghĩa là chống kháng chiến. Cộng sản có một đề tài tuyên truyền rất hữu hiệu.

Những năm 1945-1950 là những năm đời sống dân Nam Bộ xáo trộn. Một trong hậu quả của sự xáo trộn đó là một phần thi trường ốc đóng cửa, một phần thi tinh thần thanh niên dao động, và bị ảnh hưởng lớn của phong trào kháng chiến. Vy Thanh nhận xét :

"Tinh thần dao động của người quốc gia miền Nam được cộng sản khai thác. Thừa nước đục, Việt Minh quay thêm cho đục ngầu với nhiều màn xích động. Học trò, cô giáo nhẹ dạ, bạn hàng rong ngoài chợ, các anh xe đạp xích lô khắp các đường phố, thầy thông ông phán dễ tin trong mấy công sở ở tỉnh, hễ nghe Việt Minh xúi đi biểu tình đánh đuổi Tây thì tất cả xuống đường cái rụp" (tr.120).

Vy Thanh cũng bị phong trào này lôi kéo. Khởi tiên, anh ta chỉ đi một tháng : "vô bưng coi cho biết". Nhưng rồi, sau "vụ trò Ông", bị kích động mạnh, lại được hứa sẽ được đi Ba Lan, Ấn Độ học, anh ta xin cha mẹ cho đi "vô chiến khu" luôn. Và từ đây bắt đầu một "đời sống mới", một đời sống với tên mới, ngôn ngữ mới, sống theo tiêu chuẩn "tập thể", biết nhận "giai cấp mới" với tiêu chuẩn "tiểu táo", "đại táo". Đặc biệt là đời sống của mình do người khác quyết định. Người khác đó là "Cách mạng", nghĩa là đảng cộng sản. Và sau khi được giao công tác "những phiền phức bắt đầu" (tr.157), đặc biệt là phải "học hỏi để nắm vững đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của Đảng... nhiệm vụ bức thiết hàng đầu là học tập về chính trị, tư tưởng và tổ chức" (tr.163). Vy Thanh đã bước vào một thế mà chỉ có tới không có lui.

Trong thời gian chỉ hơn nửa năm anh Vy Thanh đã ý thức được điều trên đây. Anh biết rằng "giặc Tây trước mặt không nguy hiểm bằng kẻ thù trong hàng với mình, đứng ở sau lưng !". Anh được biết rằng nhiều chiến sĩ cộng sản hoặc quốc gia có thành công chống Pháp đã bị loại. Anh đã thấy "mặt nhám" phía sau cái huy hiệu "kháng chiến chống Pháp giành độc lập". Mặt đó "được sơn toàn màu đỏ" (tr.227).

Về "độc lập, tự do, dân chủ" anh nói :

"Tôi thấy thương dân nước tôi quá. Họ chiến đấu với Pháp giành lại độc lập, tự do, đang có cuộc sống hạnh phúc. Hạnh phúc đâu chẳng thấy, chỉ thấy bất hạnh ngay từ tháng Tám năm xưa : thằng chổng trôi lênh bềnh trên sông, người bị bắn ở sân banh, đàn ông bị mổ bụng dồn trầu, bị cho mò tóm, bị bắn sau ót, đàn bà bị hiếp, chồng vắng đang đêm ngủ bị người có quyền có chức dỡ mùng chung đại vô, trẻ con đi coi hát cũng bị lựu đạn què đò, v.v. đủ cảnh !" (tr.232).

Nhưng Vy Thanh ý thức rằng anh chỉ là "một con chốt trên bàn cờ", và "chốt chỉ có đi tới không có bước lùi !". Cho nên khi anh nghe trưởng cơ quan của anh đề cập đến

việc kết nạp vào Đảng, anh ù tai ! Anh nói : "Tôi biết được kết nạp tức là bước vào vòng kềm tỏa của họ". Anh cũng ý thức được rằng "Mình đang sống chung với hổ, báo, beo... toàn thú ăn thịt, giết thú lẩn người, không từ một ai" (tr.289). Anh thấy rõ "mình hiện đang ngồi trên lưng cọp... nếu tôi nhảy xuống dọc đường, nó sẽ nhai nát đầu tôi" (tr.304). Nhưng anh cũng quyết định rằng anh sẽ không có ngày trở về chiến khu và "bằng mọi cách, tôi sẽ không là quân cờ người trong trận thư hùng giữa họ và Tây" (tr.288).

Cần phải viết

Vy Thanh đã thực hiện được ý nguyện trên, nhờ một sự may mắn lớn, phải nói là rất hiếm có trong đời, và nhất là trong thế giới cộng sản : anh đã được một cán bộ cao cấp che chở, cất nhắc vì thấy khả năng của anh lớn. Ông này là ông "Chín Trần", bí thư Khu ủy 9, và giám đốc trưởng Đảng Khu ủy 9. Ngay từ đầu ông ta tỏ ra có cảm tình với anh Vy Thanh, và trong suốt thời gian Vy Thanh công tác trong Ban Tuyên huấn của trung ương cục, ông ấy đã bạt anh vào những chức vụ tốt, rồi đề nghị cho anh ấy về thành đi học xong tú tài, rồi lại cho đi Mỹ học.

Ý định nói ra của ông Chín Trần là chuẩn bị cho Vy Thanh thành một chuyên viên văn hóa cao, và lâm thời kết nạp anh ấy vô Đảng để làm công tác trí thức vận. Nhưng, như đã thấy, sự việc đã không xảy ra như vậy. Đó là một điều may cho anh Vy Thanh. Nhưng cũng là một điều may cho chúng ta. Nhờ anh mà nay ta biết rõ thêm được mặt thật của cộng sản ở vùng Hậu Giang thời Nam Bộ kháng chiến. Ta hy vọng rằng sẽ có người như anh Vy Thanh viết về giai đoạn đó về vùng Tiền Giang, Miền Đông Nam Bộ.

Đoạn kết thúc tác phẩm của anh Vy Thanh đã nêu được mọi người nghiền ngẫm. Anh viết :

"Tôi nghĩ, một ngày nào sẽ có nhiều cây viết ghi những dòng tương tự như tôi kể trên nhắc sự kiện đã xảy ra ở khắp nước tôi như vậy đó.

Phải có thiệt nhiều tác phẩm nói lên chuyện thật. Từng chuyện liên hệ đến một vùng trên quê hương tôi. Nhiều chuyện gom lại thành sách phản ánh, cảnh ngộ. Từ Bắc vào Nam. Của những nạn nhân cộng sản sống lây lắt từ 1930 cho đến nay. Của những người đã từng sống, đứng trong hàng ngũ kháng chiến chống Pháp. Của những gia đình đã trải qua thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Sự thật đã rõ: dân nước tôi được dẫn đi phá đường, đắp cản, đào hầm chông, chắt mót cho đầy hũ gạo chống Mỹ, v.v. trong suốt hai thời kỳ đó để rồi "Ta" cho không vùng biển đất nước, cho dời cột mốc biên giới miền Bắc về phía Nam xa hơn, đặng đèn đắp tình giao hảo như rằng với môi.

Chuyện ngắn dài không quan trọng. Điều quan trọng là đừng để chuyện thật bị vỡ trang tuyên truyền b López.

Cần phải viết, phải kể, để các thế hệ được sinh nhưng chỉ được sống rất ngắn ngủi trên đất Việt biết thế hệ ông cha mình đã bị cộng sản sát hại, sỉ nhục, tù dày đến mức nào; đã bất chấp hiểm nguy chẳng nề nạng sống bỏ tất cả lại phía sau để cho con cháu hưởng tự do" (tr.395).

Tôn Thất Thiện (Ottawa)

4. Thời Trần (1225-1400)

hay

175 năm tiếp tục phát triển văn hóa Thăng Long

Lê Văn Hảo

Nực cười chau chấu Đại Việt đá xe Mông Cổ

Thay nhà Lý, triều đại Trần tồn tại 175 năm, từ đầu thế kỷ 13 tới hết thế kỷ 14.

Cũng vào đầu thế kỷ 13, Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan) thống nhất các bộ lạc du mục Mông Cổ rồi xây dựng một đế chế rộng lớn, bành trướng bằng chiến tranh sang đế chế Ba Tư, rồi sang châu Âu, đánh chiếm nhiều nước, nô dịch nhiều dân tộc, đánh chiếm luôn cả Trung Quốc thời nhà Tống.

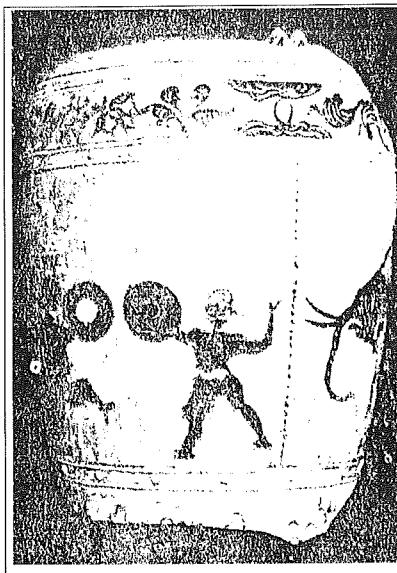
Gengis Khan lập nên triều đại nhà Nguyên, tồn tại trong bốn thế kỷ như là một nỗi kinh hoàng khiếp đảm và một đại họa đẫm máu của nhân loại đương thời, đến nỗi một nhà thơ Arménie sống ở thế kỷ 13 đã phải thốt thiết ta thán :

Không còn một dòng suối, một con sông nào
Không tràn đầy nước mắt của chúng ta
Không còn một ngọn núi, một cánh đồng nào
Không bị quân Tartar dày xéo...

Riêng Đại Việt thời Trần - một cái gai trước mắt Đại hãn Hốt Tất Liệt, vì dám chặn đường bành trướng của đế chế Mông Cổ xuống miền Đông Nam Á - đã bị vó ngựa kỵ binh Mông Cổ dày xéo đến ba lần : 1258, 1285, 1287-1288. Và cả ba lần quân Mông Cổ đã thất bại.

Để chống lại các đội quân khét tiếng thiện chiến và hung ác ấy, nhà Trần đã xây dựng được một quân đội hùng mạnh với nhiều tướng tài (đứng đầu là Trần Quốc Tuấn), nhiều vua giỏi (Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông). Tại hội nghị Bình Than, vua và các vương hầu đã nêu cao quyết tâm "sát Thát" (diệt Mông Cổ). Rồi tại hội nghị Diên Hồng (1285) đồng đảo các bộ lão Đại Việt, đại diện cho toàn dân đã đồng thanh hô "Quyết đánh !".

Thế là từ 1258 đến 1288 quân và dân nhà Trần (kể cả các sắc tộc ít người vùng rừng núi) đã làm nênhững Bình Lệ Nguyên, Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Vân Đồn, và nhất là đại thắng Bạch Đằng, làm cho quân đội Mông Cổ hoàn toàn tan tác, và hầu hết các tướng chỉ huy (Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ Ngọc...) đều bị bắt



Chiến sĩ Đại Việt trên gốm Trần

sống.

Sông Bạch Đằng đã đi vào thơ văn Việt Nam như một hình tượng bất tử. Dân gian thì chỉ nói đơn giản bằng ca dao :

"Nực cười chau chấu đá xe
Tưởng chau chấu ngã ai đè xe nghênh"

Còn Trần Quang Khải, một trong những anh hùng thắng Mông Cổ, sau đại thắng Bạch Đằng cũng chỉ có mấy lời thơ bình dị :

"Chương Dương cướp giáo giặc
Hàm Tử bắt quân thù
Thái bình nên gắng sức
Non nước vững muôn thu".

Năm địa danh của một thời kỳ quang vinh

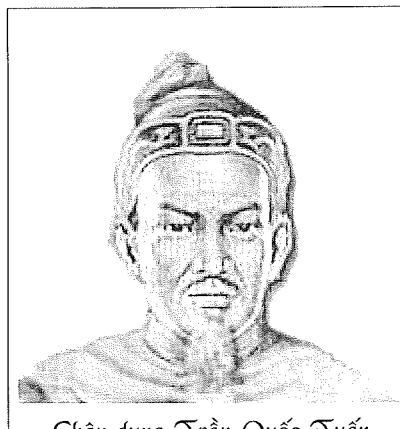
Nói tới thời Trần, trong ký ức tập thể Việt Nam vẫn vang 5 địa danh : Tức Mặc, Côn Sơn, Kiếp Bạc, Quỳnh Lâm, Yên Tử.

Tức Mặc là quê hương gốc của các vua Trần, xưa gọi là hương Tức Mặc, được nhà Trần tôn lên thành phủ Thiên Trường vì đây là một trung tâm chính trị và văn hóa quan trọng trong ngót hai thế kỷ. Nơi đây, nhiều cung điện đã được dựng lên : cung Trùng Quang, Trùng Hoa, cung Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, v.v. làm cho Thiên Trường lộng lẫy đến nỗi Trần Thánh Tông (trị vì 1258-1278) đã phải ngợi ca : "Trong 12 cõi tiên thì chốn này là cõi thứ nhất".

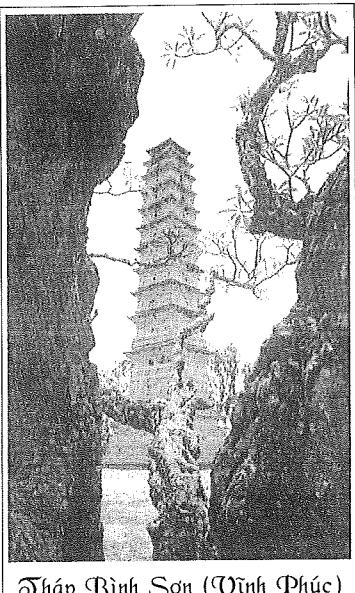
Làng Tức Mặc ngày nay cách thành phố Nam Định 3 km, chỉ còn giữ được một ít dấu tích thời Trần và một vài di tích lịch sử - văn hóa : chùa Phổ Minh với 96 chân cột đá tảng chạm hoa sen, hai đôi rồng đá, và đặc biệt còn nguyên vẹn là tháp Phổ Minh (1305). Gần chùa có đền Trần, gồm hai ngôi đền Thiên Trường và Cổ Trạch thờ 14 vị vua Trần và Trần Quốc Tuấn (đại vương Hưng Đạo).

Địa danh thứ hai là Côn Sơn, một trong ba trung tâm Phật giáo lớn thời Trần (cùng với Quỳnh Lâm và Yên Tử), đã từng tiếp đón ba vị tổ sáng lập phái thiền Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang.

Địa danh thứ ba là Kiếp Bạc (còn gọi là Vạn Kiếp), có đền lớn xây trên phần đất làng Kiếp và làng Bạc, nay thuộc



Chân dung Trần Quốc Tuấn
Hưng Đạo Đại Vương



Tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc)

tỉnh Hải Dương. Gần đền có hai chùa thờ Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng và các tướng lãnh khác của Trần Quốc Tuấn.

Địa danh thứ tư là *Quỳnh Lâm* với một chùa lớn có từ thời Lý, được mở rộng ở thời Trần, là nơi thiền sư Pháp Loa đã đến trụ trì và xây thêm viện Quỳnh Lâm (1329). Chùa và viện đã trở thành đệ nhất danh lam cổ tích của Đại Việt, nơi tàng trữ kinh, thuyết pháp và đào tạo sư sãi.

Địa danh thứ

năm là *Yên Tử* mà ca dao đã đề cao : "Trăm năm tích đức tu hành

Chùa đi Yên Tử chưa thành quả tu".

Đây là một hệ thống chùa tháp cổ kính gắn với sự sáng tạo phái thiền Trúc Lâm đặc sắc Việt Nam. Từ chân núi đến đỉnh núi (cao 1068 m) có gần 20 di tích, kể cả tượng tổ Trúc Lâm thứ nhất Trần Nhân Tông. Trong lịch sử Phật giáo cũng như trong lịch sử văn hóa Việt Nam có lẽ không có một khu di tích nào vừa hùng vĩ vừa trữ tình như nết thơ mà lại đầy khí vị linh thiêng như Yên Tử, với một hội chùa kéo dài từ mồng 9 tháng Giêng đến hết tháng Ba, rộn ràng và nồng nhiệt hơn cả hội Chùa Hương, lôi cuốn được nhiều vạn tín đồ và du khách.

Một hội lễ lớn vinh danh Đức Thánh Trần

Bên cạnh nhiều hội lễ liên quan đến thời Trần có lẽ không có sinh hoạt tôn giáo nào nổi đình nổi đám bằng hội Đền Kiếp Bạc. Khu đền nằm trong một thung lũng trù phú của châu thổ sông Hồng, chung quanh có dãy núi Rồng bao bọc, tạo cho Kiếp Bạc một vẻ đẹp vừa kín đáo thơ mộng lại vừa tràn đầy khí vị hùng tráng của một thời hiến hách.

Vào thế kỷ 13, Kiếp Bạc vốn là nơi đặt tổng hành dinh và phủ đệ của Trần Hưng Đạo, vị tổng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Mông Cổ. Sau khi mất (1300), ông được nhân dân tôn lên là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi khắp miền Bắc tới tận Sài Gòn.

Trẩy hội Đền Kiếp Bạc để tưởng nhớ và vinh danh Đức Thánh Trần là một tập quán tốt đẹp của dân gian từ nhiều thế kỷ qua. Tuy ngày 20 tháng Tám âm lịch mới là chính hội nhưng

từ mồng 10 vố số khách thập phương đã kìn kìn kéo tới Kiếp Bạc băng đường bộ và đường thủy, kể cả bà con các sắc tộc ít người ở miền núi miền biển, từ Hòa Bình tới Quảng Ninh. Ngày xưa tới dự hội người ta thích lên đồng hâu bóng vì cho là Đức Thánh Trần rất linh thiêng, cầu chi được nấy. Ngày nay đồng đảo người đến dự hội là để vãn cảnh, tưởng niệm, dâng hương, tế, rước và chiêm ngưỡng các pho tượng đẹp quý thờ trong đền.

Dám rước của hội đền với các đội múa rồng múa lân, các đoàn thuyền rồng trang hoàng rực rỡ là một đám rước hoành tráng giữa tiếng pháo nổ, tiếng loa vang, tiếng chiêng trống tù và âm vang trên một chặng đường thủy bộ dài hơn 2 km.

Mỹ thuật thời Trần, một nét son của mỹ thuật Việt Nam

Sau thời Lý, hai thế kỷ 13-14 đã chứng kiến sự phát triển của mỹ thuật thời Trần. Bất chấp những tàn phá của khí hậu và của chiến tranh vẫn còn tồn tại một vài công trình có giá trị lớn.

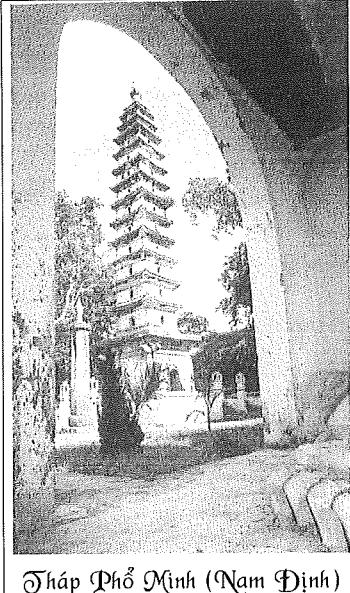
Tháp Bình Sơn (tháp Then) ở Phú Thọ gồm 11 tầng, cao 15 m, xây toàn bằng đất nung. Toàn bộ mặt ngoài tháp được phủ kín các hình trang trí : rồng, sư tử, hoa sen, lá đề.

Tháp Phổ Minh ở Nam Định, gồm 14 tầng, cao đến 21 m. Tầng dưới xây đá, các tầng trên xây gạch nung, đơn giản mà thanh thoát, là nơi cất giữ xá lợi của tổ thứ nhất phái thiền Trúc Lâm Trần Nhân Tông.

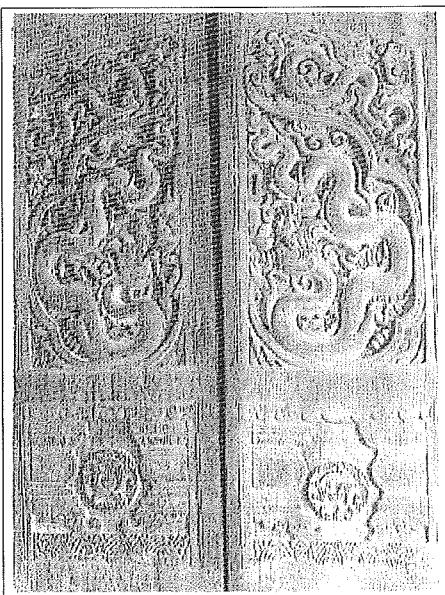
Vài ngôi chùa thời Trần còn giữ lại được là chùa Phổ Minh, chùa Bối Khê (Hà Tây) và nhất là chùa Thái Lạc (Hải Dương) với những mảng chạm khắc gỗ tuyệt tác : những nhạc công đánh đàn, tiên nữ dâng hoa, nữ thần nửa người nửa chim (*kinnari*) giữa rồng bay phượng múa...

Bên cạnh các tháp và chùa, phải nhắc tới khu lăng tẩm các vua Trần (Quảng Ninh), lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình), với một số tượng thú đẹp, nổi tiếng là tượng cọp dài 1,40 m tạc từ một khối đá tinh lạng nhưng tiềm tàng sức mạnh.

Đồ gốm thời Trần, điển hình là gốm hoa nâu, cũng đáng chú ý vì những thành tựu của nó, là những sản phẩm có kích thước lớn như chậu, tháp,



Tháp Phổ Minh (Nam Định)



Rồng Trần chạm gỗ chùa Thái Lạc

liêng, vò, chân đèn, lư hương... Nhờ các sản phẩm ấy mà chúng ta thấy được voi, cọp, chim, tôm, cá, bông sen, bông cúc... và cả hình tượng hiên ngang của chiến binh thời Trần đã làm cho các đội quân Mông Cổ thiện chiến lắm phen thất điên bát đảo !

Khoa học, văn học và tôn giáo thời Trần

Hơn hẳn thời Lý, khoa học nhân văn thời Trần đã có những thành tựu đáng khen ngợi.

Đặng Lộ (không rõ năm sinh, năm mất) là một nhà thiên văn và lịch pháp học đã chế tạo được dụng cụ khí tượng học *lung linh nghi*, được *Đại Việt sử ký toàn thư* nhắc tới như là một khí cụ dùng để "khảo nghiệm các hiện tượng thiên văn, không việc gì là không đúng".

Cùng với *Đặng Lộ*, *Trần Nguyên Đán* (1326-1390) cũng là một nhà thiên văn và lịch pháp học có tiếng ở thời Trần. Tuy giữ chức đại phu ở đài ngự sử nhưng ông lại say mê tìm hiểu thiên văn và lịch pháp, rồi biên soạn cuốn *Bách thể thông kỷ thư* với một cách nhìn thiên nhiên, vũ trụ và thời gian theo chiều hướng khoa học chứ không bằng cảm tính.

Về y học, danh nho *Chu Văn An* (1292-1370), nhà thơ kiêm nhà giáo, đã có một đóng góp quan trọng là cuốn *Y học yếu giải tập chú di biên*, có lẽ là công trình đầu tiên về y học ra đời trên đất nước ta.

Hai lãnh vực mà thời Trần đã có những đóng góp xuất sắc nhất là quân sự học và sử học.

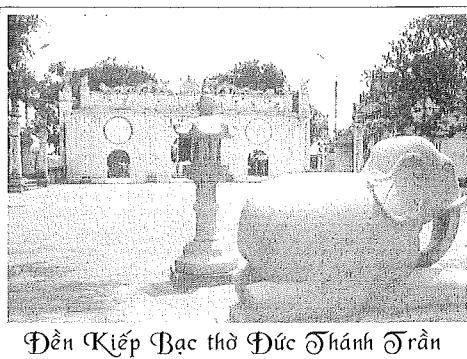
Trần Quốc Tuấn (1232-1300) vừa là anh hùng dân tộc lỗi lạc vừa là nhà văn lớn, tác giả *Hịch tướng sĩ văn*, kiêm nhà khoa học quân sự lớn, đã viết *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*, còn gọi là *Bát quái cửu cung đồ*, với một lời tựa của danh tướng Trần Khánh Dư.

Những công trình sử học quý báu có tính chất tiên phong ở thời Trần là :

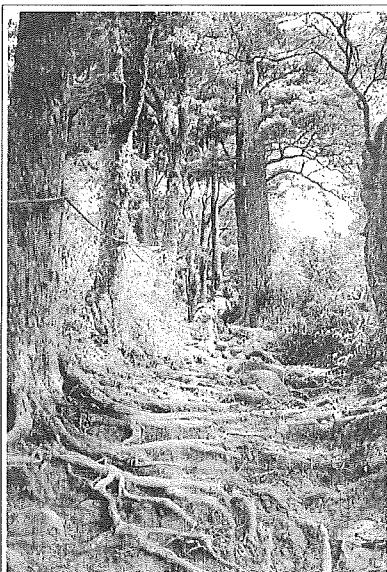
- *Đại Việt sử lược*, cuốn sử biên niên (viết bằng chữ Hán) của một tác gia khuyết danh chép từ Triệu Đà đến hết thời Lý là bộ sử xưa nhất còn lưu truyền đến nay ;

- *Đại Việt sử ký* là tên gọi hai bộ quốc sử của Lê Văn Hưu thời Trần và Phan Phu Tiên thời Lê. Tuy cuốn của Lê Văn Hưu đã thất truyền nhưng những lời bình của ông vẫn được các sử gia đời sau trân trọng giữ lại.

- *An Nam chí lược* của Lê Tắc ghi chép về lịch sử, địa lý, phong tục và một số sự kiện văn hóa từ đầu đến



Đền Kiếp Bạc thờ Đức Thánh Trần



Đường tung lên Yên Tử



Trẩy hội chùa Yên Tử (Quảng Ninh)

cuối thời Trần. Đây là sưu tập vào loại sớm nhất của ngành Việt học có giá trị văn hóa học.

Nói tới văn học thời Trần trước hết phải nhấn mạnh tới sự xuất hiện của chữ Nôm, được tạo ra theo nguyên tắc và trên cơ sở chữ Hán, nhưng ghi được tiếng nói của người Việt và đã được dùng ngay để sáng tác văn học. Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố, Trần Nhân Tông, Chu Văn An... là những

tác giả đầu tiên đã làm thơ phú bằng chữ Nôm, đặt cở sở cho nền văn học tiếng Việt.

Sau thời Lý, văn học chữ Hán thời Trần tiếp tục phát triển mạnh mẽ với nhiều chục tác giả, tiêu biểu nhất là *Trần Quốc Tuấn*, *Trần Nhân Tông*, *Trần Quang Khải*, *Trương Hán Siêu*, *Nguyễn Trung Ngạn*, *Phạm Sư Mạnh*, *Mạc Đĩnh Chi*... tiêu biểu cho dòng văn học yêu nước tràn trề khí phách anh hùng.

Bảy thế kỷ đã trôi qua nhưng lòng ta vẫn dạt dào xúc động khi đọc lại những lời văn lời thơ tuyệt vời trong *hịch Tướng sĩ*, *phú Bạch Đằng giang*, *phú Hoa Sen Giếng Ngọc*, *thơ Ngắm cảnh chiều ở Thiên Trường*, *thơ Qua Vạn Kiếp*, *thơ Núi Dực Thúy*... Hãy nêu lên một ví dụ sáng giá, đây tự hào :

Sông Bạch Đằng
thơ Nguyễn Sưỡng
(tạm dịch)

Mồ chôn quân thù cao như núi, cây cỏ xanh tươi

Nước triều ngoài biển ầm ầm, đá núi lõm chõm

Mấy ai biết sự nghiệp muôn thuở đời Trung Hưng
Một nửa nhờ sông núi, một nửa do con người

Đứng về mặt tâm linh, thời Trần đã có một sáng tạo mới mẻ đó là phái thiền Trúc Lâm, do Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huynh Quang lập ra.

Thiền, gọi đầy đủ là *thiền na* (tịnh tâm để suy nghĩ) là một dòng tư tưởng lớn của Phật giáo. Người tu thiền nhắm mục đích định tâm, dùng phương tiện thở và chế ngự hơi thở để tâm trở nên tĩnh táo, cảm thấy yên vui, từ đó đi sâu vào tư duy, không còn nghi hoặc, oán giận, hối tiếc hay bị phân tán, để hiểu cho được các chân lý chủ đạo như thế nào là *khổ*, *vô thường*, *vô ngã*, *trầm luân*, *niết bàn*...

Với phái thiền Trúc Lâm, người tu thiền không dựa trên kinh kệ, truyền dạy không theo giáo lý, đi thẳng vào tâm con người, thấy cho được tính Phật mà giác ngộ. Nói tóm lại phải đạt tới chân lý : "*Phật tại tâm*", "*Phật ấy là lòng*".

Phái thiền Trúc Lâm đã làm



Đượng vua Trần Nhân Tông
thờ trên núi Yên Tử

một công chúa vĩ đại

Nói tới danh nhân thời Trần, trước hết phải nhắc tới những danh tướng đã ba lần quét sạch quân xâm lược Mông Cổ ra khỏi bờ cõi Đại Việt, đó là những Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản... và không thể quên hai gia nô Yết Kiêu và Dã Tượng rất trung tín với đại vương Hưng Đạo, đã được vị tổng tư lệnh đề cao với lời lẽ như sau : "Chim hồng, chim hộc bay được là nhở vào sáu trụ xương cánh, nếu không cũng chỉ là chim thường".

Danh tướng lối lạc nhất trong các danh tướng là Trần Hưng Đạo, vị đại vương cả một đời vì dân vì nước, đã viết nên kiệt tác *hịch Tướng sĩ* góp phần nâng cao tinh thần quyết đánh quyết thắng của toàn dân Đại Việt. Năm 1300 khi ông đau nặng, Trần Anh Tông tới thăm và hỏi kế giữ nước, nhà tư tưởng Trần Hưng Đạo đã có câu nói vô cùng sâu sắc :

"...Vì vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước góp sức nên giặc đã bại. Nên khoan thư sức dân để làm kế lâu bền gốc đó là thượng sách giữ nước".

Nhà Trần có nhiều tướng giỏi lại lắm vua hiền.

- Trần Thái Tông (1218-1277), vị vua đầu tiên của nhà Trần đã từng trực tiếp xông pha trận mạc. Sau chiến thắng đã nhường ngôi cho con là Trần Thánh Tông để làm thơ và nghiên cứu Phật giáo rồi viết ra *Thái hư lục* và *Thiền tông chỉ nam*. Qua thơ văn ông, người đời sau thấy được tâm sự một vị vua khoan hậu, tuy chưa hề xuất gia nhưng vẫn tha thiết với Phật pháp và mơ ước một cuộc sống thanh tịnh, an nhiên, coi thường quyền lực và phú quý.

- Trần Thánh Tông (1240-1290), con của Thái Tông. Hai cha con đã triệu tập hội nghị Diên Hồng phát động được lòng yêu

cho tôn giáo và văn hóa Việt Nam phong phú thêm nhờ một số tác phẩm bất hủ : *Khóa hư lục*, *Tam tổ thực lục*, *Thượng sĩ ngũ lục*, *Thuyền uyển tập anh ngũ lục*...

Danh nhân thời Trần : nhiều tướng giỏi, vua hiền, trí thức lớn và

nước của toàn dân. Vừa thích nghiên cứu đạo Phật vừa giỏi văn học và biết tôn trọng hiền tài, Thánh Tông đã để lại cho đời sau một số bài thơ hay ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên bằng lời lẽ đậm bậc trang nhã và lạc quan.

- Trần Nhân Tông (1258-1308), con của Thánh Tông, có lẽ là vị vua lối lạc nhất của thời Trần. Cùng vua cha và các

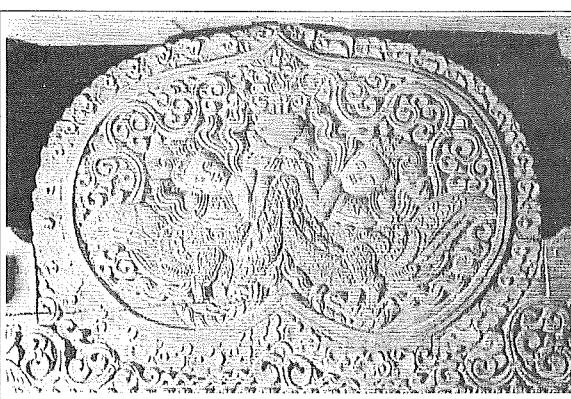
tướng lãnh kiệt xuất, đứng đầu là Trần Quốc Tuấn, ông đã tham gia tổ chức toàn dân kháng chiến và hai lần đánh thắng giặc Mông Cổ. Gần 60 tuổi, ông lên Yên Tử tu hành, toàn tâm toàn ý nghiên cứu thiền học và lập phái thiền Trúc Lâm với tư cách là vị tổ thứ nhất. Các tập sách thiền ông viết và các tập thơ ông làm hầu hết đã mất, nhưng thật may mắn là vẫn còn bài phú Nôm : *Ở giữa cõi trần vui đạo*, và 25 bài thơ tả ngày xuân, ánh trăng, cảnh đồng lúc chiều hôm... cho ta thấy một tâm hồn nghệ sĩ tuy đã tu hành nhưng vẫn không khước từ hơi ấm của cuộc đời và niềm vui sống đậm đà mà rất mực thanh khiết.

Giữa các danh nhân thời Trần có một người phụ nữ rất đáng được đề cao, đó là Huyền Trân. Cho đến nay vẫn chưa được biết năm sinh năm mất của bà công chúa này. Chỉ biết rằng vào năm 1306, tuân lệnh vua cha (Nhân Tông) và vua anh (Anh Tông), bà đã sang Champa kết hôn với vua Jaya Simhavarman III (Chế Mân) và trở thành hoàng hậu Paramevan. Năm sau vua Champa mất, triều Trần cử thượng thư tá bộc xạ Trần Khắc Chung sang Champa đón bà về Đại Việt.

Với thời gian, hình tượng Huyền Trân hiện lên lồng lộng trong văn hóa dân gian, âm nhạc và văn học Việt Nam. Nhờ sự hy sinh cao cả của bà, muôn thay thế bạo lực

và chiến tranh bằng hòa bình và hữu nghị giữa hai dân tộc, nên đã có được một đàm cưới vương giả tốt đẹp mà sính lễ là dải đất dài rộng từ nam Quảng Trị tới bắc Quảng Nam, kể cả ngọn đèo chiến lược là Hải Vân, thì xét ra công lao của Trần Huyền Trân đối với tổ quốc cũng xứng đáng cho phép chúng ta gọi bà là một công chúa Việt Nam vĩ đại.

Lê Văn Hảo (Paris)



Điên nữ dáng hoa - Chạm gỗ chùa Thái Ağc



Chân dung Huyền Trân, công chúa thời Trần (thế kỷ 13-14)

Mỹ gặp khó khăn tại IRAQ & AFGHANISTAN

Tổng thống Bush tuyên bố ông "bắn khoan" vì những vụ thảm sát tại Iraq, trong đó quân đội Mỹ bị tố cáo là thủ phạm. Trong một vụ thảm sát, quân đội Mỹ bị tố cáo là đã giết 15 thường dân, trong đó có 5 trẻ em ; hình ảnh 5 trẻ em bị giết được đưa lên nhiều đài truyền hình trên khắp thế giới, đặc biệt tại Mỹ. Một ủy ban điều tra Mỹ sau đó đã kết luận là quân đội Mỹ đã chỉ phản công sau khi bị loạn quân bắn ra từ căn nhà trong đó có các nạn nhân. Những hình ảnh này do một lực lượng chống đối đưa ra. Trong một vụ khác, một số quân nhân Mỹ đã bị bắt giam chờ giải tòa vị bị tố cáo là đã xông vào một nhà bắt một người tình nghi là loạn quân, sau đó hạ sát người này và dàn cảnh như là người này đang đặt mìn. Các vụ khủng bố gia tăng tại Iraq và lần này có nhiều giả thuyết cho rằng chính lực lượng thân Mỹ là thủ phạm, vì nhiều vụ khủng bố xảy ra tại các khu người Hồi giáo Sunni, thường được coi là chống Mỹ. Nếu giả thuyết này đúng thì điều mà Mỹ sợ nhất đã xảy ra, đó là cuộc nội chiến giữa hai phe Hồi giáo Sunni (20% dân số Iraq, đa số chống Mỹ) và phe Hồi giáo Shia (65%, đa số ủng hộ việc Hoa Kỳ tấn công triệt hạ chế độ Saddam Hussein).

Tại Afghanistan, Hoa Kỳ và đồng minh cũng đang gặp khó khăn. Quân phiến loạn Taliban đang gia tăng hoạt động. Trong hai tuần lễ cuối tháng 5-2006 đã có khoảng 500 người bị thiệt mạng trong những cuộc giao chiến, đa số là loạn quân Taliban. Khác với Iraq, quân đồng minh tại Afghanistan, khoảng 30.000 người, không phải chỉ chủ yếu là quân đội Mỹ mà gồm nhiều quốc gia khác, chiến đấu dưới màu cờ Liên Hiệp Quốc, trong đó Pháp đóng một vai trò rất quan trọng. Pháp không ủng hộ cuộc tấn công vào Iraq nhưng lại rất tích cực tại Afghanistan.

CHÂU MỸ LA TINH ĐỔI HƯỚNG ĐI ?

Liên tục trong một năm qua, ba chính đảng cánh tả đã cản và lén cầm quyền tại Argentina, Uruguay và Bolivia. "Cánh tả" ở châu Mỹ La Tinh được hiểu là chống Mỹ, chống các công ty có vốn đầu tư nước ngoài và thân với Cuba và Venezuela, hai nước chống Mỹ kịch liệt. Chính quyền Lula da Silva tại Brazil một thời cũng được coi là thuộc cánh tả nhưng dần dần đã tỏ ra rất thân Mỹ.

Người ta nói tới một chuyển động về phía tả tại Nam Mỹ, nhưng hiện nay khuynh hướng này có vẻ đang bị đảo ngược. Hai ứng cử viên tổng thống Ollanta Humala (Peru) và Lopez Obrador (Mexico) đang dẫn đầu trong các cuộc tranh cử bổng dung tuột dốc thảm và chắc chắn sẽ bị đánh bại. Lý do là họ được tổng thống Hugo Chavez của Venezuela ủng hộ một cách lộ liễu. Cách hay nhất để bị

thất cử tại Nam Mỹ là được coi thuộc về cánh tả và nhất là được tổng thống Hugo Chavez của Venezuela yểm trợ. Cử tri các nước châu Mỹ La Tinh đang giật mình trước những sa sút về mức sống tại các nước vừa có những chính quyền chống Mỹ.

Các nước châu Mỹ La Tinh nói chung vẫn chưa hẳn là những nước dân chủ ổn vững dù có bầu cử tự do. Lý do chính có lẽ là vì các nước này đều theo một chế độ chính trị lôi thôi : chế độ tổng thống.

Theo chế độ này, người ta bầu cho một cá nhân thay vì cho một đảng, hậu quả là các chính đảng thường rất yếu do đó không có những đảng viên kỳ cựu, có lý tưởng và kinh nghiệm chính trị. Thay vào đó, chỉ có những cá nhân có sức thu hút và dùng tuyên truyền mị dân để đắc cử tổng thống, dù không có thực tài. Những người này quản lý đất nước một cách tài tử, gây thất vọng cho cử tri đối với sinh hoạt chính trị, và tình trạng bất ổn cứ tiếp tục.

QUÂN HỒI GIÁO QUÁ KHÍCH làm chủ thủ đô Somalia

Ngày 5-6-2006, quân Hồi giáo đã chiếm được thủ đô Mogadishu của Somalia sau hơn hai tháng giao tranh.

Somalia là một nước với khoảng 8 triệu dân thuộc Đông châu Phi, giáp với vịnh Aden, trước đây là thuộc địa của Anh và được trả độc lập năm 1960. Năm 1969, tướng Said Barre đảo chính nắm chính quyền, tuyên bố thành lập nước Dân Chủ Cộng Hòa Somalia theo chủ nghĩa xã hội. Chính sách độc tài của Barre đã làm Somalia phá sản. Loạn lạc nỗi lên khắp nơi và Barre phải bỏ chạy năm 1991, từ đó Somalia không còn chính quyền, nhiều tinh túyên bối rối lập, thủ đô Mogadishu bị chia làm nhiều khu do nhiều lực lượng đối nghịch nhau chiếm đóng. Kể từ năm 1995 Somalia bị Liên Hiệp Quốc coi là một nước không có chính quyền.

Việc phe Hồi giáo toàn nguyên chiếm được thủ đô, tuy chưa làm chủ được nước Somalia đã tan rã, được nhìn như một thất bại của Hoa Kỳ. Các quan sát viên đều đồng ý rằng Hoa Kỳ đã giúp cho các sứ quân để ngăn chặn phe Hồi giáo quá khích cầm quyền, một điều mà Hoa Kỳ không nhận nhưng cũng chối cãi một cách yếu ớt.

NHÀ NƯỚC PHÁP BỊ KẾT ÁN tội ác đối với loài người

Số tiền tuy nhỏ, 73.000 EUR, nhưng đầy ý nghĩa : nhà nước Pháp và công ty đường sắt (SNCF) Pháp bị kết án phạm tội ác đối với loài người.

Khởi đầu là một công dân Pháp gốc Do Thái, ông Georges Lipietz, từng bị giam cầm trong các trại tập trung quốc xã Đức dành cho người Do Thái trong thế chiến 2, làm đơn khởi tố nhà nước Pháp hồi đó (do thống chế Pétain

BẮC TRIỀU TIÊN sân sau của Trung Quốc ?

đứng đầu) đã tiếp tay với chế độ quốc xã Đức của Hitler trong việc bách hại ông. Ông cũng kiện công ty đường sắt Pháp đã tiếp tay với quốc xã Đức bằng cách cung cấp phương tiện chuyên chở. Vụ kiện kéo dài từ năm 1977. Nhà nước Pháp bào chữa rằng họ không phải là sự tiếp nối của chế độ Pétain hồi đó, trái lại họ đã đánh đổ Pétain và đem ra xét xử (thống chế Pétain bị kết án tử hình nhưng vì là một anh hùng của Pháp trong thế chiến I nên được ân xá thành tù chung thân ; thủ tướng của Pétain là Laval bị đem xử bắn sau khi nước Pháp được giải phóng). Công ty Đường Sắt Pháp thì bào chữa rằng họ bị bắt buộc, nếu không tuân hành thì những người lãnh đạo công ty sẽ bị quân Đức xử bắn.

Cuối cùng thì tòa án đã tuyên án kết tội của nhà nước Pháp nhân danh sự liên tục của nhà nước và công ty đường sắt. Đây là trường hợp đặc biệt trong đó một nhà nước dân chủ bị chính công lý của mình kết án. Sự kiện này chứng tỏ rằng sự phân quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp vẫn còn là một nguyên tắc nền tảng dân chủ, dù thể hiện rõ rệt trong những trường hợp rất đặc biệt.

KHỐI D8 hợp tại Đông Nam Á

Ngày 10-5-2006, tổng thống Iran, ông Mahmoud Ahmadinejad đã đến Jakarta, thủ đô Indonesia, tham dự hội nghị hàng năm của Khối D8 (8 nước Hồi giáo đông dân và đang phát triển : Bangladesh, Egypt, Iran, Malaysia, Indonesia, Nigeria, Pakistan, Turkey với gần 800 triệu dân), tổ chức tại đảo Bali ngày 13-5-2006.

Khối D8 được thành lập năm 1997 tại Istanbul do cựu thủ tướng Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ, ông Necmettin Erbakan, khởi xướng, như là một đối trọng với Nhóm G8 (qui 8 quốc gia giàu có nhất thế giới). Đây là một hợp tác kinh tế và thương mại giữa 8 quốc gia Hồi giáo đang phát triển. Các quốc gia thành viên cam kết giúp đỡ lẫn nhau trên các vấn đề quốc tế về truyền thông, công nghiệp, vận chuyển, công nghiệp tinh tiến và đầu tư. Mục đích chính trị của kết hợp này là làm dầu tàu lôi kéo các quốc gia Hồi giáo khác ra khỏi sự nghèo khó bằng cách áp dụng những kỹ thuật của thế giới phương Tây.

Sự hiện diện của tổng thống Iran tại hội nghị lần này nhằm vận động sự ủng hộ của các quốc gia thành viên D8, như đã tranh thủ được sự ủng hộ của Nga và Trung Quốc, chống lại áp lực của các cường quốc phương Tây không cho Iran khai triển vũ khí nguyên tử. Nhưng vì Indonesia có nhiều quan hệ gắn bó với các quốc gia phương Tây, tổng thống Susilo Bambang Yudhoyono đã từ chối thảo luận về vấn đề nguyên tử của Iran và tuyên bố sẵn sàng đứng ra làm trung gian giải quyết căng thẳng giữa Iran và phương Tây. Giới quan sát quốc tế đang quan tâm đến hiện tượng kết hợp và vận động mới của khối Hồi giáo này.

Indonesia là quốc gia lớn nhất và đông dân nhất trong thế giới Hồi giáo, với 1.904.400 km² và hơn 215 triệu dân, do đó rất được các khuynh hướng Hồi giáo chú ý.

Trong năm 2005, trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và Bắc Triều Tiên đã lên 1,58 tỷ USD. Con số này cao hơn trọng lượng trao đổi thương mại với Nam Hàn gấp ba lần (500 triệu USD) mặc dù Hán Thành (Seoul) đã làm rất nhiều cố gắng giúp người anh em phương Bắc này đi lên.

Trong ba năm qua, tỷ lệ trao đổi giữa Trung Quốc và Bắc Triều Tiên tăng đều 30% mỗi năm và giới tư bản Trung Quốc vào Bắc Triều Tiên thăm dò thị trường cũng tăng đều như vậy. Hiện nay 85% nguồn thực phẩm và hàng tiêu dùng đại chúng tại Bắc Triều Tiên hiện nay được nhập từ Trung Quốc, 87% nguồn năng lượng của Bắc Triều Tiên (nhất là dầu thô) cũng dựa vào Trung Quốc.

Để trả nợ, Bình Nhưỡng (Pyongyang) đã tháo khoán cho các công ty Trung Quốc quyền khai thác nguồn tài nguyên phong phú và giá dưới đất, các cơ xưởng sản xuất và toàn bộ thị trường tiêu thụ (các cửa hàng bách hóa) và dịch vụ (khách sạn, giải trí) của Bắc Triều Tiên.

Chính sách mà Bắc Kinh nhắm đến tại Bắc Triều Tiên là thời kỳ hậu Kim Chính Nhật. Đối với dân chúng Trung Quốc, Bắc Triều Tiên hiện nay là "tỉnh Cao Ly" thuộc vùng Đông Bắc Trung Quốc, tức là "tỉnh thứ 4" cùng với ba tỉnh khác : Liêu Ninh, Khiết Lan và Hắc Long Giang. Không ai muốn thấy Bắc Triều Tiên ngày càng bị cô lập với thế giới bên ngoài như Bắc Kinh, vì càng bị cô lập Bắc Triều Tiên càng lệ thuộc vào Trung Quốc. Sự thật này đang làm Nam Hàn lo sợ; không người Nam Hàn nào muốn thấy Bắc Triều Tiên trở thành "thuộc địa" hay "sân sau" của Trung Quốc, những cố gắng thống nhất đất nước trong hòa bình sẽ càng lâu dài và tốn kém hơn.

Có lẽ giới lãnh đạo tại Bình Nhưỡng cũng thấy nguy cơ "bị nuốt chửng" này nên đã bằng mọi cách lôi kéo Hoa Kỳ và Nam Hàn vào cuộc để được giúp đỡ, nhưng thay vì bằng những quan hệ bình thường Bình Nhưỡng chọn phương pháp bắt chẹt ("chantage") bằng vũ khí hạt nhân.

Vì không muốn thấy lanh thổ phía Bắc lọt vào tay Trung Quốc một cách dễ dàng, chính quyền Nam Hàn đã khuyến khích giới tư bản vào Bắc Triều Tiên tìm cơ hội đầu tư vào các ngành khai thác khoáng sản như người Trung Quốc. Nếu sức mạnh kinh tế của Nam Hàn kết hợp với nguồn lao động cần cù của Bắc Hàn thì một nước Cao Ly thống nhất (Choson) sẽ rất hùng mạnh. Ngày 15-6-2006 sắp tới đây hai nước Cao Ly sẽ cùng nhau tổ chức trọng thể kỷ niệm 6 năm Tuyên ngôn chung về ước muốn thống nhất hai miền Nam Bắc.

ĐỨC TRONG TƯ THẾ SẴN SÀNG đón những "quý khách"

Giải vô địch bóng đá thế giới bắt đầu ngày 9-6 và sẽ kéo dài một tháng. Ưu tư lớn nhất của Đức không phải là đoạt giải (Đức hầu như không có hy vọng nào) mà là để đương đầu với bọn khủng bố và nhất là bọn côn đồ

(hooligan) trong các đám ủng hộ viên. Cảnh sát Đức đã được thao dợt từ một năm nay các võ thuật cận chiến để đương đầu với bọn hooligan này. Đức cũng đã xây sẵn các nhà tù, mỗi căn phòng chứa 80 người, để giam giữ các "quý khách" này trước khi trục xuất. Mỗi sân bóng đá được trang bị hàng rào kính thu hình để theo dõi và một lực lượng cảnh sát đặc biệt luôn sẵn sàng để đối phó với mọi tình huống. Trong phòng kiểm soát, nhiều chuyên gia về tâm lý đám đông liên tục theo dõi các chuyển động để dự báo những biến cố, nhiều chuyên gia về điện mạo cũng chăm chú theo dõi khán giả để nhận diện và phát hiện những phần tử côn đồ đã có thành tích bất hảo từ trước. Cảnh sát Đức có hồ sơ của hơn 9.000 thanh niên Đức được liệt vào loại hooligan, phần lớn là thành phần cực hữu và kỳ thị chủng tộc. Đám khán giả được coi là nguy hiểm nhất là người Anh. Người Anh nổi tiếng là có một khối lượng hooligan vừa đông đảo vừa gan dạ và tinh nhuệ.

Nhắc lại, giải bóng đá thế giới đã có từ năm 1930 và được tổ chức 4 năm một lần. Chỉ có những đội tuyển quốc gia đã lọt được vòng loại qua các trận đấu trong khu vực của mình mới được tham dự. Việt Nam dù là quốc gia đứng hàng thứ 12 trên thế giới về dân số với 84 triệu người và rất mê bóng đá nhưng chưa bao giờ được tham dự giải vô địch bóng đá thế giới.

NHỮNG NỮ BỘ HÀNH TRUNG QUỐC rất đặc biệt tại Paris

Họ là những phụ nữ không trẻ, tuổi từ 35 đến 50, đến từ Trung Quốc như những du khách rồi ở lại Paris hành nghề bán dâm bằng cách đi bộ trên các vỉa hè (les marcheuses).

Đầu tháng 5-2006, đài truyền hình quốc gia Pháp France 2, trong mục "Phái viên đặc biệt" (Envoyé spécial) đã chiếu một phim phóng sự về họ. Cuốn phim do một nữ ký giả Pháp gốc Trung Hoa trà trộn vào môi trường của họ để thực hiện. Nữ ký giả này cho biết đã chấm dứt cuộc điều tra sau khi cảm thấy có nguy cơ bị phát hiện và có thể bị mafia thanh toán, nhưng cô đã làm được phần chính những gì muốn làm. Cuốn phim đã chiếu lại cảnh hành nghề của những phụ nữ Trung Quốc này. Họ đi dạo trên các đường phố khu Belleville, một khu phố Trung Hoa giữa Paris, với y phục và thái độ khêu gợi, sau đó dẫn khách về khách sạn hoặc theo khách về nhà riêng. Cuốn phim cũng chiếu lại cách sinh sống của họ và những trao đổi giữa họ với nữ ký giả. Họ sống chen chúc 15 người trong một căn phòng khoảng 20 mét vuông, với nhiều giường xếp thành tầng. Mỗi người phải trả 200 EUR tháng. Một căn phòng như vậy đem lại cho chủ chứa mỗi tháng 3.000 EUR, trong khi giá thuê bình thường chỉ vào khoảng 500 EUR. Dĩ nhiên chủ chứa thuộc một đường dây mại dâm và phải trả tiền để được "bảo vệ".

Các phụ nữ này cho biết họ đã trả 8.000 EUR (10.000 USD) để có thể tới Paris. Họ không phải là những gái mại dâm bình thường. Họ là những người có học thức, từng làm

việc cho các công ty tại Trung Quốc nhưng bị mất công ăn việc làm vì xí nghiệp phá sản. Họ cho biết nạn thất nghiệp lên rất cao tại Trung Quốc, tìm được một việc làm là cả một may mắn. Vì tương đối có học thức, họ biết có thể hành nghề mại dâm tại Pháp, nhưng Pháp không phải là quốc gia đắt giá nhất. Muốn đi Nhật và Hàn Quốc phải trả giá cao hơn nhiều.

Tất cả đều nói rằng họ ra nước ngoài bán thân để cứu gia đình đang trong tình trạng bi đát, họ dàngh gân như tổng số tiền kiếm được để gửi về nuôi gia đình. Gia đình họ không biết họ đang làm gì tại Paris và tin rằng họ đã tìm được một việc làm bình thường tại đây. Có rất nhiều công ty dịch vụ Trung Quốc khai thác tình trạng thất nghiệp này để đưa phụ nữ đi bán dâm tại nước ngoài. Một trong những phụ nữ trong cho hay bà cũng như đa số các bạn sẽ không bao giờ muốn gia đình biết. Họ sẽ sống như vậy cho đến chết tại nước ngoài, nhưng không ai biết sẽ chết như thế nào khi về già hay khi không còn nhan sắc nữa.

Trung Quốc đang được biết tới như một nước đang phát triển kinh tế mạnh, với tỷ lệ tăng trưởng 10% mỗi năm.

TRỊNH VĨNH BÌNH kiện nhà nước Việt Nam

Ngày 15-5-2006, văn phòng luật sư Covington Burling cho biết vụ ông Trịnh Vĩnh Bình, một nhà kinh doanh Hòa Lan gốc Việt Nam kiện nhà nước Việt Nam về tội cướp đoạt tài sản và giam người trái phép, sẽ được Tòa án quốc tế về đầu tư thuộc Liên Hiệp Quốc xử vào cuối năm 2006 tại Stockholm, thủ đô Thụy Điển.

Nhắc lại, ông Trịnh Vĩnh Bình 59 tuổi, thuyền nhân Việt Nam được phép định cư tại Hòa Lan năm 1976. Ông Bình đã trở nên giàu có nhờ sản xuất và phân phối chả giò (nem) tại Hòa Lan. Năm 1994, ông Bình bán hết tài sản tại Hòa Lan và đem về Việt Nam hơn 3 triệu USD để đầu tư. Trong hai năm, từ 1994 đến 1996, ông Bình đã thành lập rất nhiều công ty xuất khẩu nông hải sản và mua rất nhiều đất đai ở Sài Gòn và Vũng Tàu để kinh doanh. Trước sự thành công nhanh chóng này, cuối năm 1996 ông Bình bị tổ công an PA24 bắt và giam 18 tháng. Cuối năm 1998 ông Bình được thả ra và bị quản thúc tại gia sau khi bị tòa án Vũng Tàu xử 11 năm tù về tội "hoạt động đầu tư bất hợp pháp và hối lộ viên chức chính quyền", phạt 480 lượng vàng và 6,2 tỷ VND, toàn bộ tài sản bị tịch thu (khoảng 30 triệu USD). Được sự can thiệp của chính phủ Hòa Lan, ông đã về lại Hòa Lan năm 1999. Không hiểu bằng cách nào ông Trịnh Vĩnh Bình có được trong tay lời tự thú viết ngày 24-6-2002 của một người tên Trịnh Hiền Thanh, công an cục điều tra, thú nhận với cấp trên rằng chính ông ta đã vu cáo ông Trịnh Vĩnh Bình về những tội danh mà tòa án Vũng Tàu dựa vào đó để kết án. Với tài liệu này ông Bình đã nhờ văn phòng luật sư Burlington Curling tại Washington thay ông kiện nhà nước Việt Nam về tội cướp đoạt tài sản, giam người trái phép và đòi bồi thường thiệt hại. Đại diện chính quyền Việt Nam là văn phòng luật sư Gide

Loyrette Rouel tại Paris. Văn phòng luật sư Burlington Curling tại Washington cho biết ông Trịnh Vĩnh Bình đã đòi chính quyền Việt Nam bồi thường thiệt hại trên 100 triệu USD từ cuối tháng 10-2005, hiện nay con số đã được điều chỉnh gần 150 triệu USD, đó là chưa kể những khoản tiền đòi bồi thường khác như thời gian bị giam cầm và thời gian bị quản chế mà ông Bình sẽ đòi thêm trước tòa.

Nếu ông Trịnh Vĩnh Bình thắng trong vụ kiện này, chính quyền cộng sản Việt Nam sẽ còn khốn đốn hơn với những vụ kiện tương tự khác vì con số nhà đầu tư gốc Việt bị chiếm đoạt tài sản kiểu này rất nhiều.

Ngày 6-6-2006 công ty quốc doanh Vietnam Airlines đã bị Tòa phúc thẩm Paris bác đơn kháng án và buộc phải bồi thường ngay cho ông Maurizio Liberati, một luật sư người Ý, một số tiền lên tới 5,2 triệu EUR vì không tôn trọng những ký kết thương mại. Năm 1994 số tiền đòi bồi thường chỉ 500.000 EUR nhưng vì Vietnam Airlines không tôn trọng những phán quyết của tòa án nên số tiền phạt đã tăng lên... gấp 10 lần.

DONALD RUMSFELD đến thăm Việt Nam

Ngày 5-6-2006, bộ trưởng quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld đã ghé Việt Nam trong chuyến viếng thăm nhiều nước tại Đông Nam Á. Đây là chuyến viếng thăm thứ tư của ông Rumsfeld tại Việt Nam, nhưng là lần đầu tiên với tư cách là bộ trưởng quốc phòng. Hai lần trước vào giữa thập niên 1960 khi còn là nghị sĩ bang Illinois và lần thứ ba năm 1995 trong một chuyến viếng thăm "riêng".

Chuyến ghé thăm Việt Nam lần này có nhiều mục đích, trước hết là để chuẩn bị cho chuyến viếng thăm chính thức của tổng thống George W. Bush dự trù vào tháng 11 năm nay, thứ hai là để tăng cường mối quan hệ Việt-Mỹ (đặc biệt là về quân sự, Việt Nam có thể sẽ là khách hàng mua vũ khí của Mỹ) và thứ ba là để thăm dò phản ứng của Việt Nam trước chiến lược mới của Hoa Kỳ tại Châu Á Thái Bình Dương trong 5 năm sắp tới (vô hiệu hóa khả năng quân sự của Trung Quốc).

Trước sự bành trướng quân sự của Trung Quốc tại Châu Á Thái Bình Dương, Hoa Kỳ lo ngại cho quyền lợi của mình trong vùng này bị đe dọa và tố cáo Trung Quốc che giấu những chi phí thực sự về quốc phòng, vào khoảng 90 tỷ USD mỗi năm thay vì 30 tỷ như đã công bố. Do đó chuyến viếng thăm các quốc gia Đông Nam Á của bộ trưởng quốc phòng Rumsfeld nhằm tăng cường những quan hệ có sẵn về kinh tế và quân sự với Hoa Kỳ. Indonesia, Philippines và Singapore là những khách hàng vũ khí trung thành của Mỹ.

BÃO SỐ 1 làm 250 người chết và mất tích

Giữa tháng 5 vừa qua, bão số 1 (tiếng Trung Quốc là Chanchu) đã thổi vào vùng biển Việt Nam trong suốt gần

một tuần lễ, gây ra nhiều thiệt hại về nhân mạng cũng như tài sản cho ngư dân thuộc bốn tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, làm 247 người chết và mất tích, hơn 20 tàu bị chìm khi đang đánh cá ngoài khơi. Số người đi biển của các tỉnh đó trong thời gian có bão là 725 người trên 39 tàu.

Trong thời gian có bão, chính quyền Trung Quốc cho biết hai tàu cứu hộ Nanhaijiu 111 và Dejin đã cứu được 330 ngư dân Việt Nam gần khu vực quần đảo Dongsha (Hoàng Sa) trên Biển Đông. Tất cả các tàu đánh cá Việt Nam, sau khi được cung cấp dầu, nước ngọt, thực phẩm, đã cùng tàu Trung Quốc tìm kiếm những ngư dân khác trên biển.

Tại sao trước một trận bão biết trước như vậy mà ngư dân Việt Nam vẫn tiếp tục ra biển đánh cá ? Tại vì không ai được thông báo. Các cấp chính quyền và các cơ quan chức năng không ai chịu nhận trách nhiệm về sự thiệt hại nhân mạng lớn lao này.

Trong khi đó ở cấp trung ương, các bộ (kế hoạch đầu tư, bộ giao thông vận tải, bộ thủy sản, bộ bưu chính viễn thông) đang đổ lỗi cho nhau, qua đó người ta thấy lãnh đạo các định chế này đã tham nhũng tiền viện trợ kinh khủng đến chừng nào. Trong nhiều năm 2001-2005, Nhật Bản đã tài trợ cho Việt Nam một dự án ODA trị giá 30 triệu USD để hiện đại hóa hệ thống thông tin duyên hải với 32 trạm thông tin dọc các bờ biển Việt Nam, trong đó ba trạm chính đặt tại Hải Phòng, Đà Nẵng và Vũng Tàu. Bộ kế hoạch và đầu tư có đề nghị Nhật Bản tài trợ thêm để xây dựng một hệ thống khác nhưng bị từ chối.

HAI THỦY THỦ VIỆT NAM được cứu trên biển Chile

Ngày 15-5-2006, hải quân Chile đã cứu hai người Việt Nam bị trôi vào một thùng dầu và trôi lênh bềnh trên vùng biển lạnh giá ở Nam Cực. Cả hai đã được đưa vào bệnh viện của thành phố Punta Arenas, cách thủ đô Santiago 3.500 km về phía Nam, để chữa trị. Hiện nay cả hai đã hồi phục sức khỏe và đã được đưa về Việt Nam.

Trần Anh Sơn và Lê Đình Lâm, hai thủy thủ Việt Nam quê ở Hà Tĩnh vừa được cứu sống, cho biết họ là thủy thủ trên tàu đánh cá Jui I Sing mang cờ Đài Loan. Vì không chịu nổi cách đối xử tàn tệ của người quản lý trên tàu nên họ đã "tự ý nhảy xuống biển" và dùng thùng dầu làm phao trôi lênh bềnh trên biển cả với hy vọng được cứu sống (!). Ai đã trói hai người này, đó còn là một dấu hỏi lớn. Cả hai cho biết đã ngâm mình trong biển lạnh -10°C suốt 7 giờ trước khi được cứu. Sự kiện này đã làm dư luận châu Mỹ La Tinh kinh hoàng, gần 100 ký giả nước ngoài đã tới bệnh viện nơi hai thủy Việt Nam nằm điều trị để làm phóng sự. Tàu Jui I Sing đã bị cảnh sát Chile giữ lại để điều tra.

Cũng nên biết gia đình hai thủy thủ này cho hay họ đã vay 18 triệu VND để nộp cho công ty xuất khẩu lao động làm giấy tờ cho con họ được ra nước ngoài làm việc. Trần Anh Sơn cho biết sau hơn 7 tháng làm việc, gia đình anh chỉ mới nhận được 160 USD, một tháng lương !

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Hắn nói : Cuộc đời tao như vậy chỉ vì một con trâu. Mà quả đúng như thế, năm 1954 hắn mới chập chững biết đi. Bà cô tôi định bồng hắn di cư vào Nam nhưng cứ nấn ná ở lại để bán cho bằng được một con trâu, rồi kẹt luôn. Tuy vậy, cuộc đời hắn cuối cùng vẫn khá. Hắn lớn lên làm cháu ngoan Bác Hồ, được xếp loại học sinh giỏi, vào đoàn, vào đảng, trở thành giáo sư tiến sĩ, giảng dạy triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, và đang du lịch nước ngoài.

Tôi hỏi hắn : "Nghề dạy học đói meo. Mày làm sao mà xoay được tiền đi du lịch ?".

Hắn cười :

- Mày lầm đấy, nhờ dạy triết lý Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà tao có nhiều học trò làm quan to, được cho làm trung gian buôn bán nhà đất ra tiền lăm. Tư tưởng Hồ Chí Minh huyền bí nhưng cũng rất thực dụng và có thể mở ra những khả năng to lớn nếu biết vận dụng một cách sáng tạo. Những người nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh như tao đếm trên đầu ngón tay.

Tôi chợt nhớ ra là mình chẳng biết tư tưởng Hồ Chí Minh là gì cả. Hắn giải thích :

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự phối hợp hài hòa giữa triết học Mác-Lênin và văn hóa Việt Nam, là tư tưởng chỉ đạo của cách mạng Việt Nam đã giúp đảng và nhân dân ta vượt qua mọi thử thách, đánh thắng hai đế quốc sừng sỏ Pháp và Mỹ, đạt sự nghiệp vinh quang, thống nhất đất nước, vừa đúng lập trường quốc tế vô sản vừa thể hiện một cách tốt đẹp truyền thống dân tộc, một tư tưởng có lý có tình...

- Nhưng một cách cụ thể nó là gì, thí dụ ?
- Thí dụ Bác từng nói : "giáo dục cho thanh niên là một việc rất ích lợi và rất cần thiết".

- Ông thợ hớt tóc bên cạnh nhà tao ở Sài Gòn ngày xưa cũng nói như vậy.

- Bác dạy : "Yêu tổ quốc, yêu đồng bào, học tập tốt, lao động tốt, giữ vệ sinh thật tốt".

- Đó là công dân giáo dục lớp Một, chưa hẳn là tư tưởng.

- "Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người".

- Câu này hình như của Lương Văn Can.
- Nói trước hay nói sau không quan trọng, tư tưởng không có thời gian. Điều quan trọng là Bác đã nói một cách văn chương. Bác cũng là một nhà thơ lớn, Bác diễn tả tư tưởng của mình bằng thơ. Thí dụ như về yêu cầu đoàn kết, Bác viết : "Hòn đá to hòn đá nặng, một người nhắc nhắc không dặng, hòn đá to hòn đá nặng, nhiều người nhắc nhắc lên dặng". Chẳng phải là nhà tư tưởng và nhà thơ lớn hay sao ?

Hắn viện dẫn nhiều tư tưởng khác của Hồ chủ tịch,

MỤC LỤC

01. Thời điểm quan trọng cho đổi lập dân chủ
Thông Luận
02. Chính sách an ninh quốc phòng của Thái Lan
Nguyễn Minh
04. Tình hình ĐCSVN sau đại hội 10
Bài Tín
06. Thơ : Khóc làm chi cho người đã chết
Ralph Champlin
07. Tương lai nào cho cộng đồng người Việt...
Nguyễn Gia Kiểu
10. Xúc tiến sự hình thành một mặt trận dân chủ
Võ Xuân Minh
12. Phải đấu tranh có tổ chức
Nguyễn Văn Hiếp
14. Ô. Hoàng Minh Chính phục hoạt động Dân Chủ
Nghiêm Văn Thạch
15. Sân chơi bình đẳng
Trương Minh Tri
17. Người đi, người ở... người về
Nguyễn Huỳnh Đức
19. Những thương lượng về biên giới Lào-Việt
Nguyễn Văn Huy
21. Nam Bộ đã bị đảng cộng sản lừa gạt...
Tôn Thất Thiện
24. Thời Trần (1225-1400)
Lê Văn Hảo
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Đây

kể cả câu nói lịch sử ngày 2-9-1945 : "Tôi nói đồng bào có nghe rõ không ?". Thấy tôi vẫn chưa được thuyết phục, hắn ngần ngừ một lúc rồi tiếp :

- Nét độc đáo nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là sự khiêm tốn. Mày có thấy lãnh tụ nào dùng bút hiệu riêng để viết về mình không ? Các chính khách lớn thường viết hồi ký nói về sự nghiệp của mình. Họ tự cao tự đại, Bác Hồ thì khác hẳn. Bác dùng hai bút hiệu T.Lan và Trần Dân Tiên để viết về mình. Đó là cung cách nhân văn của một con người khiêm tốn, không muốn nói về mình, khi cần thì mượn tên một người khác.

Tôi vẫn chẳng hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh là gì cả. Hắn nói tư tưởng Hồ Chí Minh huyền bí, sự huyền bí này vẫn còn nguyên vẹn đối với tôi. Tôi hỏi hắn :

- Tư tưởng Hồ Chí Minh khó ở chỗ nào mà mày nói rằng những người có khả năng giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh như mày hiện nay rất hiếm ?

- Mày không thể hiểu được, cái khó nhất là không được phì cười. Phải nghiêm trang, tuồng tượng như mình đang đóng kịch trên sân khấu, học trò là khán giả. Về điểm này thì tay nghề tao cao lắm. À này, tư tưởng Hồ Chí Minh đã mở ra cho tao một nghề mới đầy hứa hẹn. Tao vừa ký hợp đồng làm diễn viên màn ảnh, thu nhập gấp mười. Trước nhờ ơn con trâu sau nhờ ơn Bác.

Đây